

NGÀY 15 THÁNG 3 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

HƯƠNG - TỬ *mặc cảm bị trị* • ĐÀO - QUANG -
HUY *Rostow và Marx trong thuyết tiến hóa xã hội* •
TRÀNG - THIÊN *các trào lưu lớn của tư tưởng*
hiện đại • CÔ - LIÊU *giao điểm sinh vật điện tử* •
NGUYỄN - NGU - Í **HAI GIỜ VỚI ÔNG CHÁNH**
THƯ KÝ BAN THƯỜNG VỤ LÂM THỜI
PHẬT GIÁO HÒA HẢO • HOÀI - HƯƠNG
loạn • PHAN - DUY - NHÂN *thư cho mẹ* •
THANH - THUYỀN *tình ca* • ĐOÀN - THÊM *thủy*
triều III • TRIỀU - ĐẦU — BÙI - ĐÌNH — THÁI - VĂN
ngàn năm Lê - Văn - Trương • MỘNG - TRUNG *lá*
thư Bruxelles • HỒ - HỮU - TƯỜNG **TRẦM**
TƯ CỦA NGƯỜI TỘI TỬ HÌNH : CÁI
NGHIỆP TIÊN THIÊN • LÊ - TẮT - ĐIỀU *kẻ tình*
nguyện • HOÀNG - ĐÔNG - PHƯƠNG *vòng tay*
học trò • HOÀI - THU - NGÂM — NGUYỄN -
NGU - Í *(thuật) sinh hoạt văn nghệ Việt - Nam*
ở Balê • Sự công
bình xã hội giữa thành
thị và nông thôn •

173

Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NUỐC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{IE} F^{IE} DES DISTILLERIES DE L. I. C. DiC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NUỐC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chánh gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng chính (Siège Social)

ĐÀI BẮC — TRUNG QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghì (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỔ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 20.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỔ VÀ KHO THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA); VÀ CÓ TỦ BẢO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỦ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300\$ TRỞ LÊN.



Dường bay

HOA - SEN VIỆT - NAM

SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần : THỨ BA và THỨ BAY

bằng PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA

D C 6 B

All weather radar equipped)



Mỗi thứ Ba : Khởi hành tại SAIGON : 08 g 30

Mỗi thứ Bảy : Khởi hành tại SAIGON : 15 g 00

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HÃNG DU-LỊCH HAY

**VIỆT-NAM
HÀNG-KHÔNG**

116 NGUYỄN HUỆ SAIGON. Đ.T. 21.624.21.625.21.626



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M

Số thương mại Saigon số : 157B

Q.G.D.B. : 55.826.21.001

C.C.P. SAIGON No 2704

TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23 434, 35, 36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hàng Lang Eden; Saigon

Điện thoại : 23.207

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI - DIỆN CÁC NGÂN - HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : **CHUNGKUO**

Code : Peterson Internationale 4 th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES
LES GRANDES VILLES DU MONDE

SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bến Chương Dương

Téléphone : 21.632-21.633



AGENCE DE CHOLON :

218, đại lộ Đông-Khánh

Téléphone : 36.266



AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRERES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5 300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM	SAIGON	AGENCE	32, Dai Lô Hàm Nhi — Tél. 20 065 20.066, 20 067,
		BUREAUX :	178 - 180 182, Duong i ê- Thanh-Tôn (Marché cen- tral) — Tél. : 22 142
			415 - 417 Duong Hai Bà Trung (ầu Đnh) Tél. . 25.172.
	CHOLON :	AGENCE	386, Dai lô Đông Khanh Cholon, — tél. 36 105.
	KHANH-HUNG : AGENCE : 23, Duong Hoang Diên.		

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH

KHOA trong số này

Số 173 ngày 15-3-64

HƯƠNG-TỬ	mặc cảm bị trị	3
ĐÀO-QUANG-HUY	Rostow à Marx trong thuyết tiến hóa xã hội	7
TRẦN-THIÊN	các trào lưu lớn của tư tưởng hiện đại (dịch André Maurois)	15
CÔ-LIÊU	giao diềm sinh vật điện tử	25
NGUYỄN-NGU-Í	hai giờ với ông Văn-Phú chánh thư kí ban thường vụ lâm thời Phật Giáo Hòa Hảo	31
HOÀI-HƯƠNG	loạn (thơ)	45
PHAN-DUY-NHÂN	thư cho mẹ (thơ)	46
HỒ-HỮU-TƯỜNG	trăm tư của người tội tử hình : cái nghiệp tiên thiên	47
THANH-THUYỀN	tình ca (thơ)	55
ĐOÀN-THÊM	thủy triều (thơ)	56
TRIỀU-ĐẦU — BÙI-ĐÌNH — LÊ-VĂN	ngàn năm Lê Văn Trương (thơ)	58
MỘNG-TRUNG	lá thư Bruxelles	59
LÊ-TẮT-ĐIỀU	kể tình nguyện (truyện ngắn)	67
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG	vòng tay học trò (truyện dài)	76
HOÀI-THU-NGÂM — NGUYỄN-NGU-Í	(thuật) sinh hoạt văn nghệ Việt - Nam ở Balê (buổi nói chuyện của cô Minh Đức) —	88
Sự công	bình xã hội giữa thành thị và nông thôn (buổi nói chuyện của ông Dương-Minh-Triết)	92

BÁCH-KHOA

những bài trong số tới

Chính trị hóa nền giáo dục

Một tài liệu về tiểu sử cụ

Phan Bội Châu

Nhạc Jazz

Nhiệm-sắc-thề và di-truyền tính

Một quan niệm về sử

Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh-thám
Anh

Giao điểm lãnh độ

Biện chứng pháp và nhân bản học

Đàn hỏa và Xá-Lợi

Vài kỷ niệm về Lê-Văn-Trương

Một nhà vô địch nhìn đời (dịch
Kafka)

Một ngày của Ioan (Dịch A. Sol-
jénitsyne)

Đi vào « Sốc »

Vòng tay anh (truyện ngắn)

Những người chết chưa chôn
(truyện ngắn)

An ủi (truyện ngắn)

Gió trên đời (truyện ngắn)

Lạnh tuổi vàng (truyện ngắn)

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

TRẦN-VĂN-KHÊ

VÕ-QUANG-YẾN

PHI-BẰNG

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

CÔ-LIÊU

TRẦN HƯƠNG-TỬ

NGUYỄN-VĂN-THƯ

NGUYỄN-NGU-Í

HOÀNG-MINH-TRÍ

NGUYỄN-MINH-HOÀNG

SƠN-NAM

TÚY-HỒNG

YÊN-HY-BA

LÊ-TẮT-ĐIỀU

TRÙNG-DƯƠNG

TRẦN-THI-NHÃ-CA

Mặc cảm bị trị...

LỰC lượng quân dân ta đã xô đổ Ngô triều và rút đứt những xiềng xích mà chế độ cũ đã quàng lên cổ chúng ta. Nhưng ba tháng đã trôi qua, mà chánh phủ lâm thời vừa « lâm chung » và đa số dư luận báo chí dường như vẫn còn lẫn lộn ở quanh cái thây chết của gia đình họ Ngô.

Thái độ trên đây khiến người ta không khỏi không nhớ tới câu chuyện *Con chó tuột xích* (của văn-hào Paul-Louis Courier de Méré thì phải). Một hôm ông đi về chơi vùng quê, gặp ngày trời nóng nực, mà nẻo đó lại ít dân cư nhà cửa. Tìm đâu được một quán giải khát hay một tiệm ăn bây giờ ? Đang gần như thất vọng, ông nhìn

ngang thấy một nông trại xa xa, im lìm dưới ánh nắng trưa hè. Tạt qua cánh đồng hoang, ông tiến thẳng tới cổng trại. Không một bóng người. Không một tiếng sinh-vật. Ông cất tiếng gọi. Một tiếng chó sủa găm lên. Gọi nữa. Vẫn không ai trả lời. Ông rón rén bước vào trại : một con chó lu bị xích chồm ra tự chái nhà, chỉ cách ông chừng mười bước. Ông có tính sợ chó, nhưng cái khát chết người bắt buộc ông không được lui. Ông huýt sáo miệng, tay vẫy vẫy làm quen, và gọi con chó bằng mọi thứ tên mà ông biết về loại chó. Gọi tên nào, con chó cũng không nghe vẫn cứ rống lên và chồm lên. Trong nhà vẫn chưa có ai ra. Nhìn kỹ,

văn sĩ nhận thấy chiếc xích có vẻ sơ sài và quá mong manh đối với sức một con chó lu vao cỡ đó. Càng mong càng mất, không thấy một bóng người, không nghe một tiếng đàng hẵng. Mà con chó thì càng lúc càng như tức khí thêm, càng rú lên và chồm lên dữ dội. Bỗng xích đứt phăng, con chó theo đà căng xích bị ném tung ra gần tới chỗ ông đứng. Ông hoảng sợ, giật lùi lại. Nhưng con chó hùng hổ kia lại không phóng tới cắn ông, như ông lo sợ. Nó bề bàng trở lại ngửi chiếc xích, găm giữ vài cái, rồi chui vào cũi.

Phải chăng con chó kia có « mặc cảm bị xích » ? Phải chăng nhiều người trong chúng ta có « mặc cảm Ngô-Đình-Diệm » ? Người ta có cảm tưởng như chúng ta bị nô lệ vào những xiềng xích mà họ Ngô đã trói buộc chúng ta. Ta quá quen với cảnh nô lệ đến nỗi khi xích đã đứt rồi mà vẫn cứ quanh quẩn nhớ xích mãi, không sao vươn ra xa được. Chỉ biết moi móc những khía cạnh tình-cảm của chế độ cũ để thỏa tính oán thù nhỏ nhen, không biết rút ra những bài học cho bước tiến cấp thời của hôm nay : đó không phải là quanh quẩn với chiếc xích đứt ư ?

Không riêng gì cái xích Ngô-đình. Còn vô số cái xích cũ khác. Rõ nhất là cái xích mà « mẫu quốc Đại-Pháp » để lại cho chúng ta. Cái xích này, có người bạn của tôi gọi nó là « mặc cảm A-na-mít ». Anh ấy bảo đa số thành phần

lãnh đạo của chúng ta vẫn là người An-Nam (A-na mít) của chế-độ Bảo hộ, chưa phải người Việt-Nam độc lập và tự do. Bao lâu chúng ta không dám làm khác với người Pháp, thì chúng ta vẫn là người An-nam như cách đây ba chục năm. Bao lâu ta còn coi bắt cứ cái chi của người Pháp cũng đều hay cả, thì chúng ta vẫn chưa phải người Việt-Nam. Mổ ma Jean Marquet đã viết : « Trong lòng mỗi người An nam đều có nằm ngủ một ông quan... Dân An-nam chỉ đi học để làm công-nhân cho Nhà Nước ». Làm quan với Nhà Nước Bảo hộ là làm người thừa hành. Làm công nhân là sống dưới quyền sai bảo của người khác, Cả hai thứ giống nhau ở chỗ là nô lệ trá hình. Người nô lệ chưa tự nhận-thức về tình-trạng của mình ; người nô lệ mà tưởng mình sang và oai lắm, vì mình được hành hạ kẻ khác, người nô lệ đó không dễ vươn lên hàng người tự-do được.

Tự do ? Một danh từ thần thánh đã trở thành trở trêu và tục hóa. Tự do : ai cũng nói tự do. Nhưng tự do là gì ? Hỏi thế, sợ rằng xa xôi quá, chỉ xin hỏi như văn-hào Bernanos rằng : « Tự do để làm gì ? » Con chó kia cựa mãi cho đứt xích để tự do, nhưng nó không biết dùng tự do để làm chi hết ; cuối cùng nó đã dùng tự do để tự chui vào cũi. Như vậy, có hơn gì khi nó bị xích thực sự đâu ?

Tự do để làm gì ? Triết học ngày nay không công nhận có tự-do trừu-tượng. Nói đúng hơn, triết

học ngày nay cho rằng nói tự-do lý-thuyết, tức tự-do theo nguyên tắc, là nói một truyện hoang đường, bởi vì tự-do không phải là một quan-niệm xuông. Không ai ban được tự-do cho ta. Triết gia Mounier viết : « Ta phải đoạt lấy trách-nhiệm ». *Tự do là hành động, và mãi mãi chỉ là hành động.* Tự do là hành động của con người tự quyết về mình, về số phận của mình. Không có thứ tự do để ngồi mà chờ và chờ thời, không có thứ tự do chỉ nguyên bằng thẻ thủ. Không có thứ tự do chỉ nguyên bằng nhờ người. Nhờ trời còn chẳng đáng gọi là tự do, phương chi là nhờ người ? Tự do là tự quyết ; thiếu tự quyết là không thể có tự do, mà chỉ có chờ mong người ta và sợ người ta.

Không ai tự do thay cho ta được. Không ai tự do giúp ta được. Xem như chúng ta sợ tự do hơn là yêu tự do. Sợ không dám quyết định, tức là sợ tự do. Sợ cái cách sâu rộng, là sợ tự do. Sợ không dám lãnh trách nhiệm trước lịch-sử, là sợ tự do. Sợ chết là sợ tự do. Mà sợ chết thì sẽ chết, và chết nhục nhã.

Khi nghe một diễn giả chỉ lấy đi lấy lại một ý tưởng, thì người nghe sẽ biết ngay là ông ấy không còn gì để nói nữa. Chỉ nhai đi nhai lại. Mấy tuần lễ sau ngày cách mạng, dân chúng ưa nghe đá đảo chề độ cũ. Nhưng nay nhàm rồi. Giờ đây dân chúng mong nghe một chương trình cải tạo xã hội. Cải tạo sâu rộng. Thiếu

chương trình cải tạo sâu rộng và cụ thể, dân chúng sẽ thất vọng và sẽ dễ sống chết mặc chánh phủ. Trái lại, nếu chánh phủ thành thực yêu dân, thì chắc chắn dân cũng hết lòng yêu mến chánh phủ. Dân yêu chánh phủ, thì chánh phủ sẽ thắng Cộng-sản dễ dàng, vì khi đó Cộng sản là kẻ thù của dân, chứ không còn có vẻ chỉ là kẻ thù của chánh phủ như từ trước đến nay nữa.

Thời giờ đã quá gấp rút, xin đừng ai phí thời giờ để quỵa quanh chiếc xích đã đứt nữa. Hãy để cho pháp luật thông thả điều tra và bắt họ Ngô đến tội, còn nghị lực và sức chú ý của chúng ta phải được hướng tất cả về chương trình cải tạo xã hội. Phải cải tạo toàn diện và sâu rộng. Cải tạo thì sống, không cải tạo thì chết. Người ta thường cho yếu tố quân sự là quan trọng hơn yếu tố cải tạo xã hội : cách nhận định như thế đã không thu được kết quả nào đáng kể trong suốt hai chục năm trường, với quân đội Pháp từ 1945 đến 1954, và với viện trợ quân sự Hoa-Kỳ từ 1954 đến 19 4. Như vậy, phải chăng cái nhìn kia không đúng ? Phải chăng yếu tố xã hội cũng quan trọng ít ra bằng yếu tố quân sự, nếu không phải là quan trọng và quyết định hơn ?

Nhưng muốn thấy những cải tạo xã hội sâu rộng như thế, cần mau bỏ ngay những mặc cảm bị xích, và mặc cảm bị trị... Liệu các vị trong thành phần lãnh đạo của chúng ta có rũ bỏ được không ? Ước mong rằng chúng ta sẽ không bị thất vọng.

HƯƠNG-TỬ

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khỏe mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

ROSTOW VÀ MARX

trong thuyết Tiên Hóa Xã-Hội

(Xin xem Bách-Khoa từ số 172)

SƠ-LƯỢC HỌC-THUYẾT ROSTOW



W.W. Rostow

TÂN học thuyết về sự tiến hóa xã hội đã được giáo sư Walt Whitman Rostow trình bày trong cuốn *The Process of Economic Growth* xuất bản năm 1952. Cũng như Marx, Rostow đã giải thích các giai đoạn

tiến hóa của xã hội trong quá khứ để tiên đoán tương lai nhân loại. Học thuyết Rostow được coi như có đủ khả năng đối địch với học thuyết Marx vì cũng như Marx, Rostow đã xây dựng học thuyết của ông trên những nhận định thực trạng đã từng xảy ra trong xã hội loài người. Nhưng có một dị biệt quan trọng giữa Rostow và học thuyết Marx là, khác với Marx, Rostow không phân biệt hạ tầng cơ sở với thượng tầng kiến thiết và cũng không đặt thành định đề cho rằng hạ tầng cơ sở chỉ phối thượng tầng kiến thiết. Theo Rostow, tất cả mọi sự kiện xảy ra trong xã hội đều ảnh hưởng song phương và hỗ tương.

Rostow phân chia quá trình tiến hóa xã hội ra làm 5 giai đoạn :

— Giai đoạn kỹ thuật truyền thống,

— Giai đoạn chuyển tiếp.

— Giai đoạn khởi phát.

— Giai đoạn triển phát.

— Giai đoạn nâng cao mức sống.

Sự chuyển tiến từ giai đoạn này

sang giai đoạn sau không thể ghi nhận một cách máy móc bằng các niên đại được. Mỗi xã hội, mỗi dân tộc, tùy theo khả năng nội tại và hoàn cảnh chính trị từng thời, đã và sẽ đạt tới một giai đoạn vào các thời gian khác nhau.

Sau đây là bảng kê khai, theo sự ước tính của Rostow, thời gian một số quốc gia đã đạt tới ba giai đoạn cuối của quá trình.

TÊN QUỐC GIA	Năm đầu giai đoạn khởi phát	Năm chót giai đoạn khởi phát	Giai đoạn triển phát	Giai đoạn nâng cao mức sống
Anh-Quốc	1.783	1.802	1.850	1.935
Pháp-Quốc	1.830	1.860	1.910	1.950
Đức-Quốc	1.850	1.873	1.910	1.950
Hoa-Kỳ	1.843	1.860	1.910	1.920
Thụy-Điển	1.868	1.890	1.930	1.945
Nhật-Bản	1.878	1.900	1.940	1.955
Nga-Sô	1.890	1.914	1.950	?
Gia-Nã-Đại	1.845	1.920	1.925	1.950
Úc-Đại-Lợi	1.930	?	?	1.935
Thổ-Nhĩ-Kỳ	1.940	?	?	?
Mê-Tây-Cơ	1.940	?	?	?
Trung-Quốc	1.945	?	?	?
Ấn-Độ	1.945	?	?	?

Giai đoạn kỹ thuật truyền thống trong quá trình do Rostow phác họa, tương ứng với giai đoạn kinh tế tự túc trong học thuyết kinh tế cổ điển. Trong giai đoạn này, việc sản xuất thực phẩm chiếm giữ 75% nhân công, lợi tức về

canh tác chiếm 80% tài nguyên trong xứ, quyền hành và tư sản thuộc về giai cấp địa chủ hoặc lãnh chúa, qui chế cho thuê mướn ruộng đất chỉ phối tổ chức xã hội, mức sống của bình dân rất thấp, phần lợi tức thặng dư hàng năm được

dùng vào các tổ chức phi phạm và không sinh lợi, mối liên hệ gia đình chặt chẽ và nghiêm mật ràng buộc một số lớn cá thể, mỗi gia đình cố gắng sản xuất những phẩm vật họ cần dùng, phần thặng dư chỉ được đem đổi chác hoặc bán lại vào những ngày nhất-định trong một tháng và tại những nơi qui-tụ ước định.

Đề chuyển tiến từ giai đoạn kỹ-thuật truyền thống sang giai-đoạn kế-tiếp, cần phải có một số tiết-kiệm tối thiểu của tư nhân đem ra đầu-tư. Trong giai đoạn trước, tuy đã biết tiết-kiệm nhưng nhân-dân chưa có được ý-niệm đầu tư sinh lợi. Gặp năm trúng mùa, với số lượng thực phẩm dư dật, người ta chỉ biết tích trữ để dùng vào những ngày kém đói, giãn hoặc đem cho người túng thiếu hơn tiêu thụ và bắt họ phải trả lại vào mùa tới cộng thêm một số-lượng gọi là phần lời. Những vụ tiết-kiệm tương-tự như kiểu ấy chỉ có tính cách dự phòng, chưa thể gọi được là những vụ tiết-kiệm để đầu tư sinh lợi. Ý-niệm đầu tư sinh lợi chỉ tới với một xã-hội khi dân chúng thực sự biết ganh đua làm giàu. Hiện-tượng này Rostow gọi là sự thách đố (defiance). Để cho rõ nghĩa hơn, Arnold Toynbee giải thích hiện-tượng này bằng hình-thức thi đua (challenge). Trong giai đoạn chuyển tiếp, hiện - tượng thi đua có tác-dụng của một giọt giấm giở vào bình nước ngọt, của một miếng vỏ trai đem cấy vào một con trai đang sống trong việc làm giấm ăn hay

trong kỹ-nghệ cấy hạt trai nhân tạo.

Theo Rostow, không có một xã-hội nào có thể vượt qua giai-đoạn kỹ-thuật truyền-thống nếu không có một biến cố ngoại lai tới kích-thích để tạo ra trong xã-hội ấy hiện-tượng thách đố nói trên đây. Cơ-cấu xã-hội nghiêm mật trong giai-đoạn kỹ thuật truyền thống không chấp nhận một công thức kinh tế mới, nếu không có sự xúc tiếp của biến-cố ngoại-lai. Biến-cố ngoại-lai ấy đóng vai trò của chất xúc-tác (catalyseur). Cuộc viễn - chinh của Thập-Tự-Quân là biến cố kích-thích các xã-hội tây phương thoát khỏi giai đoạn kỹ - thuật truyền-thống. Cuộc chiến tranh chống Anh-Quốc, đối với xã-hội Hoa-Kỳ, trận nha-phiến chiến-tranh và vụ xâm-nhập lãnh-thổ Trung-Quốc của hạm-đội Peary đối với xã hội Nhật-Bản, đã là các kích thích tố khiến xã-hội hai quốc- gia này tiến sang giai-đoạn kinh-tế chuyển-tiếp trong quá-trình Rostow.

Sở dĩ Rostow gọi các biến-cố loại này là các biến-cố ngoại lai vì hai lẽ : Các biến cố ấy thường xảy ra từ bên ngoài mà đưa lại ảnh hưởng và tuyệt nhiên không bao giờ có tính-chất thuần-túy kinh-tế, thông thường là một biến cố quân sự. Các biến cố loại này thường kích-thích ái quốc và ý niệm quốc-gia chủng-tộc trước khi kích-thích sự mở mang kinh-tế. Ý-niệm giành độc lập đối với Anh-Quốc đã khiến xã-hội Hoa-Kỳ phải gắng sức vượt qua giai-đoạn kỹ - thuật truyền-thống. Mặc cảm giống da vàng bị miệt-thị

đã khiến xã hội Nhật-Bản nỗ lực theo kịp đà tiến hóa của các xã hội tây phương.

Hiệu theo nghĩa trên đây, cuộc tranh-giành ảnh-hưởng giữa Nga-Sô và Hoa-Kỳ ngày nay có thể được coi là kích-thích-tổ giúp các xã-hội các quốc-gia thiếu mở-mang tiến sang giai-đoạn chuyển-tiếp. Chế-độ thuộc-địa xưa kia cũng đã góp một phần vào việc kích-thích các xã-hội chậm tiến, vì nhờ chế-độ này dân-tộc các quốc-gia nhỏ yếu được tiếp-xúc với các dân-tộc văn minh hơn. Sự tiếp-xúc ấy khiến dân-tộc các quốc-gia này nhận-thức được sự thua kém của mình. Mặc-cảm bị khinh-miệt đã kích-thích họ và là nguyên động-lực thúc-dục họ tiến gấp để chuyển giai-đoạn.

Theo Rostow, muốn tiến nhanh trong giai-đoạn này, xã-hội các quốc gia thiếu mở-mang nên theo chế độ kinh-tế chỉ-huy, dành nhiều quyền hành cho Nhà Nước. Cũng trong giai-đoạn này chính-phủ các quốc-gia ấy phải biết lợi dụng lòng ái quốc đang mạnh mẽ để kích thích công cuộc sản xuất tại nước mình và nhất là cải thiện các cơ cấu kinh tế lạc hậu để tự mở cho mình con đường tiến hóa. Một trong các mục tiêu cần phải cải-thiện trước nhất là chế độ điền địa và qui chế thuế mướn ruộng đất.

Trong giai đoạn chuyển tiếp, sáng kiến của tư nhân vì còn dụt dề bờ ngõ, nên cần được các kế hoạch tiền định của Nhà Nước

hướng dẫn dù là dưới hình thức tự nguyện hay hình thức cưỡng bách. Tuy nhiên, theo Rostow, có hai sự việc cần phải hết sức tránh, đó là sự lạm phát tiền tệ và việc trưng thu các tiết kiệm của tư nhân. Để kích thích một cách hữu hiệu dân chúng nỗ lực góp sức vào việc mở mang kinh tế, ý niệm tiết-kiệm để đầu tư sinh lợi là một ý niệm hết sức cần thiết. Thiếu ý niệm này, hoặc bóp nghẹt ý-niệm đó bằng các sắc thuế quá nặng hoặc bằng chính sách tập sản, thì mọi hình thức kích lệ nào khác cũng trở thành vô công hiệu.

Cũng trong giai đoạn chuyển-tiếp, một việc cần thiết khác là phải tạo lập ngay trong lòng các xã hội chậm tiến một số người bạo dạn và có đủ uy tín để châm ngòi cho khuynh hướng đầu tư các tiết kiệm vào công cuộc sản xuất. Những kẻ tiên phong trong công cuộc này cần phải được nâng đỡ và khuyến khích. Các vụ lạm phát giấy bạc và các vụ trưng thu tiết kiệm chỉ đưa xã hội quay ngược lại con đường cũ, con đường dẫn về chế độ hiện vật giao hoán.

Giai đoạn khởi phát hay nói đúng hơn là giai đoạn cất cánh (take off) gồm một khoảng thời gian ngắn chừng vài ba chục năm, trong khi ấy nền kinh tế tiến triển đều đều và tự động. Các đặc tính chính yếu của giai đoạn này là :

— Các cuộc đầu tư gia tăng ít nhất 10% để có thể thâm dụng được nhiều hơn số tự bản tiết kiệm của tư nhân.

— Kỹ nghệ và thương mại mở mang để cân xứng với nông nghiệp.

— Cơ cấu xã hội cải tiến để phù hợp với tình trạng kinh tế mới.

Tại mỗi quốc gia, một ngành kỹ nghệ sẽ đặc biệt phát triển để làm đầu mối cho sự chuyển tiến của xã hội qua giai đoạn triển phát. Sự phát triển ngành kỹ nghệ tơ sợi tại Anh-Quốc, sự mở mang kỹ nghệ lọc dầu lửa tại Hoa-Kỳ cũng như sự bành trướng ngành hóa xa tại miền Tây-âu đã là các công cuộc thâm thập được nhiều tư bản tiết kiệm nhất và đã giúp xã hội các quốc gia này triển phát được nền kinh tế của họ.

Tùy thuộc ngành kỹ nghệ đặc biệt này, mỗi quốc gia tìm ra một đường tiến tới giai đoạn kinh tế phồn thịnh. Anh-Quốc kể từ 1850 đã trở thành quốc gia của len sợi và than đá, Hoa-Kỳ kể từ 1910 đã là quốc gia của dầu hôi và các sản phẩm hóa học, Nhật-Bản, kể từ 1940 đã là quốc gia của đồ gốm và đồ chơi con trẻ.

Trong giai đoạn xã hội triển phát, phải kể tới một hiện tượng đặc biệt quan trọng. Đó là tình trạng bất ổn định kinh tế trong việc lựa chọn hướng tiến. Tình trạng bất ổn định ấy phát hiện qua những thất bại của các kế hoạch kinh tế lẻ tẻ và hậu quả của các vụ thất bại này là một số nhà tư bản bị phá sản một phần các tiết kiệm của tư nhân bị khánh kiệt, nhiều vụ đình công và cả nạn thất nghiệp nữa.

Cuốn Tư Bản Luận của Karl

Marx đã thụ ý trong giai đoạn này của quá trình tiến hóa xã hội. Marx đã có những tư tưởng lệch lạc vì đã chứng kiến những hiện tượng không mấy tốt đẹp của giai đoạn triển-phát. Tình-trạng khủng hoảng kinh tế trong giai đoạn này, thực ra chỉ là chứng bệnh trưởng thành của xã-hội. Cũng như cá-nhân, xã hội buộc phải qua cơn khủng hoảng như vậy mới đạt tới giai đoạn phồn thịnh. Cuộc khủng hoảng kinh tế trong giai đoạn này theo Rostow, không thể đưa xã-hội quay ngược lại cái vòng luẩn-quần của Marx, vì chưng, cũng theo Marx thì vào một thời xa xưa nào đó, nhân loại đã khởi hành từ chế độ cộng-sản để tiến qua chế độ kinh-tế tự-túc.

Sau cơn khủng-hoảng này, mỗi xã-hội tự tìm ra một hướng đi để hoàn bị nền kinh tế. Từ khi ấy xã hội sẽ có đà để tiến qua giai-đoạn cuối của quá trình Rostow. Các thất bại liên tiếp trong giai-đoạn triển phát giúp mỗi xã-hội nhận thấy sở-trường và sở đoản của nó. Để tiến tới, xã-hội ấy phải tìm cách phát triển sở trường và chế-ngự sở đoản. Bằng ngành sản-xuất thích-ứng nhất với khả năng của dân-tộc, việc nâng cao mức sinh hoạt của nhân dân chỉ còn là một lý dĩ-nhiên vậy.

Hoa-Kỳ đã đạt tới giai-đoạn này từ 1920. Sự phồn thịnh kinh tế của Hoa-Kỳ là hệ luận của chế độ tư sản chứ không phải là hiện-tượng báo trước sự sụp đổ của chế độ tư bản như lời tiên-đoán

của Marx. Đó chính là sắc thái ngoại biểu của một mức sống đã được nâng cao vậy.

* *

Đặt bên quá-trình tiến hóa xã-hội do Rostow phác-họa, các lập-luận của Marx chỉ còn giá trị của một hệ - thống suy - tưởng trừu-tượng. Quá trình Rostow còn có được tính cách mềm mỏng, di-động nên xác thực hơn, trong khi các luận cứ của Marx, qua phương-pháp duy vật biện chứng, đã trở thành đặc biệt nghiêm ngặt và cứng rắn.

Học thuyết Rostow được xây dựng trên các sự kiện thực-tế đã chiêm nghiệm được tại nhiều quốc-gia khác nhau, học thuyết Marx khởi lập từ một định đề trừu tượng về hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến thiết. Một khi định đề này bị hoài nghi thì cả hệ thống suy luận của Marx cũng không còn đứng vững nữa.

Trước hết, phân biệt các sự kiện và cơ cấu xã hội ra làm hai giai tầng theo kiểu Marx chỉ là một việc làm hết sức độc đoán. Có nhiều sự việc xảy ra trong thực tế, người ta không thể liệt vào giai tầng nào cho thích đáng. Thực tế còn cho biết rằng không nhất thiết bao giờ vật chất cũng chỉ huy tinh thần, giữa tinh thần và vật chất sẵn có một luồng ảnh hưởng hỗ tương tự nhiên. Từ lâu, thuyết Trí Lượng Trí của Vương-Dương-Minh đã biện biệt, giữa hạ tầng cơ sở và thượng tầng kiến thiết phải có một

mối liên hệ hỗ tương và song chiều. Cho rằng cách bày bàn ăn uống của người Đông-Phương chế định tinh thần cộng đồng của các dân tộc này hay nghi rằng vì tinh thần cộng đồng truyền thống của Á-Đông nên cả gia đình thường dùng chung thức ăn đặt trong cùng một đĩa bày trên một thứ bàn tròn đều có vẻ hợp lý cả (1).

Quá trình tiến hóa xã hội của Marx còn là một chiếc vòng luẩn quẩn. Làm sao giải thích nổi rằng xưa kia xã hội nhân loại khởi hành từ chế độ cộng sản đề rồi lại quay trở về chế độ cộng sản? nếu quả thực chế độ cộng sản thích hợp với sở năng của con người hơn hết thì tại sao loài người xưa kia đã rời bỏ chế độ này để tiến tới chế độ tư hữu. Cuộc tiến hóa của xã hội đem con người mỗi ngày mỗi xa hơn chế độ cộng sản, con đường vòng do Marx họa ra chỉ là hướng đi của thoái hóa.

Xã hội các quốc gia cựu thuộc địa hiện đang ở trong giai đoạn thứ hai của quá trình Rostow. Để tiến hóa, các xã hội ấy nên đi thẳng hay đi vòng. Giả thiết cho rằng các lập luận của Marx đúng chẳng nữa, thì

1. — Gần đây, một học phái, gồm phần lớn các nhà khoa học đã chứng minh một hiện tượng trái ngược: tinh thần chi phối vật chất. Một thiếu nữ sống sót sau một tai nạn xe lửa rừng rợn, đã bị liệt cả hai chân mặc dù trong thân thể cô người ta không hề tìm ra một thương tích nào. Phải dùng tới phép thần thuật, các bác sĩ mới chữa lành được cho thiếu nữ ấy.

cũng nên tự hỏi rằng trước khi chuyển qua chế độ cộng sản, xã hội các quốc gia chậm tiến có buộc phải trải qua chế độ tư bản không? việc chuyển hóa một xã hội còn ấu trĩ sang ngay chế độ cộng sản phải chăng là một cuộc phiêu lưu đầy nguy hiểm. Hành động như vậy cũng không phù hợp ngay cả với luận thuyết của Marx nữa. Do đó, tại các quốc gia như hầu Nga - Xô, người ta chỉ thấy nêu lên chính sách kinh tế khắc khổ và mức sinh hoạt của nhân dân chỉ thấy mỗi năm một kém hơn mà thôi.

Quyền tư hữu, một hình thức thưởng công cho con người lao động, phải được duy trì và tôn trọng vì nó là nguyên động lực thúc đẩy xã hội tiến hóa. Mất quyền tư hữu, con người sẽ trở về trạng thái man

rợ. Điều mà các quốc gia cựu thuộc địa cần phải giải quyết cấp kỳ chưa phải là việc san bằng tài sản bằng hình thức giai cấp đấu tranh, mà chính là việc nâng cao mức sống của nhân dân vậy.

Học thuyết Rostow phù hợp với quyền lợi các quốc gia thiếu mở mang. Nếu được phổ biến một cách sâu rộng, học thuyết Rostow đánh bại học thuyết Marx một cách dễ dàng. Tuy nhiên, để tăng thêm mãnh lực, thiên nghĩ cần phải giản dị hóa thuyết Rostow để có thể đem phổ cập tới giới bình dân và nhất là không nên câu chấp để có thể diễn tả học thuyết Rostow dưới các hình thức cụ thể và đơn giản hơn nữa.

ĐÀO-QUANG-HUY

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Lộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc..**

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique.

Installations de garothérapie

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chieu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chieu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E C 2

SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Các trào-lưu lớn của tư-tưởng hiện-đại

Nguyên tác : *ANDRÉ MAUROIS*

TRẦN THIÊN dịch

ĐÃ mấy nghìn năm nay từ khi có loài người, và họ có suy tưởng, thì họ vẫn luôn luôn đặt ra đại khái chừng ấy thắc mắc. Chúng ta làm gì trong thế giới này ? Nó là sản phẩm của sự tình cờ hay là công trình của một trí thông minh sáng tạo ? Nếu có một đấng Tạo hóa, người có ấn định sẵn cho ta những nhiệm vụ và một nền luân lý chẳng ? Hay là con người, giữa một vũ trụ vô tình, phải tự mình đặt ra qui tắc và tôn trọng lấy ? Trong quá trình lịch sử, loài người có cải tiến được hoàn cảnh của mình và làm cho xã hội thêm công bình chẳng ? Con người đang đi trên con đường tiến bộ hay đang tuột xuống dốc suy đồi ? Nó có được tự do cải tạo lấy mình, hay phải chịu một qui luật tất định

hoàn toàn ? Ở nó có gì ngoài thể xác ra chẳng và ta có thể nói tới một linh hồn chẳng ? Tinh thần và ý thức có phải là những sản phẩm của vật chất, hay, trái lại, vật chất chỉ là một cách nhận thức của tinh thần ? Chúng ta tự hỏi tư tưởng hiện đại đưa ra những giải đáp ra sao đối với các vấn đề ấy, nhưng trước hết cần phải vạch lại con đường đã trải qua. Mặc dù thời đại này đối với chúng ta có vẻ chủ yếu và đặc biệt, nhưng nó cũng chỉ là một giai đoạn trong lịch sử, và « trào lưu » lớn nhất là cái trào lưu xuất phát từ quan niệm thiên mệnh về thế giới của thời Trung-cô, đi quanh co, suốt các thế kỷ, qua chủ nghĩa duy lý, rồi thực nghiệm, tiến về miền nước giá lạnh của tất định luận và hình như ngày

nay đang trở về với ý tưởng tự do của con người. Muốn hiểu và vẽ lại con đường lưu chuyển của nó, chúng ta phải bắt đầu từ nguồn. Các bạn hãy nhẫn nại. Rồi nó sẽ đưa chúng ta về thời đại chúng ta và đến cuộc sống của các bạn.

I

Đối với một người thời Trung Cổ thì các giải đáp của bao nhiêu vấn đề ấy có vẻ chắc chắn và đơn giản. Địa cầu là trung tâm của thế giới và là đối tượng của lòng ưu ái vô biên của một đấng Thượng đế ngôi vị. Những luật lệ do đấng chủ tể ghê gớm và tử tế ấy đặt ra cho con người đều có thể biết được. Người ta tìm thấy những luật lệ ấy trong các thánh thư. Tuân theo nó, người ta chắc chắn là được cứu rỗi. Tuy vậy, sự lo sợ trừng phạt và một Hỏa ngục để thiêu đốt vĩnh viễn những kẻ có tội, ngay ở thời kỳ tin ngưỡng ấy, cũng không đủ để chế ngự nỗi những bản năng xấu xa do tội tổ tông gây ra. Con người, bị ma quỷ xúi dục, đã bất tuân mệnh lệnh đấng Vạn-Năng. Vì vậy nó phải đổ mồ hôi ra đời lấy miếng ăn trong lúc vợ nó phải sinh con trong sự đau đớn. Trong thế giới có hai khu vực, khu vực của Quỷ Xa-Tăng, đời bại và xấu xa mặc dù nó có cái vẻ đẹp giả-dối đôi khi vốn là mặt nạ của những khoái lạc, và khu vực của Chúa, xứ sở của những linh hồn được cứu rỗi. Lịch sử chỉ là một cuộc tranh chấp lâu dài giữa hai thế-giới ấy; nó sẽ kết thúc vào ngày Phán xét, tất cả các lớp người chết

đều đứng dậy ra khỏi mồ, các thiên sứ thổi vang kèn thần. « Khi ấy những kẻ được chọn sẽ vừa kéo nhau lên trời, vừa ca hát trong một hòa điệu kỳ diệu, còn Quỷ-Sứ thì dùng chìa sắt xua về địa ngục những kẻ tội lỗi trong sự trần truồng thú vật của họ ».

Đối với con người thời Trung-Cổ, vấn đề đặt ra về vũ trụ không bao giờ là : *Thế nào ?* mà là : *Tại sao ?* Họ biết một số định luật của thiên nhiên. Nếu không thế họ sẽ không thể nào trồng trọt được, chăn nuôi súc vật được, làm bất cứ một công nghệ nào được. Nhưng mà những hiện tượng trái với các định luật ấy không làm cho họ ngạc-nhiên. Nói cho đúng hơn, họ tin rằng trên những định luật về vật chất còn có những định luật thiêng liêng. Thượng đế và các vị thánh của Người luôn luôn có thể ngưng hiệu lực của những luật lệ thiên-nhiên, bằng một phép lạ. Có những phương pháp thành kinh chỉ về cách làm thế nào để xin phép lạ. Thế giới này có thể hiểu được hoàn toàn và được giải thích do nơi thế giới kia. Sự giải thích không phải tìm ra bằng kinh nghiệm, mà là do mặc khải. Nếu Thánh Kinh nói trái với sự quan sát, thì quan sát tất sai lầm. Tuy vậy, chân lý chỉ có một và thánh Thomas dạy rằng chân lý theo khoa học và chân lý theo tín ngưỡng phải phù hợp nhau. Nhưng, có những chuyện thực nó vượt lên trên khả năng của lý trí con người. Đó là các huyền nhiệm. Còn về những chuyện tò mò khác, con

người có thể tra hỏi thực tại bằng các giác quan ; nhiệm vụ của suy luận là làm cho các kết quả của kinh nghiệm vật lý phù hợp với truyền thuyết mặc khải và với kinh nghiệm thần bí.

Như thế, thánh Thomas đã công nhận công cuộc tìm tòi của khoa học và chuẩn bị cho cuộc sống tân tiến. Con đường tiến thẳng đến cuộc sống ấy mở ra từ thời kỳ phục hưng do chủ nghĩa nhân bản, chủ nghĩa này trong khi làm sống lại các nền văn minh vô tín ngưỡng đã gieo vào bấy nhiêu tin tưởng chắc mẫm một bối rối lớn lao, và do thiên văn học, ngành học này, cùng với Copernic, đã dám bảo rằng Địa Cầu và Con Người không phải là trung tâm của thế giới. Trong một vũ trụ mà các nhà thiên văn học đã mở rộng ra như thế, Thượng đế có vẻ vĩ đại hơn bao giờ hết, nhưng không gần gũi bằng trước. Con người thình lình thấy mình, một phần lớn, bị bỏ rơi. Montaigne thì, riêng ông, bày tỏ rằng cá nhân, bằng phương tiện của mình, có thể tạo ra một triết lý. Montaigne không phủ nhận Thượng đế, nhưng ông sống như thể Thượng đế không có. Ông tự tìm hiểu mình, tự phê phán mình, tự bằng lòng phận mình và tha thứ cho kẻ khác. Ông không nổi loạn ; ông tự thích nghi.

Vào thế kỷ thứ XVII, mặc dù là có bị giáo thuyết chính thống của nhà nước hạn chế, trào lưu Montaigne vẫn mở rộng, và con người tạo được một niềm tin ghê gớm vào

cái lý tính diễn dịch của mình, nhờ ở những thành công phi thường trong ngành thiên văn học với Kepler và Newton, các vị này đã qui những vận chuyển rắc rối của tinh tú vào một vài định luật giản dị và tinh xác ; rồi trong ngành hình học phân tích, và ngành quang học với Descartes. Lý trí đã thành công như thế, tại sao nó lại không thể giải đáp tất cả các vấn đề, siêu hình, chính trị, luân lý ? Rồi sau đó thế kỷ thứ XVIII cho rằng đề được như vậy chỉ cần tháo gỡ cho cái lý trí quyền năng ấy thoát khỏi những xiềng xích của dị đoan và của truyền thuyết.

Điều mà các triết gia của thế kỷ thứ XVIII không biết đến, ấy là truyền thuyết không phải tất cả đều là xiềng xích, có nhiều truyền-thuyết lại làm khuôn khổ và, hơn nữa, lý trí vốn rất có hiệu quả khi nó vận dụng những danh từ đã được định nghĩa chính xác, như trong hình học, hoặc khi nó nghiên cứu một hệ thống bề tủa, như trong vật lý học. cái lý trí ấy bị chìm ngập giữa biển cả của những sự việc quá phiền tạp. Nếu nó vẫn cứ trừu tượng, nó không thể bay được trong chân không. Đôi cánh của nó thiếu đi chỗ tựa ở một đối kháng giới và nó không tiến lên được. Nhưng mặc cho Montesquieu phí công gắng sức kêu gọi thời đại của mình trở lại lưu ý đến sự thực ấy ; các nhà tư tưởng của hậu bán thế kỷ, vốn thiếu hẳn sự tham dự vào các công việc, không biết đến thực tại, không có một kinh

nghiệm nào báo cho họ biết trước «những trở ngại mà các sự việc hiện tồn có thể đem đến cho các cuộc cải cách ao ước». Kinh tế, chính trị, tất cả đối với họ hình như đều do ánh sáng của lý tính biện luận mà ra. Họ có vẻ quên rằng các chế độ phải căn cứ trên các bản năng và tôn giáo trên các lễ nghi.

Cuộc cách mạng của Pháp là một cố gắng để xây dựng lại xã hội *tiên thiên* trên những nền tảng hợp lý. Nó đã xóa bỏ một cách có ích những điều bất công, nhưng phải trả bằng cái giá của những nỗi đau khổ lớn lao và những bất công khác. Các sự bạo hành của nó gây ra một mối kinh hãi trong khắp cả Âu-Châu, và những điều cuồng nhiệt của nó đã gây ra hăm lăm năm chiến tranh toàn diện. Rốt cuộc các dân tộc kiệt sức rồi trở lại tiếc thương những thần tượng xưa cũ. Do đó mà có các chế độ Đế-Chính và Vương-Chính trùng hưng, vốn là những phản ứng chống lại nó. Tín ngưỡng phục sinh lại. Vào năm 1815, hàng trẻ tuổi đều có tư tưởng quân chủ và thiên chúa. Các nhà quan niệm học thất bại. Lý trí trừu tượng mất tín-nhiệm. Chủ nghĩa lãng mạn thoát ly về một dĩ vãng sung sướng hơn hoặc vào những miền xa lạ thần tiên. Cái chủ nghĩa lãng mạn ấy là một sự nổi loạn chống với hiện tại, là «niềm vọng tưởng về một dĩ vãng mà người ta biến dạng đi», một sự vươn lên đến một lý tưởng thoát tiên có tính cách tôn giáo, rồi sau có tính cách xã-hội. Phái cổ điển thì khiêm tốn: Descartes bảo:

«Tôi quen thắng các dục vọng của mình hơn là thắng trật tự thế giới». Người lãng mạn trả lời: «Trật tự thế giới phải chịu theo dục vọng của tôi mới được». Và bởi vì trật tự thiên nhiên đã không chịu vâng lời, cho nên người lãng mạn hờn giận, than trách hoặc lẩn tránh.

Nhưng sự thoát ly lãng mạn chỉ là thái độ của một thiểu số, và vào thế kỷ thứ XIX một trào lưu song song, khác hẳn, lại lôi cuốn nhiều bộ óc muốn tấn công các bí mật của thế giới theo một phương pháp đã hé thấy từ thời Bacon, và cả thời Archimède nữa. Phương-pháp ấy là tra vấn vạn vật bằng những cuộc thí nghiệm đúng qui-tắc, thay vì cố gắng suy diễn ra những định luật thế giới bằng lý luận. Nhà thông thái làm thay đổi một số yếu tố nào đó rồi quan sát ảnh hưởng của những thay đổi ấy đối với các hiện tượng; như thế ông ta khám phá ra những định-luật mà mọi người có thể kiểm-soát bằng cách lặp lại cuộc thí-nghiệm. Ông ta không quan tâm mấy đến điều thắc mắc: Tại sao? của thời Trung-Cổ; lúc nào có thể thì ông ta đáp lại bằng những giả thuyết, nhưng ông biết rằng những giả thuyết này bất cứ lúc nào cũng có thể bị phi bác do những thí nghiệm mới. Trái lại, về chỗ thắc mắc: *Thế nào?* thì ông ta đưa ra những giải đáp mỗi lúc mỗi chính xác. Lần lượt từng ngành một, tất cả các ngành khoa học đều chuyển từ tình trạng thần

học đến tình trạng thực nghiệm, như lời Auguste Comte đã nói, vì tình trạng siêu hình (tình trạng mà các giả thuyết đều được xem là thực) đã vượt quá rồi. Chúng ta đã chứng kiến sự thắng lợi của vật lý học, hóa học, sinh vật học. Cái quyền năng mới đây của con người có vẻ kỳ diệu đến nỗi các nhà duy nghiệm của thế kỷ thứ XIX lại không thoát khỏi cái tinh thần kiêu hãnh đã từng làm hỏng các nhà duy lý của thế kỷ thứ XVIII trước kia.

Nhiều nhà vật lý học của thế kỷ XIX tin ở thuyết vũ trụ cơ giới, nghĩa là tin ở một vũ trụ mà tất cả mọi hiện tượng đều được quyết định sẵn từ muôn vạn thế kỷ trước, cho đến mãi mãi bất tuyệt về sau. Họ nghĩ rằng một nhà vật lý học hoàn toàn có thể chế tạo ra một bộ máy giống y như vũ trụ và nếu quay máy ấy lui ngược lại, người ta sẽ bắt gặp lại tình trạng thế giới vào lúc Chúa Ki-tô ra đời chẳng hạn. Quay máy tới trước, người ta có thể tiên tri tình hình thế giới ngày 26 tháng 7 năm 4885. Những tư tưởng như thế bắt người ta phải tin ở một chủ nghĩa duy vật hoàn toàn. Linh hồn, trí óc, tự do ý chí, những cái ấy còn có thể đóng vai trò gì nữa nếu vị trí của các vật thể đã được quyết định sẵn. ? Làm sao tên sát nhân ở Sarajevo có thể quyết định không bắn phát súng lục tai hại ấy bởi vì, trước đó hàng nghìn năm, bộ máy kia đã cho ta thấy hần chong súng lục vào vị thân vương và người hần đã thủ thế ?

Vào thế kỷ thứ XIX, chủ nghĩa duy vật cơ giới, sau khi tràn vào vật lý học, đã xâm lấn tất cả các ngành khoa học khác, và đặc biệt là các khoa học về con người.

Các lý thuyết của Darwin muốn chứng minh rằng tất cả cuộc tiến hóa của sinh vật, từ con sứa thuở sơ nguyên cho đến khối óc vĩ đại nhất ngày nay, đều có thể giải nghĩa được bằng những đổi thay chủng loại nho nhỏ, do các sức mạnh vật chất và vâng theo những qui luật nhất định. Theo Darwin, vì có những biến thiên trong vũ trụ, nên các loài sinh vật bị đặt vào những hoàn cảnh luôn luôn mới mẻ. Thí dụ, trong khi rút xuống, nước đã để lại những giải đầm ướt. Một số giống cá, mà sự tình cờ đã sinh ra thích hợp hơn với lối sống hỗn hợp ấy, thành ra là những giống cá độc nhất sống sót tại những miền như thế ; sau vô số cuộc biến đổi nữa, chúng gây ra loài lưỡng thể và loài bò sát. Mọi sự biến đổi giúp ích cho cá nhân trong cuộc tranh sống đều được bảo tồn, bởi vì cá - nhân ấy là kẻ duy nhất có thể truyền giống được; mọi biến đổi bất lợi đều tiêu diệt, bởi vì cá nhân mang sự biến đổi ấy không truyền giống được. Do đó có một sự tuyển trạch tự nhiên, hoàn toàn máy móc, bởi lẽ chỉ có những phần tử nào thích ứng hơn mới tồn tại. Như vậy cuộc diễn tiến của loài người có lẽ cũng được qui định bằng một qui luật tất định chặt chẽ. Rồi đến lượt mình, loài người cũng thành ra một

bánh xe trong bộ máy chung. Và dù cho chủ nghĩa Darwin sau này có cải biến đi, dù cho sau khi để ý đến những hiện tượng đột biến, người ta đã phải giải thích nó bằng một cơ chế khác, nhưng điều đó không có gì quan trọng. Điều cốt yếu, trong câu chuyện của chúng ta, ấy là lối giải thích mới, chính nó, cũng mang tính chất cơ giới luận. Bất cứ là do Lamarek, hay do Darwin, hay do những nhà bác học gần chúng ta hơn, cuộc diễn biến của đời sống cũng vẫn được giải thích không cần vin vào một ý chí của sinh vật hay vào một kế hoạch của thần linh.

Vào cuối thế kỷ thứ XIX và vào đầu thế kỷ XX này, vốn vẫn thuộc vào thế kỷ XIX về mặt tinh thần, chủ nghĩa cơ giới lan rộng sang ngành tâm lý học, do nhà bác học Nga Pavlov, do những nhà thái độ học ở Mỹ và do Freud. Bằng các cuộc thí nghiệm của ông, Pavlov, muốn chứng minh rằng chỉ những sự kích thích vật chất trên cơ thể sinh động cũng đủ giải thích các hành động, bằng các phản ứng có điều kiện, không cần đến sự can thiệp của tinh thần hay của tư tưởng. Anh chỉ cần đưa một đĩa thịt trước mặt một con chó đói, « nước bọt của nó sẽ ứa ra đầy mồm », nói một cách khác là các hạch nước miếng của nó sẽ hoạt động. Mỗi khi đưa đĩa ra anh hãy đánh một tiếng chuông; anh lặp lại thí nghiệm ấy nhiều lần; chẳng bao lâu chỉ có tiếng chuông (không cần có thịt) cũng đủ

làm cho các hạch nọ hoạt động. Trong cuốn « *Những cuộc đàm thoại mới* », bác sĩ O'Grady của tôi cũng giải thích tình yêu vợ chồng theo kiểu ấy. Proust cho ta thấy rằng chỉ cái tên con đường nơi người yêu ở cũng đủ kích thích sự thèm muốn của anh chàng tình nhân. Thế mà chúng ta thì mỗi lúc mỗi chịu ảnh hưởng của vô số kích thích; bao nhiêu là sự phối hợp để qui định tính chất của chúng ta. Một nền giáo dục tôn giáo đào tạo đứa trẻ sẵn sàng tín ngưỡng; một ngoại thương chấn động xảy ra thuở nhỏ về sau sẽ đưa tuổi trẻ đến chỗ ghê sợ đàn bà hoặc là, ngược lại, đến chỗ hoang dâm. Ngày nay, mọi Quốc gia, bằng những lối kích thích thích hợp, đều biết cách khiến cho công dân trong nước mình căm thù kẻ địch. Như thế, ngay đến các dục tình và tư tưởng, chúng cũng nằm trong bộ máy chung.

Những nhà *behaviouriste* hay là thái độ học ở Mỹ, mà bác sĩ Watson là bậc sư trưởng, rất gần với Pavlov. Họ quyết định nghiên cứu về con người mà hoàn toàn không kể đến tư tưởng, ý thức, và họ tự giới hạn trong sự quan sát cách đáp ứng của cơ thể đối với những kích thích khác nhau. Những đáp ứng, hay phản ứng, của trẻ nhỏ tuổi thì ít ỏi. Nếu người ta vuốt ve hay mơn trớn nó, nó cười; nếu nó bị bỏ rơi hay nghe một tiếng dữ dội, nó sợ hãi; nếu cử động của nó bị ngăn trở hay nếu có cái gì làm nó khó chịu, nó la hét và làm dữ. Nhưng sự chuẩn bị theo điều kiện còn

phát sinh ra những phản ứng phụ. Nét mặt của người mẹ, vốn thường báo hiệu sự vuốt ve hoặc là những bữa ăn, gọi cho nó nụ cười. Người ta có thể chữa cho trẻ con khỏi sợ tiếng động bằng cách mang bữa ăn đến cho nó sau mỗi lần khua động âm i.

Trong cuốn *Thế giới tốt đẹp nhất* Aldous Huxley cho ta thấy Quốc gia có thể đào tạo những diễn giả tương lai hay những tên nô lệ tương lai như thế nào. Có nhiều sự kích thích gọi ra một lối phản ứng bằng cách tự nói với chính mình hoặc nói với sự vật ; theo những nhà thái độ học, thì đó tức là cái mà ta gọi là suy tưởng. Suy tưởng, tức là nói một cách lặng lẽ, bởi vì những chuyển động của cổ họng có thể ghi lại được, ý kiến ấy đã từng khiến tôi viết ra cuốn *Máy đọc tư tưởng*. Rồi cuối cùng đối với các danh từ chúng ta cũng phản ứng như là đối với các sự vật có ý nghĩa. Nhà thái độ học không nói trắng ra là phủ nhận sự hiện hữu của tinh thần ; ông ta nói rằng thái độ của con người ta rất có thể giải thích mà không cần đếm xỉa đến cái gì ngoài cơ thể ra. Đối với ông ta thì hành động của con người tỏ ra cũng được qui định như là các sự chuyển động của những phân tử vật chất.

Freud đã nghiên cứu, một cách sâu xa hơn, tính cách tất định về tinh thần. Một triết gia người Anh (1) đã nói rằng theo Freud thì con người cũng như một ngôi nhà có hai tầng, ở tầng lầu trên

có một gia đình khả kính, sinh hoạt và suy tưởng theo những ước lệ của xã hội và của thời đại mình. Còn ở tầng dưới thì lại là một gia đình lưu đãng, mê say, ích kỷ, hoang dại, và chỉ lo thỏa mãn các bản năng phần lớn là thuộc về dục tình của mình. Tại chỗ thang lầu, có một anh cảnh binh, hay *kiểm duyệt viên*, tìm cách ngăn cản không cho bọn lưu manh ở tầng dưới (*cõi vô thức*) xâm nhập vào nhóm quý phái trên lầu (tức là sinh hoạt hữu thức). Tuy vậy, thỉnh thoảng, cũng có một ông khách không ai chờ đợi cố gắng xông lên được, nhưng lúc ấy thì kiểm duyệt viên buộc ông khách phải cải trang (*sự thăng hoa*). Theo Freud thì tôn giáo, đạo đức, nghệ thuật là những sự thăng hoa hay bồi báo của các bản năng bị bức đoạt. Các thềm muốn của bản năng chúng là quyết định tư tưởng chúng ta. Người của thế kỷ XXVI tưởng rằng họ sống theo lý tính; lý tính là phương tiện họ dùng để đạt tới chân lý; tất cả mọi người, nếu cùng suy luận đúng, thì càng đi tới những kết luận như nhau. Dưới con mắt của Siegmund Freud và đồ đệ của ông thì con người lại không suy luận, họ chỉ lo hợp lý hóa, nghĩa là chỉ tìm lý lẽ để biện minh cho những điều họ đã tin tưởng sẵn rồi, mà những gì họ tin tưởng lại tùy thuộc ở các mặc cảm nằm trong vô thức của họ, gây ra do các tình yêu, mối thù, và các cuộc tranh đấu giữa

(1) Joad.

cái bản ngã cá nhân chống lại cái siêu ngã vốn là ý thức xã hội phản ánh nơi chúng ta. Tóm lại, lý tính chỉ là một phương tiện chuyên dùng để chứng minh những gì mà bản năng và dục tính của chúng ta đòi hỏi. Những phán đoán có giá trị là những cố gắng để đem lý lẽ ra chống đỡ cho các điều ảo tưởng.

Chủ nghĩa duy vật như vậy là được bổ túc đầy đủ. Ngay từ hồi thế kỷ thứ XIX, chủ nghĩa ấy đã tìm ra cách biểu hiện của nó về mặt chính trị nơi Karl Marx. Ông này đã dựa theo tư tưởng về một quá trình biện chứng của Hégel, nhưng trái với Hégel, ông nghĩ rằng tinh thần là một sản phẩm của vật chất đang vận chuyển. Duy có điều Marx thừa nhận rằng một khi tự nhiên giới đã phát sinh ra tinh thần, thì tinh thần thành ra một yếu tố hoạt động và phối hợp với các lực lượng tự nhiên (mà nó là một) để làm ra lịch sử. Như vậy người ta có thể vừa tin ở thuyết tất định vừa làm cách mạng, sự chọn lựa một chủ thuyết là do nơi sự quyết định của vị trí mỗi người ở trong xã hội. Mọi tôn giáo đều bị Marx kết tội, không những chỉ vì trên thế giới không có gì cả ngoài vật chất luôn luôn chuyển vận và những sản phẩm của vật chất, mà lại là vì các tôn giáo đã dung thứ tổ chức kinh tế và xã hội của xã hội tư bản. Cuộc cách mạng sẽ sản sẽ thiết lập một nền văn minh không có giai cấp, trong đó người ta

dùng một phương pháp hướng dẫn phản ứng thích hợp để thay thế cái bản năng ích kỷ bằng tình yêu. Nhà nước và trong đó Quốc tế lao động sẽ thay thế cho các quốc gia. Chính trị, tôn giáo và nghệ thuật của mỗi thời kỳ là những phó sản của các phương thức sản xuất và phân phối. Tuy vậy, Marx, mặc dù là vô thần, vẫn tin tưởng ở sự Tiến bộ và, theo lời Bertrand Russel, vẫn giữ « một mối lạc quan nguyên thủy tuyệt đối, mà chỉ có một thái độ hữu thần mới giải thích nổi. »

Cần phải nhấn mạnh là vào cuối thế kỷ trước chủ nghĩa tất định duy vật đã tự phụ đến mức ngây thơ như thế nào. Vào năm 1868, ông cụ Huxley, Thomas-Henry Huxley, tức ông nội của ông Aldous và Julian, trong một buổi diễn thuyết đã nói rằng : « Những ý tưởng mà tôi vừa bày tỏ, và ý nghĩ của các ngài về những ý tưởng của tôi, đều là biểu hiện những chuyển biến phân tử của vật chất » (ông đã biết cái quái gì về thứ chuyển biến ấy), và, vào năm 1874, nhà bác học Tyndall tiên đoán rằng một ngày kia khoa học sẽ có thể giải thích được tất cả những gì đã xảy ra, và tất cả những gì hiện xảy ra vào lúc này, như là kết quả một sự diễn biến tự nhiên và không thể tránh được, từ thuở hỗn mang nguyên thủy cho đến lúc đang diễn ra những cuộc tranh luận tại Hiệp hội phát huy khoa học của nước Anh (mà đây không phải là một tư tưởng khoa học). Người ta có thể đem câu nói sau đây của Taire

ở Pháp so sánh với ý kiến ấy :
 « Tật xấu và tính tốt cũng là những
 sản phẩm như là chất đường và
 chất lưu toan. » Như vậy là các tư
 tưởng hồi thời Trung cổ đã bị hoàn
 toàn đảo ngược lại. Toàn thể cuộc
 sống, và đặc biệt là cuộc sống của
 nhân loại, có vẻ là những biến cố
 không đáng kể trong một góc nhỏ
 xiu của một vũ trụ mệnh mông.
 Phần đông các nhà tư tưởng đều

tin theo vận mệnh. Tư tưởng gia
 khuynh hữu thì dạy rằng định
 mệnh lời cuốn nền văn minh dân
 chủ vào một sự sụp đổ không sao
 tránh khỏi ; tư tưởng gia khuynh
 tả thì trái lại, cho rằng Lịch sử tất
 nhiên sẽ đưa đến cuộc giải phóng
 quần chúng và đưa đến tiến bộ.
 Tất cả đều phủ nhận tự do ý chí.

(Còn tiếp)

TRÀNG THIÊN

*Để tránh nạn mua bảo đắt hơn giá ghi
 ngoài bì, bạn hãy đặt mua ngay từ
 bây giờ tại các hiệu sách báo quen thuộc*

VĂN |

số 5

GIỚI THIỆU NHỮNG TIẾNG NÓI MỚI TRONG VĂN CHƯƠNG NGÀ

• SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN •

DESCOURS & CABAUD

BAO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng Hải

Linh-Tinh

ĐẠI LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS TOURANE - CHOLON DALAT - CANTHO
 VIENTIANE - HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plappalachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbasht, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOW'LOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street

Cô Liêu thuật

GIAO - ĐIỂM

SINH-VẬT ĐIỆN-TỬ (*)

Giao điểm sinh vật điện tử ra đời nhân sự gặp gỡ của hai ngành sinh vật học và điện tử học. *Giao điểm sinh vật điện tử* còn là điểm quy tụ nhiều ngành khác như toán học, sinh động học, lý học, hóa học. Mục tiêu chính là làm giàu phương tiện cho kỹ thuật, nhất là điện tử học, vì người ta đang tìm tòi những phương thức giải quyết hiệu nghiệm hơn, đang chế tạo những máy móc mới theo mẫu những bộ phận của cơ thể loài vật sinh sống. Khoa sinh vật điện tử mới ra đời chưa được ba năm, nó không theo khuôn khổ những khoa học cổ điển và đã dẫn tới nhiều khám phá. Thành tích quan trọng nhất của khoa này là công cuộc nghiên cứu óc người và áp dụng sự hiểu biết ấy vào máy tính điện tử.

Những mẫu máy thiên nhiên

Ngoài ra sinh vật điện tử học còn khuyến khích các ngành khoa học nghiên cứu hiện tượng sống phát triển mạnh, nhờ đó người ta có thể hiểu biết sinh vật và con người hơn trước, người ta có thể tháo gỡ vài bộ máy phức tạp và bí hiểm của sinh vật. Cũng nhờ có sự hiểu biết đó mà có khi người ta sửa chữa được cơ quan suy yếu, bắt lực trong người.

Trong số những máy móc được sáng chế theo mẫu các bộ phận của sinh vật, ta hãy nói đến thứ máy tìm phương hướng gọi là gyroscope (gyroscope thực ra là dụng cụ chứng minh trái đất xoay). Những gyroscope cổ điển, dùng về hàng hải thay thế cho địa bàn ngày xưa, là một con quay xoay

* Le carrefour de la bionique (Réalités)

thật nhanh, bao giờ cũng giữ đúng một hướng nhất định mặc dầu tàu đi về hướng nào. Nhờ thế tàu bè tính được địa điểm của mình ở ngoài khơi. Mới đây các nhà bác học nhận thấy một vài loài côn trùng biết bay có một bộ phận ở dưới cánh tác động như một cái gyroscope để con vật biết hướng bay của nó. Người ta theo mẫu thiên nhiên ấy chế ra thứ gyroscope có lưỡi rung động (gyroscope à lames vibrantes) chính xác hơn máy cổ điển có con quay. Các tàu bè tối tân ngày nay đều dùng kiểu máy mới này.

Tại các ngòi lạch có một loại tôm (écrevisse). Loại này có một bộ phận rất nhạy để biết mỗi chuyển động rất nhỏ mà tai người không thể nhận thấy được. Người ta chưa biết được rõ sự cấu tạo và động tác của bộ phận ấy thế nào, nhưng nếu tìm ra sự bí mật ấy thì có hy vọng theo mẫu thiên-nhiên chế tạo một thứ máy định hướng cho người thám hiểm dưới bề sâu lòng đất được.

Mắt loài ong được cấu tạo một cách đặc biệt, nó có thể nhìn ánh sáng mặt trời mà biết đích điểm xuất phát và chiều đi của ánh sáng. Nhờ vậy, những ngày trời u ám mây dày che khuất hẳn mặt trời, ong vẫn theo dõi được mặt trời để định hướng. Mắt người bắt lực, phải dùng một loại máy riêng mới biết được chiều hướng của tia sáng. Người ta đã bắt chước mắt ong chế ra một thứ « taximètre » dùng cho những phi cơ bay ở vùng hàn đới.

Người ta biết rằng không thể liên lạc bằng vô tuyến điện được với

những tàu ngầm lặn dưới đáy biển vì sóng từ điện thường dùng bị nước hút mất. Tuy nhiên có một vài giống cá có khứu giác rất nhạy : chúng có thể biết được các mùi. Hiện thời người ta cho rằng mũi ngửi thấy mùi là vì những phần tử của vật tỏa mùi phát ra những rung động, những rung động ấy làm phát sinh sóng từ điện. Sóng từ điện kích thích dây thần kinh của cơ quan khứu giác và tạo ra cảm-giác về mùi. Như vậy phải có một loại sóng từ điện truyền đi mà không bị nước ngăn cản. Nghiên cứu hiện tượng này có lẽ sẽ tìm ra một phương pháp thông tin với tàu lặn dưới nước chắc chắn hơn phương pháp « télépathie » mà người Mỹ và người Nga đang thí nghiệm. (Cách đây không bao lâu hải quân Mỹ thử cách truyền đi 5 dấu đơn giản bằng « télépathie ». Kết quả được coi là khả quan nhưng chắc rằng không thể dùng phương tiện này để truyền tin được. Phương tiện này chẳng đáng tin cậy, khi người ta phải thông báo những tin quan trọng như phóng một hỏa tiễn Polaris gắn bom hạch tâm chẳng hạn.)

Có một giống cá phát ra quanh người nó một từ trường nhờ một bộ phận ở gần đuôi tác động như một cái máy phát điện. Trên lưng nó có một bộ phận ghi nhận những sự biến đổi xảy ra trong từ trường. Nhờ vậy nó có thể thấy được một lưỡi câu thả trên lưng nó và nó có thể nhận ra chiều hướng của bất cứ một sự rung động nhỏ nào quanh mình nó.

Hiện tượng này cũng có thể nghiên cứu để biết những khả năng khiếm

khuyết của loài người và để sáng chế cách truyền tin dưới biển.

Con dơi phóng ra những siêu âm, tai người không nghe được. Loài siêu âm ấy gặp vật cản trở trước mặt thì dội trở lại làm dơi biết mà tránh. Máy sonar được sáng chế theo một nguyên tắc tương tự, nhưng nhà sáng chế không hề biết đến « bí mật con dơi », Chỉ sau này khám phá ra bí mật của nó người ta mới biết có những nét tương đồng với máy sonar. Con bướm đêm (bướm bà) cũng có những bộ phận báo cho nó biết khi có những sáng siêu âm chiếu vào người nó. Khi biết rõ sự cấu tạo và tác động của bộ phận ấy người ta có thể áp dụng vào nhiều máy móc thay thế cho những cơ quan khiếm khuyết trong cơ thể loài người.

Ngày nay bão táp còn là một mối lo ngại cho ngành hàng hải. Loài vật có khả năng biết được sẽ có bão hàng giờ trước. Con hải âu bay loạn xạ, con cá heo (dauphin) tìm chỗ trú ẩn dưới hang đá, con cá voi chạy ra khơi, con xùa lặn xuống sâu. Tại sao chúng biết được sắp có thiên tai? Chúng nghe được tiếng bão, nghe được loạt sóng nội âm (infra-sons) mà tai người không nghe được. Chuyên gia sinh vật lý học (biophysique) ở Viện Đại-Học Mạc-Tư-Khoa đã sáng chế được thứ thiên lý nhĩ nghe được bão. Máy có thể báo trước 15 giờ sắp có cơn cuồng phong. Máy cũng cho biết chiều hướng và sức mạnh trận bão.

Chúng ta có thể kể ra nhiều thí dụ khác. Con rắn rung chuông (serpent à

sonnettes) có thể biết những sự thay đổi nhiệt độ nhỏ từ một phần ngàn độ.

Nói chung, nghiên cứu cẩn thận một vài khả năng thiên phú của người và loài vật mà xưa nay người ta không để ý đến và không hiểu, các nhà bác học sẽ có thể rút ra được được hàng ngàn cách áp dụng làm phong phú thêm nền kỹ thuật. Sự đào thải thiên nhiên, sự thử thách của cuộc sống gợi hứng cho các chuyên gia theo những giải pháp thiên nhiên để giải quyết những vấn đề đặt ra ngày nay.

Óc người và óc máy

Kể tất cả các ngành của giao điểm sinh vật điện tử, thì có ngành nghiên cứu bộ phận não của người ta là phát triển mau hơn cả. Bộ óc người là mẫu thiên nhiên duy nhất để tạo các máy tính điện tử. Trong giai đoạn tiến triển ngày nay vì muốn đáp ứng nhu cầu khoa học, máy tính điện tử tiến triển đến mức phức tạp kinh khủng và phải cần những mẫu siêu tuyệt như bộ óc người để thực hiện những kiểu tối tân.

Cách đây mới 12 năm, điện tử học còn sử dụng đèn chíp chưa biết dùng transito. Trong điều kiện ấy không thể thực hiện được một bộ óc điện tử mà hiệu năng khả dĩ so sánh được với óc người. Một bộ máy tương tự óc người cần tính lực của một thác nước lớn như thác Niagara và tất cả khối nước ấy để làm nguội máy. Sự tiến bộ của điện tử học đã cho phép thu nhỏ kích thước máy điện tử lại còn một phần ngàn, tính lực cần dùng và nhiệt độ phát ra cũng hạ

xuống theo một tỷ lệ như thế. Kể vì phương diện hiệu lực và kích thước, óc máy còn kém xa óc người, nhưng công việc nghiên cứu đang tiến triển mau. Khi hiểu biết hệ thống cân não của sinh vật, cách thức thu nhận tài liệu, ghi nhớ, xếp loại, người ta có thể làm ra những óc điện tử tinh vi hơn. Toán học gia và chuyên gia, phân tích các hệ thống máy móc với sự phụ giúp của sinh vật học. Hóa học gia, lý học gia và các kỹ sư điện tử đem lại cho nhà chế tạo những vật liệu tân kỳ có khả năng tác động linh hoạt như những hệ thống cân não động vật. Tại Dayton nước Mỹ, nơi khai sanh ra sinh vật điện tử học, người ta nghiên cứu từ đặc tính của một não bào đến máy tính tự động hoạch định chương trình sẽ có trong tương lai. Thí dụ, người ta bắt đầu thiết lập những bộ phận có chức vụ của mắt và óc nhân tạo. Tại Princeton có một thứ máy « nhìn » và « biết » các đồ vật, biết tầm vóc và hình dáng của những đồ vật đó. Nếu đồ vật có chỗ nào thay đổi khác trước thì máy cũng thông báo cho óc điện tử biết, óc điện tử sẽ dùng những tài liệu đó để tính toán. Giai đoạn cuối cùng của công việc nghiên cứu về mắt điện tử là thực hiện một bộ mắt tương xứng với mắt thiên tạo, có khả năng phân tích và suy diễn tất cả các hình ảnh in, vẽ hay thâu vào máy vô tuyến truyền hình và Rada. Cũng theo phương pháp ấy, người ta đương nhiên cứu những « tai điện tử » để nghe khẩu lệnh rồi thông báo cho óc điện tử. Óc sẽ suy diễn và thi hành những lệnh đó.

Muốn bắt chước óc người, dù chỉ

trong giới hạn một vài tác động nhất định và chuyên môn, máy cũng đã phức tạp kinh khủng. Các bộ phận máy gồm có hàng trăm triệu, có khi hàng tỷ yếu tố. Sự thành công của nhà chế tạo là thực hiện được những yếu tố đúng, rẻ tiền mà kích thước càng nhỏ càng hay. *Giao điểm lãnh độ* tiến triển mau chóng khiến cho người ta có hy vọng lợi dụng khả năng của vật liệu dẫn điện siêu đẳng; mặt khác điện tử phân tử (molétronique) và kỹ thuật chế phim cực mỏng đem lại phương tiện chế ra những bộ phận vi-ti chỉ lớn bằng cái tem thư mà có thể đặt trong ấy 20.000 yếu tố khác nhau, mỗi yếu tố giữ chức vụ của một chiếc đèn radio cổ điển. Nhờ kỹ thuật thu nhỏ vật liệu đến mức ấy người ta có thể đạt được những tiến bộ quan trọng, nhưng đồng thời cũng phải giải quyết vấn đề phân phối, bố cục các bộ phận cách nào cho được hoàn hảo nhất. Về phương diện này việc nghiên cứu cách phối trí và liên lạc các bộ phận trong óc người sẽ giúp các nhà bác học điều kiện giải quyết. Nghiên cứu một não bào, nhà bác học có thể có một ý niệm về cách cấu tạo một điểm giao hoán của các mối dây có khả năng thi hành nhiều tác động.

Một bộ máy biết tổ chức lấy công việc

Mục đích theo đuổi trước tiên là chế tạo những máy tự động hoạch định chương trình có thể tự tổ chức lấy công việc. Ngày nay những kiểu máy ấy đã xuất hiện, nhưng hãy còn thô sơ. Chẳng hạn như hãng RCA đã thiết lập những hệ thống liên lạc vô

tuyến điện xuyên Đại-Tây-Dương song song, để tùy thời tiết hay tùy mật độ liên lạc mà máy tự động dùng hệ thống này hay hệ thống kia. Đó là một thứ máy biết chọn lấy đường lối để phát tin đi, người điều khiển không biết trước nó sẽ chuyển bức điện văn bằng hệ thống nào :

Muốn thiết lập những máy tương tự nhưng phức tạp tinh vi hơn, khoa học cần xúc tiến về nhiều lãnh vực, nhất là phải phát triển những phương pháp toán học tối tân. Nhưng trước hết *Sinh vật điện tử học* phải xúc tiến việc nghiên cứu để hiểu biết nhiều về bộ óc người để biết óc người tác động cách nào khi suy tưởng. Người ta đang đợi những kết quả ấy để chế tạo máy tính tương lai ; sự hiểu biết về con người, về cách suy tưởng và hành động của một con vật trí thức, không ngừng tăng tiến. Như vậy *Sinh vật điện tử học* thúc đẩy kỹ thuật và nghiên cứu đời sống tiến triển song song, vừa tìm hiểu thiên nhiên, vừa cung cấp tài liệu cho kỹ thuật.

Việc áp dụng những nguyên tắc học hỏi thiên nhiên tương đối dễ dàng và có kết quả. Như biết rằng bắp thịt được kích thích bởi loại động lực nào và biết rõ thể chất của loại động lực đó, người ta chế ra máy *pace-maker* để điều khiển tác động trái tim khi gặp trường hợp bệnh nặng về tim.

Tuy nhiên, mục tiêu chính của công cuộc nghiên cứu là bộ óc người. Thực ra sự hiểu biết của khoa học về bộ óc người rất thô sơ và thiếu cận. Còn phải nhiều năm nữa người ta mới hiểu được then chốt của bộ máy tư

tưởng của trí nhớ, của cách bố trí những hoạt động trong một con vật sinh sống. Hiện nay công việc đã khởi sự.

Bí mật não bào

Tại trường Đại-Học Goteborg bên Thụy - Điển, Giáo sư Holger Hyden đang nghiên cứu não bào, tế bào chính yếu của hệ thống thần kinh. Bộ óc người có chừng 10 tỷ não bào, mỗi não bào là một xưởng hóa học ly ti tham dự vào nhiều tác động của trí óc, có khi cùng một lúc. Đối với một xưởng máy phức tạp và nhỏ bé như vậy mà động tác hiệu lực, khả năng siêu tuyệt, óc điện tử quả là còn thô sơ lắm. Điều ấy không ngăn cản các nhà bác học chỉ tạm coi óc người là một cái máy tính cực kỳ tinh vi, một hệ thống dây và máy móc. Nên nhấn mạnh rằng đây chỉ là những giả thuyết. Ta phải để cho các chuyên gia làm việc. Hiện thời dụng cụ làm việc đáp ứng được nhu cầu về phương tiện nghiên cứu các hiện tượng. Muốn « cân » tư tưởng người ta phải xác định được từng phần triệu triệu gờ ram. Nhờ những phương pháp ấy người ta có thể biết được não bào chuyển vận những kích động cân não bằng cách nào. Công việc nghiên cứu những kích động ấy về phương diện điện lực tiến triển khá xa, nhưng chưa biết đích xác não bào động tác thế nào. Ông Hyden đã khám phá ra một phần của những động tác ấy.

Trong một não bào, người ta biết được có sự kích động thần kinh vì có những phản ứng hóa học rất nhanh. Lúc bị kích động số lượng một vài loại

pơ-rô-tê-in bắt thần tăng lên, mỗi loại kích động tác động đến một loại pơ-rô-tê-in. Những phân tử pơ-rô-tê-in tượng trưng cho phương diện vật chất của kích động. Chung quanh mỗi não bào có những tế bào nhỏ phụ thuộc, chuyên việc cấu tạo những chất cần dùng cho não bào, chúng có thể cung cấp chững chất ấy ngay cho não bào đồng thời thi hành công việc chế tạo. Những kích động có thể chuyển đi theo dọc chuỗi não bào với tốc lực 40 thước một giây. Theo ông Hyden thì khi bộ óc thi hành những chức vụ thượng thặng như trí nhớ và tư tưởng, trong não bào xuất hiện những pơ-rô-tê-in đặc biệt.

Mỗi não bào có thể cấu tạo được rất nhiều pơ-rô-tê-in khác nhau. Khi một kích động truyền đến óc, thí dụ như có một tia sáng màu xanh rơi vào mắt, tất cả những não bào có thể cấu tạo perotéin thích ứng với dấu hiệu đó đều được huy động để tiết ra thứ protéin ấy làm chúng ta thấy màu xanh, một màu sắc mà chúng ta nhớ lại đã thấy trước kia. Mỗi tế bào có thể tiết ra hàng triệu protéin khác nhau, những cách phối hợp với nhau có thể vô tận, làm cho tư tưởng của

con người rất phong phú. Cũng vì nguyên nhân ấy mà không thể nói rằng óc người chia ra từng khu vực mỗi khu vực có chức vụ riêng như « điểm nhớ », « điểm nói », « điểm trông », « điểm ngủ », như những quan niệm cũ về bộ óc.

Theo dõi công việc khảo cứu của Thụy-Điển, người ta thấy tất cả những hoạt động tâm thần của loài ngoài, kể cả những hành động cao thượng như luân lý, nhân đạo chỉ là một vấn đề phân tử não bào. Ý tưởng này đã được đưa ra cách đây 10 năm, nhưng trình độ tiến triển của khoa học ngày nay cho phép thực nghiệm trên bình diện hiện tượng cân não. Ta hãy kiên tâm đợi đến lúc nghiên cứu khá sâu rộng và thực hiện được sự tổng hợp những hiện tượng ấy. Trong khi ấy, *Sinh vật điện tử* học có thể chế tạo những óc điện tử tinh vi đáp ứng được những nhu cầu phức tạp, thí dụ sau này khí tượng học có thể giao cho máy tính điện tử. Loài người được miễn những loại công việc nhàm có thể chuyên chú vào những công việc có tính cách sáng tạo hơn.

Kỳ tới : *Giao điểm lãnh độ*
CÓ LIÊU

TÌM ĐỌC

MÙA XUÂN TRÊN ĐỈNH NON CAO

của VŨ HẠNH

Bìa của THÁI TUẦN

Minh họa của PHẠM TĂNG

NHÀ CỎ THƠM ấn hành

2 giờ với ông Văn-Phú

Chánh thư-kí ban
Thường-vụ lâm thời
PHẬT GIÁO HÒA-HẢO

NGUYỄN-NGU-Í



Giáo chủ Huỳnh-Phú-Sổ

lúc ở Sài-gòn, đường Miche, năm 1945

Tình cờ gặp lại anh ở tiệm ăn của một người bạn cũ ở Sài-Gòn, tôi không giấu được ngạc nhiên. Mười năm xa cách—và trong khoảng thời gian ấy, người trung tá của quân đội Hòa-Hảo giữ chức Thanh tra chánh trị này đã ba chìm bảy nổi : bị chánh phủ Diệm đặt ra ngoài vòng pháp luật từ giữa năm 1955, anh phải sống một đời ẩn náu nhưng không ngưng hoạt động để gây phong trào bất hợp tác, hết vô bưng rồi lại ra thành, len lỏi khắp miền Tiền-Giang và Hậu-Giang, rồi đầu năm 1959, anh bị bắt ở Mĩ-Tho, bị nhốt xà lim ti Công an Cảnh sát tỉnh ni một dạo, và bị giam lỏng ở cơ quan này cho tới cuối năm 1962 mới được phóng thích có điều kiện — bao tháng ngày qua và bao cảnh chẳng vui gì ấy dường như không mấy ảnh hưởng đến người anh. Người

thiếu tá (lúc ấy anh chưa lên trung tá) mà tôi gặp lần đầu tại bộ Tổng tham mưu quân đội Hòa-Hảo ở Cái-Vồn cuối năm 1953, với người nhơn viên của ban Đại diện trung ương lâm thời Phật giáo Hòa-Hảo giờ đây, có lẽ chỉ khác nhau ở tuổi tác, còn thì vẫn nét mặt rắn rỏi, cặp mắt sắc, hai bàn tay thường cử động để diễn tả thêm cho lời nói, và nhất là tiếng cười dòn nổ lên, đột ngột và kéo dài.

Sau vài câu chuyện hàn huyên, được biết tôi có ý muốn tìm hiểu đời sống nông thôn cùng đạo Hòa-Hảo, anh sốt sắng mời tôi xuống Cái-Vồn để anh có dịp tìm giúp tài liệu, trả lời những điều tôi muốn biết và đưa tôi đi sâu vào miền quê hai vùng Tiền-Giang, Hậu-Giang vì anh đang có nhiệm vụ xúc tiến việc thành lập Giáo hội, phải đi vào các xã để trình bày, để tổ chức. Tôi nhận lời ngay, nhưng khi đến Cái

Văn, anh có việc cần, phải đi vắng ít hôm, tôi bèn lợi dụng thời gian ấy mà đánh một vòng Cần-Thor, Long-Xuyên, Châu-Độc, ghé qua Thánh-Địa (1), rồi trở lại Cái-Văn.

..

Và chiều nay, tại nhà cổ bốn đời của một người đồng đạo và chiến hữu cũ (mà cũng là người bạn thân) của anh, chúng tôi cùng nhau trò chuyện. Anh hỏi tôi trong mấy ngày qua, đã thu thập được những chi và đã tìm hiểu được những gì, về phần đạo; tôi đáp:

— Một ít tài liệu đọc trước, vài điều nghe thấy, hỏi han, thật là chưa có gì đáng kể để hiểu một tôn giáo vừa xuất thế lại vừa nhập thế, đã từng đóng một vai trò lịch sử trong cuộc vùng lên của đất nước. Sau này, có cơ hội, tôi sẽ trở lại, ở lâu; còn nay, thì giờ ít, tôi chỉ xin anh hai giờ để anh giải đáp một số thắc mắc cùng một vài câu hỏi mà người dân nào có quan tâm đến tôn giáo và thời cuộc cũng đều muốn biết. Tự nhiên là nếu có những điều gì chưa tiện giải bày, thì anh có thể... chỉ mỉm cười, và có những gì anh thấy cần nói ra để đánh tan những sự hiểu lầm, để người ngoài hiểu rõ đạo hơn, thì tôi sẵn sàng ghi lại.

Anh vui vẻ nhận lời, và đốt một điếu thuốc, đợi.

Tôi chờ người bạn trẻ nọ chụp xong đôi cái ảnh, mới vào đề:

— Chế độ cũ bị lật đổ, các tôn giáo và đảng phái bị đàn áp trước kia nay bắt đầu hoạt động mạnh, vậy riêng về Phật-giáo Hòa-Hảo, chắc cũng đã có

một chương trình gì về đạo cũng như về đời để hợp với hiện tình của đất nước?

Miệng anh nở một nụ cười, vừa thân mật, vừa như cợt đùa:

— Nhưng sao anh lại tìm tôi để hỏi câu « rắc rối » này? Hiếm gì người đang ở vào những địa vị có thể trả lời anh. Ngoài cái lí đã quen nhau từ trước, thì dễ bề cời mở, còn...

— ... còn có cái lí: con người anh vốn « rắc rối » hơn ai. Trước 1945, anh hoạt động Chánh trị; từ 1945 cho đến 1955, anh ở trong Quân đội; rồi sau đó, là nhất là bây giờ, anh hướng hẳn cuộc đời vào Tôn giáo. Thì tìm hiểu Phật giáo Hòa-Hảo nơi anh, về phần đạo cũng như về phần đời, hẳn là được biết lắm điều mới, lạ. Huống chi trước ngày Huỳnh giáo chủ bị thọ nạn, anh được sống bên Người...

Mặt anh bỗng sa sầm lại, như bị chạm vào một vết thương sâu chưa khép kín. Tôi bất gặp đôi mắt anh hướng về phía « trần điều », mà khung ở bên trái và mặt có dán hình Huỳnh giáo chủ, một cái sắc sảo oai nghiêm, một cái hiền lành nho nhã. Rồi giọng anh nhỏ lại:

— Chính đêm Giáo chủ đi hội nghị với Bửu-Vinh và thọ nạn, — đêm 25 tháng 2 đinh-hợi, nhằm 16 tháng 4 năm 1947 — tôi cố xin được theo, nhưng Giáo chủ cương quyết không cho. Bằng không, chắc tôi không còn sống sót.

(1) Tức làng Hòa-Hảo, thuộc (Châu-Độc) quê hương giáo-chủ Huỳnh-Phú-Sở, nơi đạo Hòa-Hảo chào đời (18 tháng 5 năm kí-mão, nhằm 5 tháng 7 năm 1939).

Anh ngùi ngùi giây lát, rồi thông thả trả lời tôi, giọng nói vẫn chưa mất hẳn tánh cách gọn, sắc của một người chỉ huy quân sự cũ.

— Nếu anh muốn biết chương trình đoàn thể chúng tôi một cách cặn kẽ, thì tôi chưa thể nói được. Chẳng phải có gì bất tiện, mà vì chúng tôi chưa có. Sau chín năm bị chế độ họ Ngô-Đình đàn áp, khủng bố, chia rẽ, chúng tôi giờ như « đàn gà thất thế », nhiệm vụ cấp bách hiện giờ là « củng cố hàng ngũ ».

— Tức là thành lập Giáo-hội ?

Anh gật đầu.

— Đúng hơn là thành lập lại. Từ lúc đạo chúng tôi ra đời—năm 1939—đoàn thể chúng tôi đã có ban Trị sự để điều dắt tín đồ, nhưng vì thời cuộc nước nhà, mà chưa có một Giáo hội do pháp lý công nhận. Cho nên khi chế độ độc tài vừa đổ, là chúng tôi lo xúc tiến việc này, và chúng tôi đã được phép bộ Nội-vụ, ngày 5 tháng 2 năm 1964.

— Thế thì công việc của ban Đại-diện lâm thời đã đi tới đâu rồi ?

— Chúng tôi đã bầu xong ban Trị sự xã, và đang tiến tới ban Trị sự quận. Chẳng nói anh cũng biết vất vả nhất là ở cấp xã, rồi càng lên trên càng dễ, càng mau.

— Sau quận, tới tỉnh ; sau tỉnh, tới trung ương. Và khi trung ương bầu xong, là Giáo hội thành lập. Và chừng ấy, mới hoạch định một chương trình rõ rệt ?

Anh xác nhận bằng một nụ cười ; và châm thêm điếu thuốc thứ nhì.



*Ô. Văn-Phú và Nguyễn-Ngu-Í
trong buổi nói chuyện*

— Nhưng từ bây giờ, anh cũng có thể cho biết sơ qua vài nét lớn hoặc cái hướng mà Giáo hội tương lai sẽ theo.

Khởi thuốc nhả đã khá nhiều, mà anh còn như dần đo, cân nhắc.

— Tôi có bàn với một số anh em nòng cốt về hai nhiệm vụ chánh của Giáo hội sau này, và được anh em tán thành. Mong rằng sau này sẽ được ban Trị sự trung ương chấp nhận. Một là phục hoạt nền giáo lý của đạo ; hai là góp sức vào cuộc cải tiến đời sống nông thôn.

— Nghĩa là nâng cao mức sống của tín đồ và làm vững đức tin người đồng đạo ?

Anh vừa gõ cho tàn thuốc rớt vừa đáp.

— Phải. Chúng tôi cho đó là hai nhiệm vụ thực tế cấp bách nhất. Gần hai mươi năm máu lửa, và chín năm bị đàn áp, đời sống vật chất và tâm-

linh của người theo đạo là hai mối quan tâm đứng vào bậc nhất của những người có trách nhiệm trong đoàn thể chúng tôi.

« Chúng tôi mong không lâu, mỗi ban Trị sự xã sẽ có một ban đọc giảng lưu động, một nhà giảng, và cạnh nhà giảng là một trường học, một nông trại với vài mươi công đất để làm một thí điểm tập thể về chăn nuôi và trồng trọt, một hợp tác xã tiêu thụ và sản xuất . . . »

Anh ngừng nói, hít một hơi thuốc, và mắt anh bỗng lờ những tia ranh mãnh khi thấy tôi chăm chú nghe và ra vẻ đợi chờ . . .

— Xin anh đừng tham lam mà đòi hỏi quá nhiều, vì tôi chỉ có thể tiết lộ có bấy nhiêu !

Miệng tôi cười cười với lời anh rào chặt, mà trí thì lại nhớ đến mấy dòng thư của một vị linh mục ở tận sông Hương: « Ta chỉ còn có hai con đường : xúc tiến việc thiết lập một chế độ xã hội hay dọn mình sống dưới chế độ cộng sản. » Lời đã thốt của kẻ thờ Chúa gần núi Ngự kia, việc sắp làm của người theo Phật khít sông Cửu-Long này ... hẳn cùng ở một nguồn mà ra vậy ?

Câu hỏi của người đối thoại trả tôi về thực tế :

— Đỡ anh biết trong hệ thống tổ chức Giáo hội chúng tôi, cấp nào giữ vai trò quan trọng hơn hết ?

Tôi trả lời một cách dò dẫm :

— Chắc là chẳng phải cấp Trung ương rồi !

— Đành vậy !

— Không phải cấp *chóp bu* lâu lâu trên mấy tầng mây trắng, thì hẳn cũng chẳng phải là cấp *gốc rễ* bám sát vào mấy lớp đất đen !

Tôi nhìn anh, chờ đợi một phản ứng. Anh vui vẻ nói :

— Thế là chỉ còn lại hai cấp để lựa chọn : *quận* và *tỉnh*. Anh chọn cấp nào ?

Tôi pha trò :

— Dễ lắm. Đây là vùng *Cái-Vồn*, trước ai nghe cũng ngán. Ngán từ thuở đời quân bóng tròn phụ nữ xuất hiện thời tiền chiến, ngán đến thời tướng Trần-Văn-Soái hét ra lửa sau này. Giờ tên *Bình-Minh* được chọn từ ba năm nay cho cái quận mới lập thành đây, tách nó ra khỏi tỉnh Cần-Thơ mà sáp nhập nó vào tỉnh Vĩnh-Long, cho nó hợp với nhân tình và địa lí, thì cấp quan trọng của đoàn thể tôn giáo cũng cố lại của các anh, là cấp quận đứt đi rồi.

Anh cười ha hả, chỉ vào mấy li cà phê đen đặc mà anh bạn chủ nhà vừa đặt trước mặt chúng tôi :

— Anh làm thầy bói kiểu đó thì chỉ có khách hàng lòng nhuốm tinh thần... «hòa-hảo» như bọn chúng tôi mới chịu thưởng cho cái chất đắng hòa ngọt này.

Và anh nâng li lên trước.

— À, tiện đây, tôi xin nói đến ba cái quyền của ban trị sự, ở cấp dưới cũng như cấp trên. Đó là quyền chất vấn, quyền phê bình, và quyền trọng tài.

— Trọng tài ?

— Có gì mà anh ngạc nhiên. Việc bất đồng ý kiến ở đâu và lúc nào mà

chẳng có, thì quyền trọng tài có, cũng là việc thường.

— Tôi nghĩ : chất vấn, phê bình, thì trên đối với dưới, dưới đối với trên, đều là việc dễ ; nhưng làm trọng tài, cấp trên làm trọng tài cho cấp dưới, là việc đã đành, song cấp dưới làm trọng tài cho cấp trên, ư có gì chẳng ổn.

— Sao lại chẳng ổn ? Một khi mọi người tín đồ đều cho mình đồng đẳng, thì ở đâu và lúc nào, ai cũng có quyền phân xử trong tinh thần hòa giải và xây dựng, không phân biệt gì cấp xã hay cấp tỉnh.

Tôi cười.

— Như thế, thì thật là hết sức dân chủ và vô cùng hiệp hòa an hảo !

Anh cũng cười, vẻ tin chắc rồi với bao nhiêu cố gắng, tận tình, kết quả nếu không tốt đẹp, thì cũng chẳng đến nỗi nào mà !

Anh đốt điếu thuốc thứ ba, và chờ đợi. Một chiếc xuống máy lướt ngang trong nắng chiều oi ả. Tiếng máy im đã khá lâu, mà tôi còn tìm cách trình bày câu hỏi có phần tế nhị. Huống chi, chúng tôi chẳng phải chỉ có hai người. Anh giúp tôi mở lời :

— Anh cứ hỏi. Chẳng có gì ngại. Anh em một nhà cả mà.

Tôi cựa li cà phê âm ỉm, thân hơi nghiêng về phía trước.

— Tôi xin thuật lại một dư luận, mong được anh đánh tan cho. Số là sau biến cố 1-11-63, các lực lượng võ trang của giáo phái trở về, hoặc từ bưng biền, hoặc từ Cao-Miên. Rồi chánh-

phủ lâm thời, chánh phủ cách mạng đến viếng nơi khai sáng đạo, rồi có tin tại những vùng đông tín đồ Hòa-Hảo. chánh phủ bổ nhiệm các tỉnh trưởng, quận trưởng vốn có đạo Hòa-Hảo. Và một số người khá đông đảo bắt đầu lo ngại, nhớ đến một thời đã qua mà phần nhiều họ nghe nói hơn là chứng kiến...

Chun mày anh nhú lại :

— Thời Hòa-Hảo giết người ăn thịt ! Gặp ai qua đường dọc đạo phải mua một miếng thịt người với giá cắt cổ !

— Cho đến đời, biết tôi sắp đi ngang đây, một ông bạn già đã kể tai nhắc nhở : « Qua Cái-Vồn, cầm cái mõm, không thì hết miệng ăn cơm ! » Nhưng cũng có số người cho rằng xưa một thời, nay một thời, và sau chín năm đen tối dưới chế độ họ Ngô, anh em Hòa-Hảo nào chắc cũng đã nghĩ lại, nên họ không « ngán », mà chỉ hơi « ngại ». Vậy thì, dù sao, trong thời 45 — 54, cũng có những người Hòa-Hảo đã hành động thế nào để nay còn để dư âm như thế... Nhất là đa số chỉ biết Hòa-Hảo qua các nhóm võ trang và chánh trị.

Một hồi im lặng.

Anh chợt hỏi tôi :

— Xin anh cho biết sơ về nguồn gốc và giáo lý đạo chúng tôi.

Tôi ngạc nhiên ra mặt :

— Chính tôi định rồi sẽ hỏi anh về hai điều đó. Nay anh lại hỏi tôi ! Khách thành chủ mất rồi !

— Không phải để làm khó dễ gì anh đâu nhé. Chẳng qua đó là một cách trả

lời cho đôi dư luận anh vừa kể. Và lại, thế nào anh cũng đã đọc, đã nghe trước khi lên đường, thêm những điều anh nghe thấy cả tuần ngày nay, thì hẳn thế chẳng phải là « cô-lê » anh đâu nhá.

Tôi vừa cảm thấy bực bực, vui vui. Nên sau một hộp nước trà ngon, tôi « lên giọng » người tái sinh trước ban giám khảo.

— « Phật giáo Hòa-Hảo » không phải cái tên do người sáng lập đạo đặt, mà do người đời đặt cho sau này và được người Giáo chủ nhận. Có phải thế không, anh ?

Tàn thuốc được dịp rơi xuống, và qua làn khói thuốc :

— Anh cứ nói. Có gì cần đính chánh hay bổ túc, tôi sẽ xen vô.

— Ông Huỳnh-Phú-Sổ khai sáng nền đạo này tại quê hương ông, làng Hòa-Hảo, thuộc quận Tân-Châu, tỉnh Châu-Độc, vào ngày 18 tháng 5 năm Kĩ-Mão (5-7-1939), lúc ông được 21 tuổi. Phật giáo Hòa-Hảo bắt nguồn từ đạo *Bửu Sơn Kỳ-Hương*, một tông phái của đạo Phật, tin rằng Phật Di-Lặc sẽ ra đời để chỉnh pháp lại. *Bửu-Sơn Kỳ-Hương* ra đời tại Hậu-Giang, khoảng giữa đời Minh-Mạng, mà vị Giáo chủ còn lưu lại vết tích là đức Phật Thầy Tây-An.

Anh gục gặt đầu, ngẫm nga :

« Bửu châu công luyện chốn non thần,
Sơn thủy môn giang bảo giác dân,
Kỳ quái chờ nơi Thiên nhứt định,
Hương nồng dành thưởng kẻ tròn ăn.

« Bửu ngọc vãng lai rõ đạo mầu
Sơn tìm hạnh thích nẻo cao sâu.
Kỳ giả nhứt tâm truyền đạo pháp
Hương tuyết đang lui bãi phục cầu »

« Chính Huỳnh giáo chủ chúng tôi cũng hay nhắc đến cái cội của đạo mình, và có làm những bài thơ nửa Hán nửa Nôm, mà tôi vừa ngâm anh nghe đó ».

— Sẵn anh nói đến thơ, tôi chợt nhớ một bài tứ tuyệt làm theo lối của Huỳnh giáo chủ, được truyền tụng trong phái *Bửu-Sơn Kỳ-Hương*, mà đặc biệt đọc ngang bảy chữ cũng có nghĩa, mà đọc dọc bốn chữ cũng có nghĩa, nói về tương lai giống Việt sẽ huy-hoàng và việc khai sáng một đạo mới trên đất nước chúng ta. Không có giọng ngang miền Nam như anh, tôi xin đọc thường vậy.

« Ngang thì :

« Bửu ngọc quán minh thiên việt
nguyên (1)

Sơn trung sư mạng (2) địa nam tiên
Kỳ niên trạng tái tân phục quốc
Hương xuất trình sanh tạo nghiệp yên.

« dọc thì :

Bửu-Sơn Kỳ-Hương, ngọc trung niên
xuất, quán sư trạng trình, minh mạng
(đạo) tái sanh, thiên địa tân tạo, Việt-
Nam phục nghiệp, nguyên (Nguyễn) tiên
quốc yên.

« Và luôn tiện nhắc đến thơ, đến sấm, tôi được nghe một bạn cho biết trên núi Cẩm, có khắc một bài thơ-

(1) Có thuyết nói : nguyên

(2) — : đạo

sấm, tương truyền là do chính tay Đức Phật thầy Tây-An khác. Một bạn khác nghe đọc lại bài thơ này lại cho hay có người bảo tác giả vốn là... La-Sơn phu tử ! Anh nghe chớ :

*Một nước hai vua nặng vai già,
Cuộc cờ phú quý pháo ngựa qua...
Trời Nam mau chóng cây sơn cấm,
Đất Bắc hãy còn cột Phục-Ba.
Con thú một sừng gần trở mặt,
Mà người chột mắt đợi không ra.
Chiêng nào nhật nguyệt quang minh hội,
Thế giới âu ca rõ giống nhà.*

« Hết thơ sấm giờ qua kinh điển.
Kinh điển nhà Phật có nói đến bốn ân, là :

- 1.— Ân phụ-mẫu,
- 2.— Ân quốc-vương,
- 3.— Ân Tam-bảo,
- 4.— Ân chúng sanh.

« Đức Phật Thầy Tây-An (sinh năm 1807, mất năm 1856) thì hằng khuyên môn đệ lo đền đáp bốn ân nặng, lớn, là :

- 1.— Ân tổ tiên, cha mẹ
- 2.— Ân đất nước
- 3.— Ân Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng)
- 4.— Ân đồng bào và nhân loại.

« Ta thấy từ « ân quốc vương » đến « ân đất nước », từ « ân chúng sanh » đến « ân đồng bào và nhân loại », đã có một cái gì »...

Thấy tôi đang tìm chữ, anh cười :

— Anh cứ nói « đã có một cái gì cách mạng đi. có được không !

— Nếu anh em đây cho phép. Căn bản đạo làm người theo Đức Phật Thầy là lo đáp đền cho trọn bốn cái ân lớn, nặng ấy, đó là một đường lối để tiến đến một cuộc *nhơn hòa*. Hai đặc điểm của đạo Bửu-Sơn Kỳ-Hương, là chỉ thờ « *trần điển* » (chờ không thờ tượng hay tranh Phật, rất giản dị trong nghi lễ và hình thức) và những bậc chân tu thường lên vùng Năm-Non Bảy-Núi mà tham thiền cùng tìm những phương thuốc Nam mà cứu nhơn độ thế.

« Người theo đạo này, ngoài việc tin tới hồi mặt pháp, Đức-Di-Lặc sẽ giáng trần, còn tin Đức - Phật Thầy Tây-An sẽ chuyển kiếp để tiếp tục việc hành đạo, và họ cho rằng Đức Phật Trùm ở núi Tà-Lơn, Đức Bồa-Sư ở núi Tượng, ông Sư-Vãi-Bán-Khoai ở Cao-Miền và sau này, Đức Huỳnh giáo chủ ở Hòa-Hảo là hậu thân của Ngài. Vì niềm tin này ăn sâu từ hơn thế kỷ, mà nay tin đồ Hòa-Hảo vẫn một lòng tin rằng Giáo chủ của họ chỉ « đi vắng » một thời gian, rồi thế nào cũng « trở về ». Nên họ bền lòng chờ đợi »...

Một giọng ngâm cất dứt lời tôi đang độ thao thao.

— Thân này đã ngấm trầm nhang,
Vui cái Bắc ái, bền gan Đợi chờ.

Và một giọng nói chắc nịch tiếp :

— Giáo chủ chúng tôi đã « tự thân » như thế từ năm canh Thìn 1940, và Người cũng tự dặn với mình, tức là cũng dặn chúng tôi, chớ có vội vàng, hấp tấp.

« Đâu canh tiếng động bên nhà,
« Chờ ba canh một thì gà gáy tan... »

Mười năm mới có một *canh*, mà phải chờ đến ba *canh*, còn thêm một... Mà này, chúng mình đã đi xa để vạn dặm rồi. Vậy, « giám khảo » bắt buộc đi xin vấn « thí sinh » miễn cưỡng vậy: anh hiểu Phật giáo Hòa-Hảo ra sao?

Tôi uống cạn tách nước trà.

— Hiểu thì tôi chưa có thể nói mình đã hiểu. Tôi chỉ thấy trong đạo Hòa-Hảo, cốt là Thích-Ca Mâu-Ni, mà Khổng-Khâu, và... Lão-Đam, Trang-Chu cũng dự phần tô điểm.

— Tôi có thể nói với anh: đạo Hòa-Hảo là cái tập đại thành của ba nền tư tưởng chánh của Á-Châu: cái vô vi của Phật, cái xuất xử của Khổng, Mạnh và cái phóng khoáng của Lão, Trang.

Thôi, ta hãy để qua bên những cái « điên đầu » này, mà chỉ cùng nhau nhận: cái cốt của Hòa-Hảo là Phật-Giáo. Như thế là anh đã trả lời cho anh về cái « tai tiếng chẳng hay » mà đoàn thể chúng tôi phải chịu.

Đây, tôi xin đọc anh nghe một đoạn văn của Giáo chủ chúng tôi viết ở Sài-Gòn, khoảng tháng 5 năm 1945, gởi cho tín đồ, để anh rõ Giáo chủ chúng tôi nghĩ sao về đạo và đời, nhân nói về việc *để tóc*, thì anh biết được tín đồ Phật Giáo Hòa-Hảo có thể hành động như thế chăng?

« Tất cả bốn đạo nên biết rằng Thầy không có buộc *để tóc* vì đó thuộc về phong tục chứ chẳng phải về tôn giáo; nhưng sở dĩ Thầy *để tóc* là muốn giữ kỷ niệm cái phong tục cổ của Tổ tiên và tỏ cho thiên hạ biết Thầy không chịu ảnh hưởng cái đời văn minh cận kề của phương Tây. Thấy vậy, nhiều người

trong bốn đạo yêu mến Thầy liền bắt buộc, vì thế số đông người lại hiểu rằng *để tóc* là tu. Thật ra tu là tu, *để tóc* là *để tóc* và tu không phải là *để tóc*, *để tóc* không phải là tu. Nếu *để tóc* mà không chịu trau tâm sửa tánh cũng chẳng phải là *kê tu hành*. Từ rày trở đi đã thoát được ách người Pháp và tùy theo phong trào tiến hóa của nước nhà, Thầy cho phép bốn đạo tự do cải cách hầu hòa hợp với lương dân cùng tôn giáo khác. »

Người nông dân chất phác, thờ Phật, làm lành, lánh dữ, sợ nghiệp báo, theo lời Huỳnh giáo chủ dạy mà không ăn thịt trâu, bò, ngựa, chó, mèo, là năm gia súc gần gũi và giúp đỡ mình nhiều nhất, thì thế nào lại « phanh thây uống máu » đồng bào mình, đem bán thịt « người chung một nước » cho khách qua đường như bán tôm bán cá?

— Thế thì chánh danh thủ phạm tên là Việt-Minh?

Anh giục mạnh tàn thuốc.

— Người Cộng-sản có chùa phương tiện gì, nhất là khi họ yếu. Họ có bao giờ quên câu: « Cừ vu cáo đi, cừ vu cáo hoài, cừ vu cáo mãi, thế nào cũng còn lại cái gì! » Nhưng từ năm 1950—khi họ mạnh hẳn rồi— họ đâu còn dùng cái khí giới của kẻ yếu là vu oan giá họa cho chúng tôi nữa.

— Có một điều thắc mắc có thể gọi là lịch sử này, xin trình bày anh rõ. Pháp trở lại nước ta, sau khi Nhật đầu hàng Đồng-minh. Chống xâm lăng, không ai tránh được nhiệm vụ thiêng liêng này, mặc dầu cuộc thánh chiến này do đảng Cộng-sản leo lái và lợi dụng;

nhưng khi họ chưa bỏ rơi mặt nạ họ xuống, chưa tự nhận là một bộ phận của thành trì thế giới Cộng-sản, thì về hợp tác với kẻ thù dân tộc, như đoàn thể Hòa-Hảo đã làm, từ năm 1947, phải chăng là điều mà Lịch sử nước nhà sau này có thể trách ?

Một chiếc phi cơ quân sự bay thấp ngang nhà, anh chau mày chờ cho tiếng máy gay gắt tắt hẳn ở xa, mới chăm rãi giải bày, giọng thoáng buồn:

— Tôi phải dài dòng, để anh mới có thể rõ niềm u uất của chúng tôi. Khi mà ở Hậu-Giang, tin đồn Hòa-Hảo bị Cộng-sản khoác áo kháng chiến đàn áp một cách đột ngột, đồng đứng lên phục hận, mở đầu cho những cuộc lưu huyết đau lòng, thì đức Giáo chủ chúng tôi phải ẩn núp ở Sài Gòn để khỏi lọt vào tay Trần-Văn-Giàu và đồng bọn ; lúc đó một nhơn viên của Ủy ban Hành chánh Nam-Bộ từng quen biết đức Giáo chủ chúng tôi bỗng tình cờ gặp Người tại Chợ - Lớn. Người bạn này có nhắc đến vụ đâm máu ở Hậu-Giang, thì người có đáp lại như sau.

Rồi tay anh với lấy cuốn « Đời cách mạng của Huỳnh giáo chủ » (3), lật, chỉ cho tôi xem đoạn ấy.

« Từ khi tôi phải ẩn mình vì sự tập nã rảo riết của phe đảng Trần-Văn-Giàu, rày đây may đó, mất hẳn liên lạc, anh em họ quá thương tôi, nên mới nổi dậy thế thôi !

« Tôi cũng nhìn nhận rằng cuộc trả thù ấy là trái hẳn với đức hiệu sanh của đức Thích-Ca, song vì bốn phận đối với nước, đã làm cách mạng, thì cuộc chống trả ấy chỉ là một cách

tự vệ, một phương pháp cuối cùng để bình vực lí tưởng.

« Mấy ai thấu được nỗi khổ tâm của tôi khi thoát khỏi cuộc khủng bố ở trụ sở (4) ở đường Miche (5) vì trên tám mươi anh em cộng sự đã bị Việt-Minh giam cầm, hành hạ đủ điều ».

« Tôi muốn nhấn ở cái thế bất buộc phải giết người để tự vệ thân mình và để bảo vệ lí tưởng ấy.

« Người Cộng-sản giết chúng tôi bằng súng nhỏ, súng lớn, đồng bào thấy có vẻ văn minh quá, nhưng khi chúng tôi sau khi ngã gục hàng chục hàng trăm người trước họng súng của Cộng-sản, sắp được gấn họ, khoa mà tẩu hay dao găm mà chém, mà đâm họ cho đến khi kẻ thù chết thật chết mới nghe, thì đồng bào nào mà chẳng cho đó là một hành động dã man ! Rồi một đồn mười, rồi cái tài độc nhất vô nhị của Cộng-sản — tài tuyên truyền ấy mà — phóng đại thêm, hoặc dàn cảnh lại...

« Rồi đức Giáo chủ chúng tôi (ủy viên đặc biệt trong ủy-ban kháng chiến và Hành-chánh Nam-Bộ) bị Cộng-sản âm mưu ám hại. Lúc bấy giờ, chúng tôi đang kẹt vào cái thế trên đe dưới búa, chưa xót vô cùng. Anh thử nghĩ tình cảnh chúng tôi lúc đó : ra hưng, thì sẽ bị Cộng-sản tiêu diệt ; về thành, thì bị Pháp nghi nan, rồi cũng chẳng yên bề nào. Chỉ còn có

(3) Tác giả : Huệ-Tào, in năm 1954.

(4) Tức trụ sở Việt-Nam độc lập vận động hội, do ông Huỳnh-Phú-Sở sáng lập.

(5) Rõ hơn là ở góc đường Mi Hê và Sobier. Tức đường Phụng-Khắc-Khoan Tự Đức bây giờ.

nước: trong hai cái dở, chọn cái nào ít dở. Với Cộng-sản, là cuộc chiến tranh giữa thể giới Hữu thần và thể giới Vô thần, một cuộc chiến tranh không phương đẹp được, mà Cộng-sản không thể dung chúng tôi được. Với Pháp thực dân, còn có chỗ hòa hoãn. Nên đúng một tháng hai ngày sau khi đức Giáo chủ chúng tôi thọ nạn, ngày 18 tháng 5 năm 1947, chúng tôi ký với Pháp một thỏa ước, nhằm hai mục đích: một là để bảo vệ mạng sống cho tín đồ, hai là để bảo tồn đoàn thể. Và khi ký kết với Pháp, chúng tôi là Quân-đội đảng Việt-Nam Dân chủ xã hội (6), gọi tắt là Quân đội Dân-xã, mà sau đó, chúng tôi tự xưng là Quân đội Phật giáo Hòa-Hảo, một thứ tự vệ chiến đấu có nhiệm-vụ bảo vệ những vùng của người đồng đạo. Chúng tôi chỉ giữ vùng mình, mà chẳng hề xâm lấn phần đất của bên kháng chiến, và từ 1947 đến năm 1949, quân đội chúng tôi không hề ngừng tay lãnh một đồng xu lương nào của Pháp. Chúng tôi muốn được an toàn trong một khu vực riêng, ở giữa hai khu vực do thực dân Pháp và độc tài Đỗ cai trị.

« Làm nhiệm vụ bảo vệ đồng bào đồng đạo với mình, biết bao là tốn kém cho quân sĩ. Lấy tiền đâu để nuôi quân? Chỉ còn có cách kêu gọi sự đóng góp của đồng bào ở trong vòng bảo vệ của mình. Một cuộc tương trợ. Chánh phủ đã chẳng tốn một viên đạn để đem lại an ninh cho đồng bào, mà lại đòi thuế thu à? Sao được. Do đó, mà người ta gán cho chúng tôi những danh từ: Lành chúa, Sứ quân. Nhưng thật ra, chúng tôi nào có một giang-

son riêng, một triều đình riêng, một bộ máy hành chánh riêng, và tha hồ tác oai tác phúc đâu!

« Và trong việc nhờ đồng bào nuôi quân, tránh sao cho khỏi những cái vụng về, sơ xuất của một số anh em nông nổi, còn việc xúc lúa, bắt heo vốn là giúp người đồng đạo kẹt ở vùng Cộng sản di chuyển về vùng quốc gia, lại trở thành việc cướp bóc, do lời xuyên tạc của đối phương, rồi tiếng đồn bay xa sau khi được nhân lên gấp mấy. Mà như anh biết, đoàn thể nào lại chẳng có những phần tử hoặc bất cập, hoặc thái quá, đi sai đường lối chung và những phần tử hoạt đầu, cơ hội và phản bội, nhưng chẳng lẽ ta chỉ căn cứ vào một số lá sâu ở ngọn mà cho gốc cây thối nát, chẳng ra gì?

— Như thế thì tướng Ba-Cụt đâu có phải là kẻ lưu manh ăn cướp, hiếp dâm, như một số người đã nói.

Anh chỉ khẽ cười, rùn vai, chua chát.

Anh bạn chủ nhà thấy cần xen vô:

— Tôi biết. Chú Ba nó ở trong cái thế mà trước kia Cộng sản cũng từng bị kẹt: cái thế phải làm kinh tế mạo hiểm. Tránh sao khỏi tiếng phiến hã. Chớ tôi biết chú Ba nó trị quân rất nghiêm. Được biết em út có ai giết người, hiếp dâm, lập tức chú phải hai người lính thân tín đi tìm cho được kẻ

(6) Do ông Huỳnh Phú-Sở thành lập ngày 21-9-1946.



*Mộ và nơi thờ cổ trung tướng
Trần-Văn-Soái, Tổng tư lệnh quân đội
Phật Giáo Hòa-Hào*

không xứng đáng ấy mà hành quyết. Chỉ khi nào làm xong nhiệm vụ máu ấy, mới được về gặp chú.

Anh thở dài :

— Chú Ba nó là điển hình cho một số người lấy phương tiện để đi đến mục đích. Rồi mục đích quá xa, cứ phải dùng phương tiện mãi, thành sau quên mất mục đích, mà chỉ biết, chỉ thấy có phương tiện. Cho nên về sau, chú làm tưởng rằng chỉ có quân sự là giải quyết được tất cả, ngoài ra không có cách nào khác. Nên chú làm như Mạnh-Hoạch đầu Không-Minh : đầu quốc gia để lấy một số súng đạn rồi ra bưng đánh Cộng sản, mà gặp lúc, cũng chơi luôn Quốc-gia. Súng đạn sắp thiếu, thì lại ra đầu hàng. Cứ ra bưng, rồi lại về thành, để sau rút, chết một cách tức tưởi.

— Tướng Lê-Quang-Vinh vốn hoạt

động mạnh ở vùng nào, anh ? Và các tướng Trần-Văn-Soái, Lâm - Thành-Nguyên, Nguyễn-Giác-Ngộ ?

— Chú Ba nó có ảnh hưởng nhiều ở vùng Thốt-Nốt. À, anh đã đi Cần-Thơ qua Long-Xuyên, thì khỏi quận Ô-Môn, đến quận Thốt-Nốt đây. Vùng Cái-Vồn đây, với Cần-Thơ, Vĩnh-Long, Sa-Đéc, Định-Tường và một phần của An-Giang thuộc ảnh hưởng ông Trần-Văn-Soái, địa bàn hoạt động của tướng Lâm-Thành-Nguyên là vùng Thất-Sơn và độ một phần ba tỉnh Châu Đốc. Tướng Nguyễn-Giác-Ngộ ảnh hưởng ít hơn : cù lao ông Chường. Anh đứng ở Tổ-dình (7) nhìn qua bên kia sông, đó là cù lao ông Chường.

— A ! cái cù lao mà « *Chiến chiến qua nói với điều : Cù lao ông Chường có nhiều cá tôm* » ?

Anh gật đầu, rồi tiếp.

— Bốn tướng đây theo đường quân sự, là vì gặp thời p'ái thế. Nó chỉ là một phương tiện nhất thời. Cũng như chánh trị vậy. Đức Giáo chủ chúng tôi khi thành lập đảng Dân-Xã là muốn dùng chánh trị mà giúp nước và truyền đạo, rồi chọn trong số đảng viên những người cốt cán để đưa về đạo. Anh thấy cái vòng tròn ấy chớ : từ đạo đến đời, rồi từ đời trở về đạo. Sau này, anh em có người làm phương tiện với cứu cánh, lại lấy tin đồ ra để làm . . . đảng viên. Mà cái chỗ yếu của chúng tôi về chánh trị, là thiếu cán bộ. Trong lời tuyên ngôn của đảng Việt - Nam Dân chủ Xã hội, đức Giáo chủ chúng tôi có nói đảng thành lập là do sự thỏa thuận

(7) Nhà Đức Ông Hỷ-H-Công-Bộ, nơi sanh thành Đức Huỳnh Giáo chủ.

và đoàn kết giữa các đoàn thể ái quốc (kháng chiến, cần lao, tôn giáo và chánh trị), và chủ trương « thiết thi triệt để nguyên tắc chánh trị của chủ nghĩa dân chủ : chủ quyền ở nơi toàn thể nhân nhân », và đã chủ trương như thế, tất đảng « chống độc tài bất cứ hình thức nào ».

— Đoàn thể Hòa-Hảo có một lực lượng đáng kể, chắc rằng đã có người len vào để... lợi dụng?

Anh cười.

— Điều đó, đoàn thể nào mà chẳng gặp, có riêng gì đoàn thể chúng tôi. Nhưng len vào là một việc, mà có lợi dụng được hay không, là một việc khác.

« Chúng tôi từ đạo vào đời, xây dựng cho đời để rồi trở lại với đạo. Tôi thấy cần nói lại với anh, chúng tôi đã từng vô trang, từng làm chánh trị, là vì gặp thế chẳng thể dừng. Khổ một nỗi, quân sự thì tránh sao khỏi gât gao, tàn nhẫn ; chánh trị khó mà chẳng mưu mô, thủ đoạn. Chỉ hiểu đạo chúng tôi qua hai phương-tiện nhất thời ấy, thì e rằng thiếu sót, nếu chẳng phải sai lầm ».

Mặt anh thoáng buồn trông thấy. Tôi bèn hỏi sang hướng khác :

— Tôi thường nghe nói tín đồ Phật giáo Hòa-Hảo trên dưới hai triệu.

« Chẳng hay con số này chắc chắn như thế hay là phỏng định ? »

— Năm 1953, chúng tôi có làm kiểm tra, tôi không nhớ rõ con số, đâu lỗi một triệu bốn trăm ngàn mấy. Mười năm qua, con số đó có thể lên tới hai triệu : lớp trẻ trước kia nay đã thành

nhơn và chẳng có lí gì chúng không theo đạo cha mẹ, ông bà của chúng.

— Cái nôi của đạo là Châu-Độc, Long-Xuyên, các tỉnh lân cận như Hà-Tiên, Rạch-Giá, Cần-Thơ, Vĩnh-Long Sa-Đéc cũng có tín đồ, ngoài ra còn có tỉnh nào nữa không, anh ?

— Còn có Bạc-Liêu, Sóc-Trăng, Mĩ-Tho.

— Thành phần tín đồ, anh có thể cho biết.

— Bần và trung nông chiếm đa số đến 90 phần trăm ; phú nông và địa chủ : 5 phần trăm ; thương gia : 4 phần trăm.

— Còn trí thức ?

— Trí thức, là phần sót lại : 1 phần trăm.

— Đi ngoài đường, có gì để phân biệt người tín đồ với đồng bào thường ?

— Đạo chủ trương hòa với đời, thì ngoài đời, người có đạo hay không, chẳng có gì khác.

— Tín đồ không đeo một biểu tượng gì, như đồng bào theo Thiên-Chúa-giáo đeo Thánh giá, chẳng hạn.

Anh lắc đầu.

— Thế thì khi vô nhà ?

— Sân nhà tín đồ nào cũng có bàn thông thiên.

— Tôi thấy chẳng riêng gì tín đồ Hòa-Hảo mới có bàn vọng thiên, mà ở miền này, đồng bào nào theo Phật giáo cũng có cả.

— Nhưng có chỗ khác. Là có ba cái chung nước lạnh, và một bình bông. Bông là biểu hiệu cho sự tinh khiết,

nước lạnh biểu hiệu cho lòng trong sạch.

— Tại sao ba cái chung, mà không bốn hay hai ?

— Vì ba tượng trưng cho Phật, Pháp, Tăng : Tam bảo.

— Còn vô nhà ?

— Và nhà, thì chỉ có « trần điều ».

— « Trần điều », có buộc phải bằng thứ hàng gì và theo một kích thước nào không, anh ?

— Không. Vải, hàng gì, rộng hẹp gì, tùy ở tín đồ.

— Trước kia, « trần điều » đúng với tên : màu đỏ thắm, nhưng sao sau này lại màu dà ?

— Năm 1945, vì ngại có sự hiểu lầm xuyên tạc, (màu đỏ là màu đấu-tranh quyết liệt của Cộng-sản), Huỳnh giáo chủ mới đổi sang màu dà, vốn là màu của sự ôn hòa, và do năm màu chánh của Á-Đông chúng ta : xanh, đỏ, vàng, đen, trắng hợp lại.

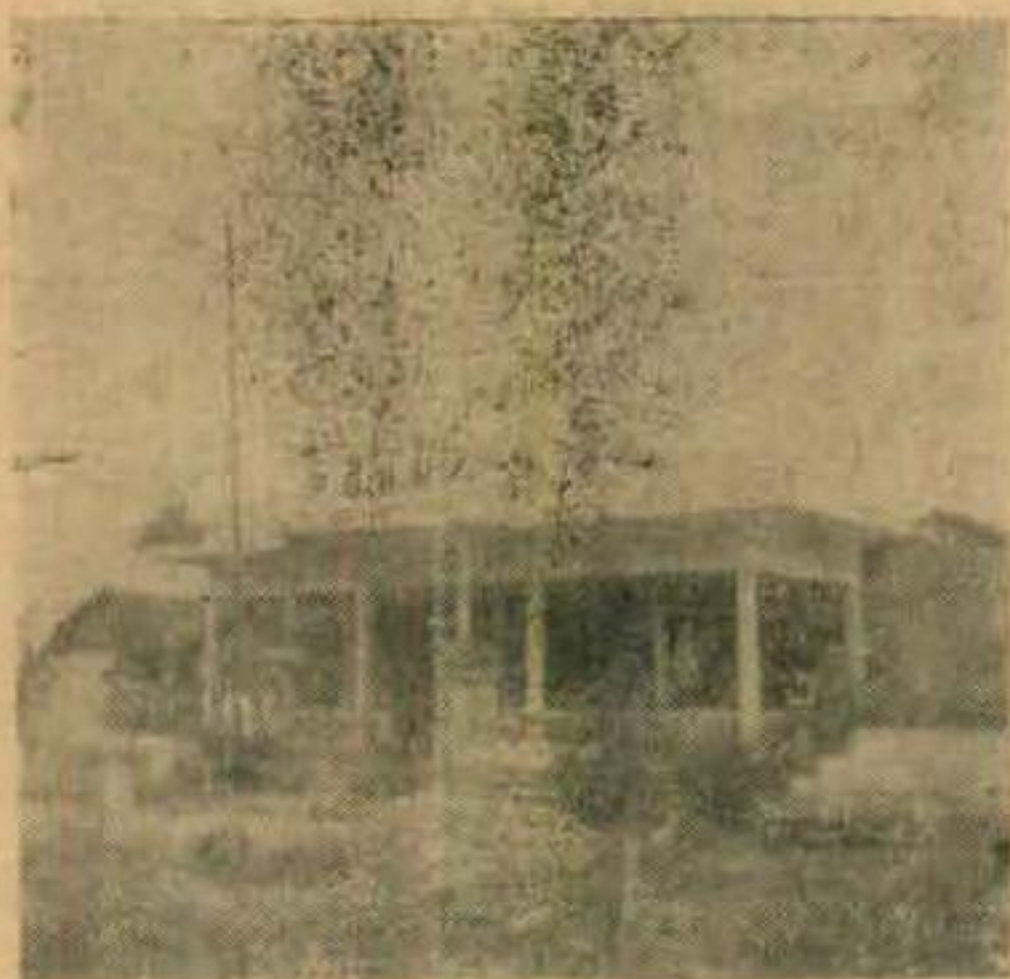
— Có bao giờ anh tìm hiểu tại sao phái Bửu - Sơn Kỳ-Hương chọn màu điều để thờ vào nơi trang trọng nhất trong nhà ?

Anh ra chiều nghĩ ngợi.

— Có, nhưng chẳng biết sự thật có phải thế không. Đọc tiểu sử đức Phật Thầy Tây-An, tôi nhận thấy Người đã nặng lòng vì dân vì nước, thì chắc người khai sáng Bửu-Sơn Kỳ-Hương khi chọn màu cho đạo, hẳn nhớ đến :

« Nhiều điều phủ lấy giá gương,

« Người chung một nước phải thương nhau cùng »



Chùa Phật-giáo Hòa-Hảo ở Cái-Vồn

« thời Hai Bà Trưng khởi nghĩa, hay
« ... mà nay áo vải cờ đào

Cần dân giúp nước biết bao công trình »
« của Ngọc-Hân khóc Nguyễn-Huệ. »

Nhắc đến những câu ca dao, câu thơ và những nhân vật lịch sử này, chúng tôi sao lại để tâm trí lui về dĩ vãng, trầm ngâm mà nhìn ra sân rộng, có nhiều chậu kiểng lâu đời cũng đang tự lự. Chiều đang thông thả lên dần.

..

Chẳng biết những người quanh tôi hiện hồi tưởng điều chi, riêng tôi, tôi nhớ lại mới chiều nào, khi cùng người bạn trẻ ấy đề huề để chân lên đất làng Hòa-Hảo...

Chiếc xe lôi đang phóng nhanh trên con đường đất chẳng mấy phẳng phiu uốn quanh theo bờ một cái rạch con nước lờ lờ chảy..., khi hoàng hôn đang lúc dâng lên, thì

« Xúc trần để lại làng Hòa
Lời thăm hỏi phía Ngọc tòa ta lui.

*Âm dương cách trở xa xuôi,
Nhau cùng bá tánh chú người tắc lòng.»*

Giọng thanh nữ, ngâm theo điệu miền Nam, tiếng lớn dần, thứ tiếng được truyền thanh. Tôi nhìn quanh. Vãn cảnh quê mùa : lá xanh nhả lá, vãn người thân nhiên qua lại, hay đứng nhìn vãn vơ. Tiếng ngâm rõ ràng hơn. Anh xe lôi bông dờ nón, người cùng xe hòng ngưng câu chuyện. Một nhà gạch nhỏ, vuông, hai tầng. Tầng trên, tượng người Giáo chủ áo dài khăn đen. Tầng dưới, một thanh nữ áo dài đứng trước máy vi âm, tay cầm một quyển sách mở. Tiếng ngâm này vừa muốn tắt sau lưng thì từ trước mặt, vẳng lại để rõ dần dần :

*« Cả kêu diên chủ phu nông
Đứng lên đường để ruộng đồng bỏ hoang.
Muốn cứu khổ tai nạn của nước
No dạ dày là chức đầu tiên.
Nam-Kì đâu phải sống riêng,
Cũng còn cung cấp cho miền Bắc, Trung.»*

Rồi một nhà vuông. Một thiếu phụ một mình trước máy vi âm với trang sách mở. Và khi tiếng nàng vừa muốn nhỏ thì tiếng khác ở phía trước lại nhỏ nhỏ để to dần. Rồi lại một nhà vuông. Một bà lão tóc bạc một mình trước máy vi âm với trang sách mở.

*« Rận nghe lời dạy của Thầy,
Để chừa đến việc kiếm Thầy không ra.*

Rồi những ngọn đèn con trên bàn vọng thiên ở trước sân nhà hai bên

đường, lạnh lùng như mắt người canh gác trong đêm. Và những giọng đàn bà ngâm thơ, đọc sách, đều đều, nhẹ nhẹ ấy cứ theo tôi khi tôi cùng người bạn ở Thánh-Địa này đến Thư-viện tỉnh kinh, vào hiệu ảnh rửa hình, về nhà bạn ăn cơm, ra bờ sông ngắm trăng chong đèn trò chuyện cho đến khuya lác khuya lơ..., và khi gà gáy sáng, tỉnh giấc, là tiếng kia đã nhẹ rót vào tai... Tôi bất giác rung mình, nhìn chung quanh đang tối sáng tranh nhau : không khí nơi đây quả là ủ men huyền bí, cổ sơ, và lúc ấy tôi nhớ liền nhan quyển tiểu thuyết của tôi mà anh bạn chủ nhà vừa nhắc đến trong đêm. « Khi người chết có mặt ». Và giờ đây, sau hai giờ nói, hỏi nghe về một mối đạo ra đời được mới một phần tư thế kỉ, có tên là Hòa-Hảo, và một người giáo chủ mà người ngoài đạo cho là đã chết nhưng người trong đạo tin rằng chỉ vắng mặt một thời gian nhìn cây kim quít già trên trăm tuổi, nhìn dòng nước nhỏ chảy trước nhà cùng đang mơ màng trong ánh chiều êm, trong trí tôi lại hiện bỗng hai hình ảnh song song :

• Một dòng thác lũ diên cuồng, cuộn lời tất cả những gì nó gặp...

• Một con sông cái hiền hòa, « chờ ghề, tưới ruộng, nuôi loài cá tôm »...

Một loạt sừng lời tôi về thực tại.

Đầu năm Giáp-Thìn 1964

NGUYỄN-NGU.

☉ Cái làm chúng ta già, không phải là vì tuổi tác chất chồng, mà vì rời bỏ lí tưởng mình đi.

X...

LOẠN

Cha mẹ tôi vốn nhà nông chất phác
Sống mãi đời chỉ biết luống vườn xanh
Mùa lúa, mùa khoai chổng lên tuổi tác
Năm mọt buồn bên góc ruộng thâm canh

Còn lại đó vườn cam, hìng rau, liếp chuối
Con trâu già gặm cỏ mắt ưu tư
Đường về xóm, mỗi hoàng hôn lui thui
Tôi âm thầm nối tiếp chuỗi ngày xưa

Đời tần tiện, thương mỗ hơi nước mắt
Đếm tháng ngày trên đọt lúa, mùa cau
Trời trở bắc, không buồn thân buốt rét
Mì bán khoán, lo úa mạ, vàng rau

Ngày nhập ngũ rộn rộn ràng bao kỷ niệm
Người lên đường. Đang độ lúa đơm bông
Cô hàng xóm tựa rào cây ầu yếm,
Nói làm chi, nhiều nỗi xót xa lòng...

Từ đó tôi đi qua nhiều trận tuyến
Nhiều miền quê khói lửa, xóm tiêu điều
Nhưng lúc dừng quân nghe lòng xao xuyến,
Thương cam vườn ngã đổ, mái nhà xiêu

Tôi không tiếc tuổi xanh chừ đã mất
Nhưng mười năm chiến đấu, giặc còn đây,
Bao thương tích in hằn trên mảnh đất
Trên cuộc đời không có tuổi thơ ngây.

Đã lâu lắm không về thăm xóm cũ
Nghe quê hương có giặc mấy năm rồi
Ai đến đó, đây chút tình nhân nhủ
Thương cam vườn, xóm nhỏ, lúa đông tôi.

HOÀI HƯƠNG

Thư cho mẹ

Quê nhà đèn chong mắt mẹ
Bây giờ con nhớ ai xưa
Những lá tre vàng đầu nghiêng xuống thềm
Những phiến nắng chiều nát rụng lòng thu
Còn mảnh sầu rêu tẩm lòng mẹ đó
Còn dấu chân con thềm cửa ngậm ngùi
Nghe trong gió thăm như câu kỷ niệm
Biết bao giờ con về trông mây trôi
Xòe tay vãn lòng vòng mơ mộng cũ
Nhìn người, xa xôi như chân trời
Một đời con viễn vọng
Đến bao giờ mới thôi ?



Chiếc giường vải cuối năm
Trắng không còn ngoài cửa
Bây giờ mẹ thức giấc đốt đèn
Nằm sau lưng đáng núi
Cố mắt con nhìn như bóng đêm
Mùa xuân trong mắt ai
Xuống như vầng lá chín
Con mong đến bên người
Men theo dòng số mệnh
Cố tìm ra tương lai ?



Còn một chút đường trong rêu
Còn lòng con như hươu rừng
Sớm mai ra ngoài đồng nội
Quê nhà mắt mẹ đèn chong...
Khi con về, hư vô đường ngựa chạy
Núi rừng sâu chập chùng
Lòng con giờ đã vậy
Biết mẹ buồn hay không ?

PHAN DUY NHÂN



Cái nghiệp tiên thiên

HỒ-HỮU-TƯỜNG

TÔI sanh trưởng nơi một gia đình nông dân nghèo ở miền Hậu-Giang. Cha tôi, mồ côi cha sớm, thì mười hai tuổi đã phải đi ở đợ để nuôi thân và không được đi học. Nhờ tánh tình hiền hậu, ngay thẳng và siêng năng, ông được một nhà giàu gả cho đứa con nuôi, cho mướn ruộng và giúp vốn để cất nhà, làm mùa, rồi thân phận ở đợ để trở nên một tá điền cho đến ngày lâm chung. Lúc ấy, cả hai đều không có học. Về mặt tư tưởng, cha tôi không theo đạo Phật, chẳng theo Lão giáo, mà cũng không biết Khổng giáo là gì, bình sanh rất ghét thầy chùa, thầy pháp và chỉ biết thờ kính ông bà.

Làm mùa trúng luôn mấy năm, trong nhà dành dụm có dư chút đỉnh, cha tôi mới gởi anh cả tôi đến một ông đồ ở gần đó mà học chữ Hán. Ngày thì đi

làm ngoài đồng, tối lại quạt muỗi cho con học, ông học lóm được chữ Hán và chữ Nôm, đọc được truyện sách và bắt đầu giao thiệp rộng. Mỗi năm, hết mùa mưa, thì có ghe bầu từ những miền Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Bình-Định, Phú-Yên chở những thổ sản ngoài ấy vào ; thỉnh thoảng có một vài thầy thuốc Bắc, một hai ông đồ theo các ghe ấy vào mà đi tìm việc : đó là những mối giao du thích nhứt của cha tôi. Tết năm 1910, lúc ấy tôi còn trong bụng mẹ, theo lời thuật lại, cha tôi giao thiệp được một người không biết tên họ gì, mà thiên hạ sau này đều gọi là thầy Quảng, vì có giọng nói Quảng-Nam đặc biệt. Không ai thấy ông này làm nghề gì ; nhưng người ta đồn ông làm thợ mộc, rồi bởi ông giỏi bùa Lỗ-Ban nên thiên

hạ sợ ông ốm mà không ai muốn cả. Ông say rượu cả ngày, ngồi trên một chiếc giường mà bới đi hoài, ít ghé đâu cả. Thế mà ông thích ghé nhà tôi để thuyết đạo cho cha tôi. Ông thuyết cái gì? Sau này tôi chỉ nghe tóm tắt mà thôi. Thấy Quảng khuyên cha tôi nên theo đạo Bửu-Sơn Kỳ-Hương mà tin rằng Di-Lặc sẽ giáng trần chinh lại pháp cũ, làm cho « Minh đạo » sẽ tái sanh. Cha mẹ tôi bàn luận với nhau nhiều về sự này, nhưng rốt rồi không theo. Cha tôi đợi mãi đến năm 1930, vài chục tháng trước khi ông chết, mới thượng « trần điều » trên bàn thờ để tỏ ra rằng bấy giờ ông đã là tín đồ của đạo ấy. Nhưng đến lúc đó, toàn xứ Việt, đếm không còn được vài ngàn tín đồ theo phái này.

..

Tôi lớn lên, đi học khoa học ở Âu-Châu, thêm thêm một mớ chủ nghĩa Marx, về xứ rồi, thấy « trần điều » thượng lên bàn thờ, hỏi ra mới biết nguồn căn của cái tôn giáo đã để hai mươi năm dặng thay đổi lòng của một nông dân thiếu học. Bấy giờ đến phiên cha tôi đem những truyền thống mà ông và mẹ tôi đã nghe, lúc mà tôi chỉ là một cái thai vừa tượng, mà thuật lại cho tôi, đương đầy kiêu hãnh vì mớ khoa học và chủ nghĩa vừa nuốt được. Vì lòng kính mến cha, nên tôi nghe mà không cãi lại; nhưng vì lòng kiêu hãnh của một tân đồ kia, tôi không chấp nhận lời truyền đạo ngay của người cha kính mến.

Hơn ba mươi năm đã qua. Nhiều sự thất bại trong cuộc vật lộn với đời làm cho tôi có nhiều kinh nghiệm hơn,

và, do đó, trở nên khiêm tốn. Vào nhà tù chuyển này, mấy năm sau đây, tôi lại chỉ thấy có một cửa ra: cái chết, vì mười hai viên đạn, hay vì bệnh, hoặc già. Càng gần cái chết, con người càng xét nét để ôn lại đời mình. Tôi mới thấy tôi đã vương lầy cái nghiệp của tôi trước khi ra bụng mẹ: lúc ấy mẹ tôi nghe bàn đến sự sửa lại thường xuyên của đạo Phật mà tượng trưng là Maitreya, đức Phật đầu thai lại mãi để chinh lại cái pháp, nên chỉ bấy giờ, mặc dầu tôi không phải là tín đồ của đạo Phật, tôi mãi lo âu về sự sửa lại ấy.

Tôi lo âu về sự này từ năm 1939, khi bắt đầu cuộc chiến tranh thế giới thứ hai, lúc ấy tôi cũng bắt đầu một lữ tù năm năm. Năm ấy, tôi bắt đầu hoài nghi về mớ lý thuyết mà tôi đã học của Marx, và thấy rằng ngày sau mà thế giới một nhà được, vai trò của luân lý và tôn giáo rất là hệ trọng. Trong năm năm ở tù, không có sách đọc, tôi cứ suy nghĩ mãi về sự tổng-hợp chủ nghĩa xã hội và đạo Phật. Về mặt lý thuyết, sự tổng hợp ấy có thể làm được, nhưng về đường thực tế, trong hai cái đại gia đình: gia đình xã hội chủ nghĩa và gia đình Phật tử, chẳng có ai ước muốn việc này. Từ ấy, cái nghiệp nói trên càng quấn quít tâm hồn tôi. Nên chỉ tôi đặt cái trầm tư thứ nhứt này dưới dấu hiệu của Maitreya, không phải bởi tôi tin rằng Ngài sẽ đến bằng xương thịt, mà bởi tôi tán thưởng cái tượng trưng sự sửa lại.

..

Với sự tấn triển của Khoa học và nhứt là của chủ nghĩa Marx, một tôn

giáo nào, ở phương Đông hay ở phương Tây, mà muốn tồn tại, tất phải sửa lại giáo điều của mình. Đối với Phật pháp, sự sửa lại này gọi là chỉnh lại cái pháp. Và đạo Phật rất khoan dung đối với những sự chỉnh pháp như vậy. Năm trăm năm sau khi phát sanh, đạo Phật đã thay lột một lần, do sự đụng chạm với cái học phái Bà-la-môn, mà phát triển phần hình nhi thượng, mà sáng tạo lầm tượng trưng đến đối hóa ra hữu thần : ấy là buổi đầu của Phật giáo đại thặng. Cuối thế kỷ thứ mười ba, dưới sự dò hỏ của dân Mông-Cổ, khắp nước Tàu tràn lan một chi phái mới, dưới tên là Bạch-liên-giáo, truyền rằng Di-Lặc giáng trần, để tổ chức tín đồ vào một giáo phái nửa tôn giáo, nửa chánh trị ; Bạch liên giáo này đã chủ động bao nhiêu cuộc khởi nghĩa làm rung động nước Tàu suốt mấy trăm năm, đến cuối thế kỷ mười tám mới dứt, mà dư ba hầy còn kéo dài đến cuộc chiến tranh Quyền-phỉ. Nay, năm trăm triệu tín đồ của Phật ở Trung - Hoa lại lọt dưới sự chi phối của chủ nghĩa Cộng-sản ; nếu không có một sự vươn mình thay lột nào để tồn tại thì chỉ còn thời gian một vài thế hệ thôi, đạo Phật sẽ rời bỏ xứ này. Còn lại gần trăm triệu người ở Nhật, gần trăm triệu ở Đông-Nam-Á và các nơi, thì ở đây, ngoài sự không an ninh về chánh trị, đạo Phật bị các tôn giáo khác và Khoa học tấn công. Trong viễn đồ này, mấy năm chót của thế kỷ hai mươi hình như là những năm chót của đạo Phật trong thế giới. Muốn tồn tại, ở Tàu cũng như ở ngoài nước Tàu, đạo Phật cần phải chỉnh lại pháp mình.

Mà đạo Phật, cũng như các tôn-

giáo khác, cần phải tồn tại chăng ? Nói một cách khác, sự tiến bộ của loài người, về Triết-học, về Khoa-học và về Chánh-trị, đã đủ chưa để xây dựng một cái xã hội không cần đến Tôn-giáo và Luân-lí ? Trả lời rằng đã đủ, ấy là một sự quá vội vã. Chánh trị chưa tìm tổ-chức được một xã hội trong ấy chỉ cần luật pháp và quân đội để cai trị, mà chẳng nhờ đến Luân lí và Tôn giáo để đức hóa đa số nhân dân. Khoa học chỉ khảo cứu được một phần các hiện tượng của vạn vật mà còn lưu lại vô số vấn đề đương đòi hỏi câu trả lời mà Triết học và Khoa học chưa tìm được. Và lí lẽ quyết định hơn hết là con người của thế kỷ hai mươi này vẫn còn những bản tính thô sơ, còn bị bản năng kích thích mạnh, còn bị nhiệt tình đốt nóng, thì còn cần có một cái văn minh mới để rèn luyện, uốn nắn, hun đúc cho ngày càng cao quý, đẹp đẽ hơn, trong ít lắm là năm ba trăm năm. Tôi muốn nói đến cái văn minh tu sĩ. Thì đạo Phật cũng như các tôn - giáo khác, cần phải hòa mình vào cái văn minh tu sĩ ấy, cho loài người dùng, chẳng khác nào những cái phao cho người tập lội ôm trong buổi đầu vậy.

Tuy các tôn giáo thấy cần tồn tại để hòa mình vào cái văn minh tu sĩ ấy, song không phải cái nào cũng dễ trường tồn. Xét về bản chất của nó, đạo Phật có nhiều nội lực giúp nó vượt thời gian dài hơn hết, thế mà nó bị những yếu tố ngoại quan của lịch sử làm cho nó bị đe dọa nhiều hơn cả. Bị nguy cơ kể đó là Ấn-giáo, bởi đạo này không chịu đựng nổi một cuộc cách mạng chính

trị mà động cơ chánh là thuyết bình đẳng. Kể đến là Hồi-giáo ở Trung-Đông và Bắc-Phi. Trong viễn đồ Đông-Tây cộng tồn, thì Ki-Tô-giáo được sự an ninh chánh trị, bảo đảm cho vững vàng hơn hết. Song sự cộng tồn này kéo dài bao lâu? Hay là rồi đây nhân loại phải dẫn vào một cuộc chiến tranh thế giới thứ ba? Mỗi lần có chiến tranh thế giới, là có những thay đổi vĩ đại. Trông gương chiến tranh thế giới thứ nhất: nó sanh đẻ ra cách mạng Nga làm cho gần một trăm năm mươi triệu tín đồ của Ki-Tô giáo chánh thống lọt vào lưới của Cộng sản. Trông gương chiến tranh thế giới thứ hai: nó làm cho cả Trung-Âu bị Hồng quân chiếm và nó sanh đẻ ra cách mạng Tàu làm cho năm trăm triệu tín đồ Phật giáo lọt vào lưới của chủ nghĩa Marx. Rồi ta thử nhìn cái cứu cánh của một cuộc chiến tranh thế giới thứ ba với khí giới nguyên tử và khinh khí, với khí giới hóa học và vi trùng, và nhất là với khí giới lợi hại hơn tất cả là Lí tưởng. Chiến tranh thế giới thứ ba, hơn cả thứ nhất và thứ hai, sẽ làm trút đổ, bao nhiêu đế quốc khổng lồ, làm tan nát lắm kiến trúc chánh trị cũng như tôn giáo, làm cho nhân loại trở lùi trên con đường lịch sử năm ba trăm năm là ít. Nó sẽ là cái mạt pháp cho tất cả, chứ không phải riêng cho đạo Phật. Ở xứ thắng cũng như ở xứ bại, nối tiếp cho sự tàn phá và sợ hãi, là luồng gió bị quan; sau đó mới đến sự mong mỏi thuận lợi cho một tôn giáo bao trùm cả loài người.

Qua những đợt hải hùng ấy, trong bốn cái tôn giáo lớn cũ, cái nào có thể thay lột mấy lần, như con tằm từ

trứng sang sâu, hóa nhộng để thành bướm bay đi được? Tôi không biết trong Ấn-giáo, trong Hồi-giáo, trong Ki-Tô giáo có những lo âu như thế chẳng? Riêng Phật-giáo, với sự bá chiếm Cộng-sản của nước Tàu và sự không an ninh ở Đông-Nam-Á, thì vấn đề đã đặt ra hơn mười mấy năm nay rồi và đòi hỏi những giải quyết cấp bách. Thế mà tôi chưa nghe được một tiếng vang nào cả về một cái ước muốn chỉnh lại Phật pháp: năm 1959, tạp chí *France-Asie*, trong số đặc biệt về sự hiện diện của đạo Phật, mặc dầu có rất nhiều bài của các vị bác học và cao tăng, không có nói phớt qua đến vấn đề trọng đại này.

Tôi không phải là một nhà bác học hay một bậc cao tăng. Nhưng, đứng trước sự bức bách này mà chẳng ai thoát lời nào và bị cái nghiệp tiên thiên nói trên kia thúc đẩy, âu là tôi lên tiếng vậy.

Điều mà cần chỉnh lại hơn hết trong đạo Phật, là xu hướng xuất thế. Trong Phật giáo tiểu thừa cũng như trong Phật giáo đại thừa, cái xu hướng này là của chung và Thích-Ca Mâu-Ni dạy người giải thoát cá nhân vào Niết-bàn, khi còn sống cũng như sau khi tịch diệt. Có lẽ hồi thời của Phật, kinh tế còn là tự nhiên, con người ít bị dồn đau mỗi ngày vì sự bóc lột, chánh trị còn là đơn sơ, thần dân ít bị khổ sở vì sự thiếu tổ chức xã hội; nên chỉ nhìn nhận cái khổ, người thấy rõ chỉ có sanh, bệnh, lão, tử, không ưa mà hợp, ưa mà phải xa lìa, muốn mà không được, mất cái vinh lạc. Cái khổ này là cái khổ cá nhân, thì sự tìm giải thoát

bằng phương pháp cá nhân là một việc giải thích được. Nhưng loài người càng tiến triển, liên hệ xã hội càng phức hóa thì một cái khổ khác trỗi lên, cái khổ tập thể bởi sự tổ chức xã hội không thay đổi kịp để mãi thích ứng cho sự tiến triển này. Cái khổ tập thể này xảy ra thường xuyên, mà thỉnh thoảng dồn thành cơn ngạt nghèo là chiến tranh : là chiến tranh nội loạn và chiến tranh dân tộc, lần lần gom lại thành chiến tranh lí tưởng và chiến tranh thế giới. Đối với cái khổ mới và lớn này, nếu không có một lối diệt khổ thích đáng, thì quần chúng quên hẳn lối xuất thế cũ của đạo Phật, hay của bất cứ tôn giáo nào khác, mà nghe theo những khẩu hiệu tuyên truyền của các đảng phái chánh trị. Mà những người tu sĩ cũng không thể yên lòng được để nhập định.

Đối với một tối thiểu số, có thể duy trì cái xu hướng xuất thế để an lòng họ trong khi họ bị vi trùng của bịnh hình nhi thượng đục khoét. Nhưng đối với tối đại đa số, cái pháp mới phải có một xu hướng xử thế. Làm thế nào mà tránh những sự bóc lột, áp bức, đập tắt cái ngòi lửa chiến tranh và cách mạng ? Nói một cách khác, Tôn giáo phải đồng nhất với Chánh trị. Sự đồng nhất này không thể quan niệm bằng cách lập những đảng chánh trị để bênh vực cho những giáo điều sẵn có — cái mà ta thường thấy sau trận chiến tranh thế giới thứ hai — mà phải hiểu rằng đây là một sự cố gắng làm cho quần chúng đến một sự giải thoát đích thực, miễn cho loài người làm chánh trị cái trạng thái con tằm nhả tơ tự dệt cái ổ để nhốt

mình vào. Chính cái xu hướng xuất thế xưa kia làm cho người ta lầm tưởng rằng đạo Phật dạy tín đồ nhẫn nhịn, rồi cho rằng « tôn giáo là thuốc phiện của dân ». Maitreya của thời này phải đánh tan cái lầm ấy và đáp lại lời đòi hỏi của tín đồ Bạch-liên giáo suốt năm trăm năm, của tín đồ Bửu-Sơn Kỳ-Hương gần hai trăm năm, là :

lập Thiên đàng trên cõi thế

..

Đồng nhất với Chánh trị để xử thế, không phải là Tôn giáo chạy theo Chánh trị để a dua theo kẻ có quyền thế và để ban phép lành cho họ. Kẻ làm chánh trị, hơn hẳn người thường, là những kẻ bản năng mạnh, nhiệt tình nồng, hay thiên về cực đoan, hay ngã về bạo lực. Để tránh những việc như đầy hàng mấy chục triệu người vào trại giam, như giết chóc tất cả ai đối lập, như đốt ngòi chiến tranh thế giới để củng cố địa vị cá nhân của mình, thì không nên để cho sự ngẫu nhiên của tranh đấu đưa kẻ lãnh đạo lên dẫn đầu, mà phải tuyển trạch kẻ ấy trong hàng những người sáng suốt, bác ái và hiền lành hơn cả. Nếu không có cả một cái văn minh mới để rèn luyện, uốn nắn, hun đúc con người theo cái mẫu này, để rồi tuyển trạch những phần tử ưu tú hơn hết trong đó đặt đưa lên người làm lãnh đạo, thì cái văn minh đang thịnh hành ngày nay, cái văn minh chánh ủy, chỉ cung cấp cho ta những người cầm đầu bạo ngược và man trá.

Đồng nhất với Chánh trị, cái Tôn giáo đời mới này mở màn cho cái văn minh mới ấy, gọi là *văn minh tu-sĩ*.

Từ ngàn xưa, hễ bắt đầu có tôn giáo thì đã có người tu hành. Có lắm lúc, kẻ tu hành này lại nắm luôn quyền chánh trị. Nhưng, những hình thức đó chưa lập nên được cái văn minh tu sĩ. Nay là lúc phải nâng sự tu hành này lên bậc văn minh để nó diu dắt loài người từ trạng thái li tán từng dân tộc, từng giai cấp, đến cái thế giới đại đồng, điều mà Chánh trị chỉ thấy thực hiện được bằng máu lửa của chiến tranh và cách mạng. Nếu mà cái văn minh tu sĩ này sớm xuất hiện được, họa may sẽ miễn cho nhân loại cuộc đại chiến thế giới thứ ba. Rồi mà chiến tranh thứ ba nổ trước rồi, thì quả địa cầu sẽ đầy dẫy tàn phá, tang tóc và căm hờn. Dầu ai là chủ tể của mai sau, kẻ thống nhất địa cầu bằng máu lửa sẽ chẳng hơn gì các Césars xưa lập đế quốc La-Mã lên để dọn chỗ cho Ki-Tô giáo cũ : một văn minh tu sĩ sẽ rất cần để hàn vá những vết thương và dập tắt các căm hờn, để xây đắp sự thống nhất loài người trên nền tảng vững chắc và vĩnh cửu hơn là quân đội và cảnh sát.

Từ mấy năm nay, nhiều nhà cách mạng cũ rời bỏ hàng ngũ chủ nghĩa Marx vì cái chánh trị của đảng này thiếu một cơ sở luân lý. Khrouchev, khi chỉ trích cái chánh trị của Staline, cũng đưa những lý lẽ thuộc nhưn luân. Kinh nghiệm của gần năm mươi năm cách mạng Nga chứng cho ta thấy rằng chính trị mà buông lung thì chẳng khác nào ngựa mạnh mà không cương thêm bứt mắt, nó có thể đưa vào hố thẳm. Mà nếu không có một văn minh tu sĩ đặt những lực tuyến (lignes de force) cho kẻ làm chánh trị hướng theo, thì họ

biết nghe vào đâu khác hơn là tiếng gọi của bản năng ?

Kẻ chiến sĩ, người lãnh đạo đã cần có luân lý thì đám quần chúng lại cần đến Tôn giáo để biết đâu là nên, đâu là không hầu xử sự. Những tôn giáo có giáo điều phản Khoa học là những cái lần lần bị Khoa học gạt bỏ. Nhưng những thị kiến của đạo Phật không trái với Khoa học, thì đạo Phật có nội lực để trường tồn. Những học thuyết dựa vào sự « Chúa sáng tạo » đụng chạm hẳn với thuyết duy vật vô thần, thì một bên thắng một bên tiêu đã đành. Mà thuyết vô thường vô ngã của đạo Phật có thể dung hòa với biện chứng pháp được.

Đồng nhứt với chánh trị, vươn mình lên thành một cái văn minh mới, mà mỗi năm thêm lại bị một phát minh mới của Khoa học kích bác, thì là một việc không thể dung thứ được. Đạo Phật xuất hiện trước khi Khoa học phát sanh, nên thay vì một sự hiểu biết chánh xác bằng vào thực nghiệm, chỉ có những thị kiến về vũ trụ, về vật lý, về sinh vật, về tâm lý. Đã đành rằng lắm thị kiến này thật là thiên tài và đến thế kỷ mười chín và hai mươi, sự hiểu biết của thời này nhận rằng Phật và các vị Bồ tát đã thấy đúng. Nhưng không nên lấy đó mà bảo rằng giáo điều của Phật là hơn tất cả. Cái tương quan giữa Phật giáo và Khoa học, cả hai đều căn cứ vào lý trí, không nên xây dựng trên sự dùng Khoa học mà chứng minh Tôn giáo hoặc sự dùng Tôn giáo mà thay thế cho Khoa học.

Đạo Phật, và chỗ này nó khác hơn các tôn giáo khác, là một sự tu luyện, theo nghĩa tâm nguyên của danh từ này:

tu là làm cho càng tốt đẹp thêm mãi, *luyện* là làm cho tinh ròng thêm mãi. Phật tử tu luyện để làm cho lí trí càng thêm thuần thực hơn hầu đến cái giác. Nếu sự tu luyện ấy dùng để dự bị vấn đề, chuẩn bị các điều kiện, vạch lối trước bằng trực giác hay thị kiến cho các sự giải đáp các vấn đề này, thì Tôn giáo sẽ là hướng đạo cho đại đội quân của Khoa học. Chứng ấy Niết bàn sẽ không còn là một cái chứa không có gì đựng ở trong và chỗ nhằm của các vị Bồ-tát, « *tự giác nhi giác tha* », mới đạt được. Trong hai mươi lăm thế kỉ đã qua, những thị kiến của đạo Phật đã làm khởi hứng cho văn chương và nghệ thuật của nhiều dân tộc ở Á-Châu. Nay, nếu làm khởi hứng được cho Khoa học, những thị kiến của cái văn minh tu-sĩ mới này sẽ làm cho văn minh này tràn lan khắp địa cầu, trở nên một cái chung của nhân loại.

Phần nào của những thị kiến này chứng minh bằng Khoa học được thì tài bồi cho miếng đất Khoa học rộng lớn và phì nhiêu thêm, phần nào chưa thực nghiệm được thì dùng trực giác để thẩm xét và phê phán. Như vậy, cái thị kiến mới này sẽ làm chắt phân nuôi sống các loại cây triết học cho cành lá sum sê, hoa quả vinh mậu. Chứng ấy, cái gạch nối liền *Tôn-giáo* — *Triết-học* — *Khoa-học* — *Chánh-trị* sẽ thành được.

..

Nhưng chứng ấy, Tôn giáo đó không còn là đạo Phật cũ xưa nữa. Sau mấy lần thay lột đổi hình, nó không còn giữ những nét dáng mà người ta thường thấy. Vậy, dưới cái sắc mới,

ta hãy cho một cái danh mới và gọi là **Minh đạo**. Nhìn trong minh đạo, ta thấy có *từ bi* và *bác ái*, có *công bình* và *thương người*, có *bình đẳng* và *tự do*, . . . tóm một lời là tất cả các cao vọng của các tôn giáo, kể cả xã hội chủ nghĩa hiện kim. Thế thì tuy bắt nguồn nơi đạo Phật, *Minh đạo* phải tổng hợp tất cả các nền tảng luân lí của tất cả các tôn giáo, để xây đắp các cơ sở chung cho việc xử thế : *đạo đức*.

Có nền tảng đạo đức vững chắc rồi, thì chính trị mới hoàn về cái nghĩa tầm nguyên của nó là dẹp cái loạn để đến cái sửa trị, sửa đường vậy để đi theo đường chánh, một con đường rộng thênh thang lại được trí tuệ soi sáng tỏ, chớ không phải lối mê li eo hẹp và trong mờ tối như từ xưa đến nay. Có cái chánh trị như thế mới tránh được họa dân tộc và giai cấp tương tranh, lập được cảnh thanh bình cho loài người. Như vậy, sẽ không còn là cái chánh trị cũ xưa, theo lối của Thương-Ưởng ở phương Đông và Machiavel ở phương Tây, bởi vì, một khi đã được cảnh thanh bình, thì cầm quyền xử thế không còn là những người đầy dục vọng mà là những bậc hiền triết, vậy đâu còn cần những thuật man trá và bạo ngược như bây giờ.

Khoa học và Triết học sẽ hun đúc theo một tinh thần mới, *Minh đạo* cũng sẽ khởi hứng cho nghệ thuật và văn chương. Cái thế này sẽ nhờ nó mà có một gia tốc lớn và tiến tới một vận tốc chưa từng thấy. Đó là cuộc cách mạng đích thực và bền vững hơn hết. Nó đã đến không nhờ những trút đổ ầm ỉ và phá hoại khổng lồ. Nó đã đến

trong đôi giày nhưng, không ai nghe mà ngờ, chỉ có kẻ sáng suốt mới trông thấy được.

..

Như thế, người sáng ra cái *Minh đạo* — là Maitreya giáng trần như đạo Bửu-Sơn Kỳ-Hương tin — là người cách mạng vĩ đại hơn hết, chớ chẳng phải chỉ là Phật cao hơn hết như lời của Thích-Ca Mâu-Ni đã nói ba lần dưới cây Long-hoa. Mẹ tôi, một đàn bà nông dân quê mùa, đã nghe tới việc ấy, khi mang tôi trong bụng và đem chuyện ấy mà thuật lại, chung lộn với những cổ tích đầy thần tiên, cho tôi nghe khi tôi còn nhỏ xíu. Cha tôi, khi

gần lâm chung, nhắc lại tôi nhớ, dường như là một lời di chúc. Thế mà, mấy chục năm nay, tôi không hiểu, chẳng khác nào thấy cây mà chẳng thấy rừng.

Nay hiểu được, thì thân đã bị giam vào giữa bốn bức tường, với một cái án không thấy thoát ra được. Làm sao mà đeo đuổi được cái nghiệp tiên thiên này ? Âu là ước mong sao cho những trăm tư này động được lòng ai đương khổ vì cái khổ lớn của thế kỉ hai mươi vậy.

HỒ-HỮU-TƯỜNG

Kì tới: Trăm tư thứ hai : VỀ VŨ TRỤ

● Muốn bắt tử, là muốn muôn đời còn lưu mãi một lời lầm to lớn.
Schopenhauer

● Không biết cái dốt của mình là bệnh của người dốt vậy.
A. B. Alcott

● Ảo ảnh đối với lòng người như dưỡng khí đối với bộ hô hấp.
Des Ombriaux

NHÀ XUẤT BẢN

HUỆ-MINH

27, Phan-Văn-Trí — Sài Gòn

SẮP PHÁT HÀNH

● PHI LẠC SANG TÀU

(in lần thứ ba, những đoạn bị kiểm duyệt trong 2 kì trước nay đều có đủ).
giá : 60\$00

ĐANG IN

● KẾ THỂ

● MUỐN HIỂU CHÁNH TRỊ (in lần thứ ba)

Tình-ca

Tôi hát cho em nghe bài tình ca chưa em ?

Đời làm trường giang bọt sóng bập bênh
Nỗi buồn hoang vu vằng như cỏ mọc
Con tàu nửa khuya bắt đầu trở dốc
Tôi hát cho em nghe bài tình ca chưa em ?

Khuôn mặt cô đơn trở thành tượng đá
Mây trời nào xanh mướt tóc hoa niên
Soi mắt nhìn nhau loài người xa lạ
Chút lửa linh hồn hiu hắt trong đêm
Ôi bài tình ca tôi hát chưa em ?

Đời làm rừng hoang, em ơi, đời làm rừng hoang
Loài người nhìn nhau thấy mình đã thú
Bầy trăn cuồng điên bám máu địa cầu
Mê say đi vào giấc ngủ
Vầng trán khô từng vũng sâu



Tôi hát cho em nghe bài tình ca chưa em ?
Con chim quê hương tha từng cọng rác
Mùa xuân quê hương nắng gió nghèo nàn
Bánh xe tương lai ngập ngừng đất cát
Vết đạn soi từng giọt máu thời gian

Ngày mai mùa xuân cây rừng sẽ mọc
Ngày mai mùa xuân trái chín theo cành
Ôi bài tình ca nào xanh tuổi ngọc
Cho bằng bài ca niềm tin long lanh !

Dòng sông thương yêu dâng về biển cả
Lời ru khói sương cũng ấm tim người
Tôi xin làm con sâu non nằm trên vông lá
Đo từng vông nắng reo vui

Và bài tình ca tôi hát, em ơi !

THANH THUYỀN

ĐOÀN THÊM

Những mảnh lạc đồng đương vỡ
trôi phí bên lề năm tháng
trong buổi chiều vang bước mùa
khi các thiên-đường trót kém thiêng

Lúa, thép, vườn rau, trang giấy, sỏi và hoa
vẫn chờ giao nếp sống
Thiếu gì đâu những bàn tay chưa lấm
từ bốn trăm đời sông nợ nước
Chỉ cần đôi mắt chịu nhìn xa
với chút tình thương không giục trả

Nhựa khỏe đem nuôi ngày bỏ rỗng
Ánh lửa sao khuya đốt uồng vàng
Trí lành ham đuổi bóng
Ngọn trào dâng
không biết gửi lên ai

Không có chi thừa không dề mất
Chống lại điều tàn nhạt lá rơi
Mỗi làn gió nâng cao từng hạt bụi
Góp nghèo đội đá
Rủ nhau đi vá các chân trời

Hiệp - khách quay gương về xẻ núi
Lãng - tử rong đèn xem sách quý
Lão - ông lui gót nhường nắng mai
Nghệ - sĩ nghe đêm

tìm đề nói
ba tí nổi buồn trên trái đất
Chọn phương lửa gió mở tương - lai

Cởi ra thôi
buộc mãi từ khi xanh sử trúc
Cho đến cho qua
đừng cản nữa
Biết ai làm cứu - cánh
Hãy để mây bay khắp mọi thời

Rồi sẽ sang bờ cây dăm mọc
Ngói đỏ che lều thay mái gianh
Gà gáy thôn tre mừng giãc ấm
Tuổi thơm đôi chín ngọt tuần trăng
Tám triệu thơ ngây cùng bự sữa
Nhịp thở đầy ca
tươi khóm măng

THỦY TRIỀU III

Đ.T.

Ngàn năm Lê-Văn-Trương

Hỡi ôi ! Sự nghiệp

Lê - văn - Trương

Hỡi ôi ! tình tiết

Lê - văn - Trương

Cuộc sống này đây quả đoạn trường

Chỉ một con đường

Mấy chục năm, anh đi không hề biết mỏi

Chỉ một con đường

Mấy chục năm lời anh không hề giận dỗi

Vào cuộc sống bước chân anh lẫm lũi

Vung mực lòng tươi khắp đôi bờ hoa

Cho hồn văn rực sáng cả sơn hà

Đề đôi khi không một đồng dính túi

Mà bàn tay anh không hề nói

Chỉ nụ cười là mang mang

Đôi mắt tinh tõe / ứa ngang tàng

Dem sinh lực dồn tiếp nguồn thể hệ

Mấy chục năm thân phận anh nào hề có kẻ

Vui cùng thi văn và sống thác với từ chương

Cam phận lẽ an bài Định Mệnh

Ngót ba trăm cuốn truyện đủ sáng tỏ cái thiên lương

Rồi một bầy mèo, dèo thêm dăm ba con chó

Với anh buổi văn niên thủy chung đó là những bạn đường

Tình đời dẫu bề đó

Ôi Lê văn Trương !

Ai ngờ anh đã trọn một con đường

Đường sự nghiệp anh đi vào vĩnh viễn

NHƯNG TRƯỚC ĐÓ ANH PHẢI NẪM BỆNH VIỆN

CHÚT CẢM TÌNH KHỔ ĐÉT MỘNG VĂN CHƯƠNG,

Bút anh vạch nét vô thường

Thân anh cần cỗi, tình thương anh già

Coi đời như cuộc gấm hoa

Gạn dòng tâm huyết cùng hòa sắc hương

Hỡi ôi ! Sự nghiệp

Lê văn Trương

Anh đi nay đã trọn con đường.

TRIỀU-ĐẦU — BUI-ĐÌNH — THÁI-VĂN

nhạc Việt ở xứ người

Bạn,

...Kể ra chuyến đi trình bày nhạc Việt của anh Trần và tôi lần này tại Bruxelles không vất vả bằng mấy chuyến đi trước ở các nước khác, nhờ thời gian chúng tôi phải ở lại chỉ có 3 ngày và đường đi từ Ba-Lê qua Bỉ không xa xôi hiểm trở. Tuy vậy chúng tôi thấy khổ sở nhiều vì sức khỏe của anh Trần và tôi đều kiệt quệ.

Anh Trần lúc đi dự hội nghị tại Jérusalem (1) đáng lý phải ở lại đây cho đến ngày hội nghị bế mạc thì anh lại phải đáp phi cơ về Ba-lê ngay theo lệnh Bác-sĩ đề mổ gấp bệnh lao ruột đang hành anh lần này là lần thứ 5 trong vòng 10 năm ở Pháp.

Trải qua bao nhiêu kinh khủng vết mổ chỉ mới vừa lành được vài tuần, bác-sĩ bảo anh phải nằm tại dưỡng đường Bouffémont ít nhất là 10 tháng nữa mới được « thả » mà ngày 25-10 đến 28-10 anh Trần và tôi lại phải có mặt tại Bruxelles để trình bày nhạc Việt theo hợp đồng chúng tôi đã ký với đài vô tuyến điện Bỉ và hội « Institut des Hautes Études de Bruxelles » hội năm ngoái. Mỗi năm hội này mời những giáo sư chuyên môn người ngoại quốc, hoặc giáo sư bản xứ đi nghiên cứu về các vấn đề ở các nước khác đến đây diễn thuyết cho những người, thích tìm hiểu về sự tiến triển trong mọi lãnh vực trên thế giới.

Chúng tôi có thể hủy hợp đồng này nếu anh Trần đau nặng nhưng thời kỳ nguy hiểm bệnh anh đã tạm qua, hiện giờ anh chỉ

phải tỉnh dưỡng trường kỳ mà thôi. Và lại chúng tôi không muốn phụ lòng chờ đợi của ban tổ chức Bruxelles, nhất là quảng cáo về buổi thuyết trình này đã đăng từ mấy tháng trước khi anh Trần bệnh. Đáng khác, theo nguyên tắc trị bệnh của Bác sĩ thì : Tinh thần cũng là việc quan hệ không kém thuốc men. Ở « Sana » như bị giam giữ dài hạn, anh Trần lại cứ bần khoản về « những » hợp đồng thì cũng có hại cho sức khoẻ anh nên ông xem kỹ lại bệnh anh, về hình thức và tâm lý ông cho phép anh Trần rời dưỡng đường trong 3 ngày đi « ngao du », cũng như cho anh một liều thuốc về tinh thần vậy.

Thế là chúng tôi mãn nguyện về buổi thuyết trình ở Bruxelles nhưng anh Trần phải viết thư hủy bỏ gấp hợp đồng chúng tôi đã ký với « L'Université Amsterdam » và « Société pour les Études Asiatiques » ở Hòa-Lan, (theo hợp đồng này chúng tôi phải lên đường đi Hòa-Lan ngay sau buổi trình diễn ở Bruxelles để trình diễn tại Amsterdam, La Haye và Leyde).

Vì lý do sức khoẻ của chúng tôi mà hội « Société pour les Études Asiatiques » phải nhận hủy hợp đồng và họ cũng mừng rằng : như vậy họ sẽ có nhiều thì giờ để tổ chức hoàn bị hơn cho chúng tôi nhiều buổi thuyết trình về nhạc Việt vào năm tới ở Hòa-Lan.

Hoàn cảnh anh Trần như thế mà tôi cũng chẳng hơn chi anh. Sau gần một tháng nằm liệt trên giường bệnh vì nhịp tim và áp huyết lên quá cao mà lúc gần đi bệnh tôi chỉ vừa mới bớt. Sau khi sắp đặt việc nhà và hành lý tôi còn phải đem theo 7 thứ thuốc uống, trong đó có gần hai trăm viên thuốc độc trị bệnh của anh Trần. Anh đã phải xin giấy chứng nhận của bác-sĩ về số thuốc này, e rằng sở thương chánh bảo chúng tôi buôn thuốc lậu thì khốn.

Trước hai ngày chúng tôi đi Bỉ, nhân viên nhiều đường xe lửa tốc hành Pháp đình công, chúng tôi đã một phen lên ruột, nhưng rất may, sáng ngày 25 tháng 10 chúng tôi lên đường thì chiều 24-10 cuộc đình công chấm dứt.

25-10-64 — Chiều nay trong cái vỏ hồng hào của chúng tôi, người Bỉ không khỏi nghĩ rằng họ tiếp hai người nghệ sĩ Việt-Nam yêu đời đầy sinh lực, chứ họ đâu có dè anh Trần vừa qua khỏi cửa tử, tôi vừa bước xuống khỏi giường bệnh. Anh Trần ra nhà thương với bao nhiêu dặn dò của Bác-sĩ, trên đường đi anh tin rằng rồi anh có bề nào thì còn có tôi... la cầu cứu...

Ra đến Gare du Nord đang đi anh Trần ngừng lại thở dốc.

Tôi thì như người chưa quen men rượu, nhịp tim, mạch máu chưa điều hòa, thỉnh thoảng những khung cảnh và nhà cửa trước mắt tôi lại xoay tròn đổi hướng.

Nhưng có lẽ con tằm đến thác vẫn còn vương tơ, chúng tôi tin tưởng với một niềm vui lên đường để trả... ơn đời.

Phong cảnh dài theo thiết lộ từ Pháp sang Bỉ không có gì lạ lùng và đẹp vượt bậc cả. Nhìn ra hai bên đường tựa như nước Pháp được kéo dài ra. Chúng tôi qua biên giới để đến giang sơn của hai vị công-chúa Y-Pha-Nho Fabiola và Ý-Đại-Lợi Paola. Với diện tích 30.500 cây số vuông tức là một phần mười diện tích nước Việt-Nam mà phải chứa một số dân hơn một phần ba dân số nước Việt tức là hơn 9 triệu dân, và như vậy dân số nước Bỉ thuộc hàng thứ 5 trên thế giới về sự đông đúc với tỷ số 302 người trong một cây số vuông. Miền Nam và miền Bắc nước Bỉ chẳng những khác nhau từ ngôn ngữ, tinh thần tín ngưỡng, kỹ thuật về nông nghiệp, truyền thống về kỹ nghệ mà cả về tập quán chánh trị nữa.

Vào khoảng gần 12 giờ trưa, xe vào thành phố Bruxelles và tôi có cảm giác đây là một thành phố lớn của nước Pháp. Từ nhà ga, cách chừng dozen trong các cửa hàng to, diện mạo, y phục cho đến tiếng nói của người Bỉ đều giống hệt như bên Pháp. Dân vùng này ít dùng tiếng Flamande và Pháp ngữ được thông dụng nhất ở Bỉ. Người phu đẩy xe hành lý ra bến taxi trước vì chúng tôi bận đòi một ít tiền Pháp ra tiền Bỉ tại nhà ga. Phu chuyển hành lý bằng xe tay ở Âu-châu, trong các nước tôi có đi qua, mỗi nơi họ đều mặc sắc phục riêng, màu và kiểu giống nhau và trên tay áo có gắn số hiệu của họ. Khi họ chở hành lý thì họ đưa lại cho mình một tấm giấy cứng trên đó có ghi số hiệu họ mang trên tay áo và giá tiền chở hành lý. Mình cứ yên tâm đi lo công việc rồi khi ra cửa ga họ đã đứng đợi mình ở đấy và cũng đã kêu sẵn taxi cho mình, rất tiện lợi và khỏi sợ mất đồ. Xe hãng taxi này toàn màu vàng và tài xế mặc y phục, đội kết màu xanh da trời có chạy chỉ vàng. Ông tài xế đưa chúng tôi tuy tóc đã bạc trắng mà còn mạnh mẽ và nhanh nhẹn lắm. Ông cũng như mọi người Bỉ, nói tiếng Pháp thoả thoả với một giọng cứng cứng khó nghe. Ông ta nói không ngừng, cho xe chạy thật mau, tay múa liên miên và miệng cười ha hả như một thanh niên đang độ yêu đời.

Khi xe chạy ngang công trường, thấy mấy ông lính cảnh-sát đưa hai tay chào, tôi tưởng đâu như ông chào chúng tôi,

sau mới rõ là các ông đó chào ông tài xế tắc-xi. Ông này cười đắc chí bảo rằng : Ở Bruxelles, đây ai cũng bảo tôi giống thủ-tướng Churchill nước Anh như hệt cho nên họ chào tôi bằng chữ V tức là « Victoire ». Bạn có nhớ không ? Thủ tướng Churchill trong cuộc chiến tranh chống Đức, đi đâu ông cũng chào như thế có nghĩa là ông quyết lòng đánh Đức cho đến khi thắng trận. Việc mình thấy ngay trước nhất là trong thành phố không có « métro » ; đường rầy xe điện uốn mình bò ngang dọc khắp các đại lộ và trên không dây điện bện vào nhau chằng chịt như lưới nhện. Xe điện chỉ có một toa ngấn chạy nhiều nhất là hai toa mà thôi. Sự giao thông khá nhanh chóng, những toa xe điện cứ từng chập xẹt qua xẹt lại đều đều chở hành khách ; không quen tránh xe này ở Balê tôi thấy bức mình nhất là mỗi khi dừng bước chờ xe đi qua thì bao nhiêu cặp mắt tò mò đều chòng chọc vào con người và y phục Á-Đông của tôi. Thiên hạ đứng làm đuôi đợi xe vào theo hai bên đường phố, nhưng số xe hơi thưa thớt, dân cư không quá đông đảo rần rộ, không khí thủ-độ Bỉ yên tĩnh hơn ở Balê nhiều.

Nhà trọ « Luxor » của bạn tổ chức thuê cho chúng tôi ở số 30 đường đại tướng De Gaulle ; khi ông tài xế cho xe vào đường này tôi nhận thấy nhà cửa đều không mang số một bên lẻ như 1, 3, 5, 7 hay một bên chẵn như 2, 4, 6, 8, mà lại mang số đặc biệt liên tục từ 1, 2, 3, 4, 5, 6 cho đến 30. Thoạt tiên tôi bảo ông tài xế đi lạc, nhưng sau mới biết mình là dân từ xa đến !

Tên Bruxelles (Brussel) có từ năm 956 trong thời kỳ đô hộ của nước Hòa-Lan (thuộc huyện de la Dyle dưới thời Pháp thuộc từ 1754 đến 1814). Hiện nay, kinh đô nước Bỉ như bạn biết là nơi trú ngụ của nhà vua. Thành phố nằm giữa đồng bằng Brabant cạnh sông Senne. Dưới mặt đất thành phố, từ bao đời, một dòng sông nhỏ rầm rì triền miên chảy thông qua từ Bắc chí Nam mà trên mặt đất trong thành phố người ta không gặp sông ngòi, chỉ thấy những hồ nho nhỏ rời rạc mang tên là Les Lacs d'Ixelles mà thôi.

Đi đâu tôi cũng có duyên với nước. Cửa phòng tôi trở ngay ra mặt hồ Ixelles giữa thành phố Bruxelles. Phòng thật to, đủ tiện nghi có cả « salon » tiếp khách, tất cả trang hoàng tráng lệ theo lối nhà phú hộ của tư nhân chứ không phải là khách sạn. Suốt đường Đại tướng De Gaulle toàn là biệt thự của tư nhân mà không có một cái tiệm buôn nào nên cảnh vật rất nên thơ và yên tĩnh. Phòng

tôi liền với phòng con gái chủ nhân, phòng anh Trần ở từng thứ ba liền phòng cha mẹ cô. Tôi có cảm giác mình là khách quý được biệt đãi, ra vào trò chuyện với gia đình chủ nhân và chính tay bà chủ ủi y phục còn ông chủ thì bung diêm tâm vào phòng tôi mỗi sáng.

Giữa hồ Ixelles, chơi với mấy hòn đảo tí hon nhân tạo. Nơi đây dưới bóng liễu rũ, cành lá sum sê, người ta cất tổ bồ câu, chim hải âu và vịt trời để phong cảnh thêm vẻ thơ mộng và sống động. Quanh hồ lá khô rợp đất nằm im lìm nghe gió thu nức nở cạnh những chiếc băng xanh trắng lạnh đang chờ du khách dừng chân. Nước hồ trong suốt soi bóng lá thu vàng. Những tia nắng yếu ớt từng chập lại xé mây xuống sưởi tóc cho hàng liễu bên hồ, vóc nhỏ thon thon.

Nhìn cảnh vật tôi cảm ơn đời đã ưu đãi tôi và vì thế mà ngay trong lúc ấy lòng tôi băng khuâng buồn trong cái yên ả dù là rất mong manh của mình.

Sắp đặt hành lý, dùng cơm trưa vội vàng vì sau đó chúng tôi phải đến nơi làm việc trình bày buổi thuyết trình cho đài vô tuyến điện Bruxelles.

Tay xách nhạc khí, vai mang máy ảnh và máy quay phim, chúng tôi thung thảng bách bộ vòng theo hồ Ixelles hề vừa có một đợt nắng loé lên là chúng tôi cấp tốc thu kỷ niệm vào máy ảnh. Trong tất cả các chuyến đi của chúng tôi, thì giờ dư rất ít lại đều thuộc về mùa Thu hay mùa Đông tức là những mùa mà tất cả học sinh và sinh viên các ngành đều phải mài miệt trong nhà trường và ngoài trời không dễ gì tìm ra một ánh nắng.

Kể ra ban tổ chức cũng chu đáo đối với khách viễn phương, độ mười lăm phút sau chúng tôi đã đến đài vô tuyến điện Bruxelles ở phía bên kia hồ ngang nhà trọ chúng tôi.

Đáng lý chúng tôi bắt đầu chương trình vào 2 giờ 30 cho đến 6 giờ chiều, thì chúng tôi lại khởi sự vào 3 giờ 20 và làm việc đến hơn 7 giờ tối mới xong. Nhân viên đài vô tuyến thú thật rằng đây là lần thứ nhất họ thấy nhạc khí Việt và làm việc với nghệ sĩ Việt-Nam. Họ định ninh khi chúng tôi đến, chúng tôi sẽ đàn hát như các nghệ-sĩ Âu-Châu nên họ đã đề sẵn trong phòng thu thanh cho chúng tôi hai cây dương cầm thật to (piano à queue). Đến khi thấy những nhạc khí tí tẹo, họ cuống quýt kêu nhau inh ỏi xúm lại đẩy hai cây dương cầm vào góc phòng rồi chạy đi kiếm một cái bàn để đàn tranh và đàn cò. Họ đề riêng cho tôi một cái máy vi âm, cái thứ

nhì nằm dài ngay hai cây đàn tranh và đàn cò, cái thứ ba có cần dài treo trước miệng anh Trần để cho anh hát đối đáp với tôi, và cái thứ tư ở một góc phòng cho anh Trần đọc bài thuyết trình lúc đứng. Họ đã thảo mồi hôi và mất nhiều thì giờ, về những thay đổi bất ngờ này khiến chúng tôi ái ngại và lo không làm xong buổi thuyết trình vào giờ nhất định.

Lúc chúng tôi trình bày, họ ngó nhau cười và ngần ngại trước lời lẽ và giọng hát mà cả đời họ mới nghe lần thứ nhất ! Những đến khi anh Trần và tôi thay phiên nhau đọc bài thuyết trình ra tiếng Pháp để giải nghĩa mỗi đoạn nói, hay mỗi bài hát thì họ thích chí gục gặt đầu chạy ra cảm ơn và khen rằng chúng tôi làm mau hơn ước đoán của họ nhiều ; bài thuyết trình sâu sắc, thi vị và nghiêm trang như thế mới đúng với ý muốn của họ ; vì thỉnh giả của buổi phát thanh này toàn là những học giả, nhạc học giả, nhạc sĩ và sinh viên học nhạc. Thật ra chúng tôi không được hài lòng lắm vì lần này chúng tôi trình bày không được trơn tru như mọi khi. Anh Trần trán ướt mồ hôi và khi hát đối đáp anh quên phụ họa nên tôi chỉ hát có một mình, hoặc khi tôi còn đang hát thì anh bỗng ngưng đàn tưởng rằng đã hết. Bệnh và thuốc làm cho anh mất bình tĩnh nhiều. Tôi cũng không hơn anh là mấy, đang hát ngon trớn, tim tôi bỗng nhói đau lên làm tôi quên mất cả lời hát, vì vậy chúng tôi phải thâu thanh lại nhiều lần. Chúng tôi lo rằng nếu ngày mai chúng tôi cũng quên như vậy thì nguy quá, vì trình bày trước khán giả chứ có phải được ở trong phòng thu thanh đâu mà được phép làm đi làm lại.

Còn độ 30 phút nữa sẽ có nhóm nghệ sĩ khác lại thu thanh tại phòng này, chúng tôi cố làm gấp rút cho xong thì có người đến trả tiền buổi làm việc này cho chúng tôi. Lúc ký tên nhận tiền tôi mới rõ rằng chỉ có tôi là được trả tiền còn phần anh Trần thì không có. Tôi bảo ông ấy rằng : Đáng lý người bị quên phải là tôi và người được trả tiền phải là anh Trần mới phải vì chính anh Trần ký tên nhận làm buổi thuyết trình này. Ông ấy tỏ vẻ bất lực rằng ông chỉ có bổn phận làm theo giấy tờ mà thôi ; trong sổ sách về buổi phát thanh này, chỉ có tên Mộng-Trung ở « Cachet » số 2 mà không có tên anh Trần đáng lý phải nằm trên « Cachet » số 1 ! Trong lúc tôi bất bình trách họ làm việc lười thôi, vì chúng tôi đâu có thì giờ ở lại Bruxelles đòi tiền họ thì anh Trần đang thao thao nỗ lực làm rút phần của anh trong đoạn cuối bài thuyết trình, dầu biết phận mình không ai đã động tới ! Bạn xem đã chán đời chưa ?

Ông kỹ-sư đài vô tuyến đưa chúng tôi xuống thang máy

và nhắc lại một lần nữa rằng sáng mai chúng tôi phải đến đòi tiền kéo chiều thứ bảy các công sở đóng cửa thì lại lỗi thời vì sáng sớm thứ hai chúng tôi sẽ phải lên đường về Balê.

Mới hơn 7 giờ chiều, trời đã tối đen. Gió lạnh buốt da mà chúng tôi không thể bước mau vì đã mệt như.

Chín giờ tối tôi đã đổ giấc bằng thuốc ngủ để lấy sức cho ngày mai. Anh Trần còn phải đàm luận với ông bà chủ nhân lúc anh cần một chai nước suối để uống thuốc. Anh phải dùng nước suối theo lệnh Bác-sĩ vì có lẽ tại anh nghiên cứu nhiều quá mà chẳng những đã có sạn trong đầu, mà còn bị chứng có sạn trong thận nữa !

Đêm vắng quá, nửa mảnh trăng thu vàng vọt âm đạm sau lớp sương mù làm cho người bệnh cảm thấy sức mình yếu thêm. Dầu có thuốc ngủ nhưng tôi không thể yên giấc vì quá mệt. Bên ngoài gió vút veo veo, những con chim vẹt không ngủ được thỉnh thoảng đập cánh trên lớp lá khô xột xoạt. Chúng không « kêu chiều » như các bà mẹ thường ru con mà lại « kêu đêm » cảm cạp vang vang suốt sáng, khiến người lữ khách nhớ nước nhớ quê lạ lùng, nhớ cả lòng mẹ ấm áp thuở còn thơ. Mặt trăng thu ở trời Âu thường bị nhận lút vào giữa lòng sương, không tỏa ra được một chút ánh sáng nào xuống trần gian, hiện giờ nó giống như nửa cái bánh sữa đặc vô duyên, chẳng gọi được một ý thơ mộng còn con nào.

(Còn tiếp một kỳ)

MỘNG-TRUNG

SÁCH THỜI MỚI

- THƯ NHÀ của Võ-Phiến (gần hết)
- TIỂU-THUYẾT HIỆN-ĐẠI của Tràng-Thiên
- 24 GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ
do Tràng-Thiên dịch (in lần thứ hai)
- GUỒNG MÁY của J.P. Sartre : do Trần-Phong Giao dịch (hết)
- THƠ TRẮNG của Đỗ-Tấn
- CÁI CHẾT CỦA I-VĂNG I-LÍCH của Tolstoi do Vũ-dình-Lưu dịch
- LÁ VẪN XANH của Võ-Hồng.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135. Đại-lộ NGUYỄN-HỮU
ex Charner)
Téléphones : 24.902 — Lignes
12.727 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 422

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F. A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main Bureau de Représentation, en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban B.N.C.I « A » ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba Bureau de Représentation BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta British and French Bank ; à Bâle Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama Panama Trust Co. Inc.

KẺ TÌNH NGUYỆN

CAI TỐN đẩy cửa phòng, bước đến trước bàn giấy ông giám đốc, đứng nghiêm như một anh lính trình diện thượng cấp :

— Thưa, ông giám đốc cho gọi em ?

Sau một cái gật đầu, ông giám đốc nói với giọng hơi bức bối.

— Hình như chú trông nom thợ không được kỹ . . .

Ông ngừng nói, miệng hơi hé, ngược mắt nhìn như chờ đợi giải thích của cai Tốn. Cai Tốn vẫn đứng nghiêm chỉnh. Mặt anh ta tròn, đen, bộ râu quai nón không hề rung động. Anh ta cố nuốt nước bọt thật nhanh, nhưng cái cổ mập và ngắn của cai Tốn chỉ hơi gợn lên rồi trở về cái thể nghiêm chỉnh ngay.

Ông giám đốc tiếp :

— Tôi cung chú, nhưng không

phải vì thế mà chú có thể bỏ đi chơi trong giờ làm việc, mặc cho bọn thợ muốn làm gì thì làm. Tôi quá dễ dãi nên chú đâm hỏng. Chú có biết mỗi khi có máy ngừng chạy thì tổn hao cho hãng bao nhiêu không. Cái máy nâng trục thép ở phòng số 8 lại mới bị kẹt đó, chắc vì tụi nó lơ đãng. Chú thử chạy xuống xem sao.

Ông cúi xuống chống hồ sơ. Cai Tốn lùi ra, nhanh như một con thỏ.

Năm phút sau, cai Tốn trở lại, nét mặt vẫn bình tĩnh, nghiêm trang, bộ quần áo hơi xô lệch, và trên trán Cai Tốn có lấm tẩm mồ hôi. Ông giám đốc bỏ chống hồ sơ xuống :

— Sao ?

— Thưa ông giám đốc, em đã bắt tai thằng trưởng phòng máy số 8 hai cái, ghi sổ trừ năm ngày

lượng của tên thợ chính và đuôi
thằng thợ phụ.

— Thế còn cái máy ?

— Dạ ?

— Ồ, tôi bảo chú xuống xem cái
máy kẹt ra làm sao cơ mà.

Ông giám đốc vừa đập tay xuống
bàn thì cai Tồn đã biến mất sau
cánh cửa, và trở lại ngay sau hai
phút vắng mặt.

— Thưa ông giám đốc, dây « cu-
roa » truyền từ căn trực chính
xuống bị kẹt, phải trèo lên gần
nóc xưởng mới gỡ được.

— Ừ, thế sao ?

Bây giờ cai Tồn mới chớp mắt
một cái, hơi lúng túng :

— Chỉ có cách thuê chuyên viên
như mọi lần, họ có thang

Ông giám đốc mỉm cười. Cái cười
chỉ làm nhếch lên một bên mép cho
kẻ đối diện cái cảm tưởng là họ
vừa phạm một tội nặng, không thể
tha thứ được. Cái cười ấy làm cho
đôi môi cai Tồn vội ngậm chặt lại,
cách đứng của anh ta nghiêm chỉnh
thêm. Ông giám đốc gật gù :

— Hừ, tôi ngạc nhiên quá, chú
xài hoang thế sao lúc đi đầu thai
không xin sinh vào một nhà tỷ phú
nào. Chú phải biết : hãng có thể bị
xụp đổ vì những vụ tiêu hoang phí
như thế. Bây giờ, châm ngôn của
hãng là « tiết-kiệm » nghe chưa. Cả
một cái xưởng lớn như thế này mà
không có kẻ nào gỡ nổi cái dây
« eu-roa » hay sao ?

— Dạ, thưa ông giám đốc, từ

mặt đất lên tới chỗ đó cao gần
mười thước, tất cả các thang sắt
của xưởng đều ngắn và đang được
sử dụng hết. Chỉ còn có một cái
thang tre đủ dài...

— Thì dùng cái thang tre ?

Ông giám đốc nhỏ hân người về
phía trước và giọng ông đã có vẻ
hân học, khó chịu. Cai Tồn đưa tay
lên gãi tai, đã hai năm nay chưa
bao giờ cai Tồn phải dùng đến cái
cử chỉ biểu lộ sự bối rối ấy, bởi
vì cũng đã hai năm qua chưa lần
nào anh ta dám cãi chủ lâu như lần
này :

— Dạ thưa ông giám đốc, cái
thang tre đã bị mục, có thể bị gãy
đôi. Hồi nãy em đã bắt thằng thợ
máy trong phòng 8 leo lên nhưng
đến nửa chừng nó lại lui xuống. Nó
năn nỉ với em là nó đã bị trừ năm
ngày lương rồi nếu bây giờ nó phải
đền thêm tiền cái thang gãy thì vợ
con nó nhịn đói tháng này. Thưa
ông, nhân danh là Cai, em nhận
rằng nó có lý vì nó mập quá.

— Thế những thằng thợ khác ở
đâu ? Cả một xưởng thợ như thế
này mà không kiếm nổi một kẻ tình
nguyện hả ? Bọn thợ của chú chỉ
có tài lãnh lương thôi sao ?

Bộ mặt mập tròn của cai Tồn đột
nhiên nở ra, tươi tỉnh như một quả
bóng xẹp vừa được bơm thêm hơi.
Hàng trăm sợi râu cùng rung lên
một cách hân hoan, Cai Tồn làm
bầm :

— . . . một kẻ tình nguyện ! một
kẻ tình nguyện !...

Cai Tồn nhìn thẳng vào ông giám đốc :

— Ông cần một kẻ tình nguyện thì có ngay lập tức !

Và cai Tồn quay đi, nhanh nhẹn hơn hai lần trước. Nhưng ông giám đốc đã gọi giật anh ta lại, nét mặt ông đã trở nên hiền lành như lúc thường :

— Khoan đã, chú cai Tồn !

— Dạ.

— Chú nhớ hỏi xem có kẻ nào tình nguyện không, nhớ đừng có bắt ép đứa nào cả đấy nhé.

Cai Tồn hơi nhăn mặt :

— Dạ, chắc chắn có đứa tình nguyện mà.

— Ờ, phải thế mới được. Dù sao mình cũng không nên để bọn thợ kêu ca là bị ép buộc làm việc. Tôn trọng quyền tự do của bọn chúng một chút thì chúng làm việc mới hăng hái. Xưởng ta vốn được tiếng là chiều chuộng thợ, đối đãi công bằng với thợ, đừng để mất cái tiếng tốt ấy. Ta chỉ muốn thấy những kẻ vui vẻ làm những việc khó khăn vì mến ta, vì trung thành với xưởng. Ta rất ghét bọn người chịu phục tùng đồng tiền. Chú hiểu chứ ? Vậy thì cũng đừng nói rằng kẻ nào làm xong việc này sẽ được thưởng.

Đôi môi cai Tồn rung lên mà không phát ra tiếng. Anh ta có cái vẻ uất ức, nghẹn ngào của một kẻ bị nghi oan. Mãi sau anh ta mới nói được :

— Em xin hứa chắc với ông giám đốc là thế nào cũng có ít nhất chín chục đứa, trong số một trăm, giờ tay xin tình nguyện, và bọn chúng sẽ phải bốc thăm lựa chọn.

Nói xong, cai Tồn hấp tấp đi ra, đánh keng, hợp tất cả thợ trong xưởng lại, đề tổ chức cuộc tìm người tình nguyện, trong cái kho trống ở chính giữa xưởng.

Bọn thợ đáp lại lệnh gọi một cách khá nhanh nhẹn. Cai Tồn chậm chạp bước lên một cái bục cao, vẫn dùng làm diễn đàn. Anh ta nhìn khắp mặt bọn thợ một lượt rồi lên tiếng :

— Các anh toàn là đồ ăn hại ! Ngu như bò ! Tôi đã bảo không biết bao nhiêu lần rồi là các anh phải chăm chỉ làm việc, nhưng có anh nào chịu nghe đâu chứ. Thỉnh thoảng lại có cái máy bị hỏng, nay phòng này trục trặc, mai phòng kia rắc rối. À, thế rồi tội lỗi đổ lên đầu thằng này cả. Ông giám đốc vừa gọi thằng này vào văn phòng để « nạo » thằng này một trận kịch liệt. Ông cũng cho phép thằng này được đuổi bớt vài đứa lười đi, thằng này nói sầu bọt mép để xin xỏ cho những đứa lười vô phúc đó. Các anh đã nghe rõ chưa ?

Bây giờ thì lại có đứa làm hỏng cái máy ở phòng số 8. Ông giám đốc đang cần một kẻ tình nguyện leo lên thang để gỡ cái dây trần bị mắc kẹt. Vậy thì đây là dịp tốt nhất để các anh chuộc lại lỗi mình và tỏ ra xứng đáng. Anh nào tình nguyện giờ tay... cứ việc giờ tay lên nào.

Cai Tồn cố giữ nét mặt tươi tỉnh và anh ta giờ cánh tay phải lên một cách hùng dũng như đề lấy đà cho mọi người. Nhưng trong cả phòng họp, cánh tay độc nhất giờ lên là cánh tay phải của cai Tồn.

Những người thợ chót đứng gần cai Tồn thì vội vàng khoanh tay hơi lùi lại, thủ thế và sẵn sàng đề phòng vì đã có đôi lần, một kẻ đứng hàng đầu bị một bàn tay bí mật đằng sau đẩy cho ngã chúi mũi về phía trước, và trở thành kẻ tình nguyện.

Cai Tồn hạ giọng nói nhỏ :

— Ông giám đốc có hứa sẽ tăng lương cho ai tỏ ra sốt sắng với công việc của hãng.

Nói xong, anh ta đứng vắn về rìa mếp nhìn ngang, nhìn dọc chờ đợi. Bọn thợ đều ngoảnh đi và cúi đầu.

Thình lình bộ mặt cai Tồn dần dần lại. Hai mi mắt hạ xuống che nửa con người. Cai Tồn ngả đầu ra phía sau và nghiền răng ken kết :

— Hừ, biết ngay mà, lần nào cũng thế, hỏi đến kẻ tình nguyện là chẳng có ma nào cả.

Giữ nguyên bộ mặt hăm hăm, đe dọa, cai Tồn lừ lừ rời khỏi bục gỗ, bước xuống đi điềm mặt từng người. Anh ta lăm bằm rất nhỏ, đủ cho mình anh nghe thấy :

— « Hai Bùng, tư Ngó, ba Tồn, không được !... toàn là cháu họ xa của ông giám đốc. Tên Bút, tên Hối, tên Tượng, tên Hoán này cũng là người nhà ông phó giám đốc... bọn thằng Bồng này thì là họ hàng nhà

mình... Các lão kia là người do ông kỹ sư đưa vào, không được !... . Nguy quá ! Toàn những đứa có vảy cánh lớn cả, mình đi đã gần hết phòng rồi mà không kiếm được thằng nào... mẹ kiếp ! Không khéo chính mình phải tình nguyện mất !... A, thằng này ?... hay thằng này ? không được ! Mình đã được mẹ chúng nó đem quả biếu tận nhà đề gửi gắm. Mối ăn của chúng nó mấy ký bánh ! Nguy quá !... »

Chợt cai Tồn dừng lại trước mặt năm Còn. Và trong khi mặt anh ta trở lại hớn hờ thì mặt năm Còn xám xịt lại. Mấy năm nay, kể từ ngày xin được việc làm, ít nhất một tháng một lần, năm Còn đều mời cai Tồn đến nhà mình nhậu nhẹt. Bỗng hai tháng nay hân bỏ rơi Cai Tồn. Vì nhu cầu cấp bách của xưởng, và chiếu theo khả năng, cai Tồn đã tổng năm Còn xuống làm ở bên lò than trong hầm xưởng. Lúc đầu, cai Tồn không nhận ngay được mặt năm Còn vì mặt hân hom hem, nhem nhuốc, hân trở thành gầy gò và đổi khác nhiều quá. Lò than vẫn là nơi chứa bệnh mập có nhiều kết quả.

Cai Tồn giờ bàn tay phải ra định vỗ vai năm Còn để biến hân thành một kẻ tình nguyện thì nước mắt năm Còn bỗng ứa ra, hân cúi đầu tỏ vẻ biết lỗi mình, và hân nói :

— Chủ nhật tới này nhà em có giỗ, xin mời ông cai lại nhà em uống chén rượu nhật. Hôm đó, có thịt cầy...

Bàn tay giờ ra của cai Tồn liền

rút lại. Tuy nhiên anh ta xịu mặt, buồn rầu, tiếc rẻ. Đây là lần đầu tiên trong đời, cai Tốn đã không vui khi được kẻ khác mời nhậu. Anh ta nói lí nhí :

— Ờ, được.

Và cai Tốn lại đi thêm mấy bước nữa về phía cuối phòng, nét mặt lo lắng một cách lâm li. Bỗng, trong đám thợ, có một kẻ tốt bụng nào đó lên tiếng nhắc nhở :

— Thằng tư Điếc ! ông Cai ! thằng tư Điếc !

Cai Tốn nhìn về phía một anh thợ mập mập, có cái nhìn rất đần, đang đứng khoanh tay dựa vào tường, cái mắt còn lại của hắn ta ngược nhìn lên trần nhà. Trong lần tình nguyện thứ ba, hắn đã mất một mắt và cái mũi bị thương nằm lệch hẳn về phía trái. Lần tình nguyện thứ năm, tư Điếc phải chui vào giữa hai hàng những bánh xe ngang dọc của bộ máy lọc, hắn bị bánh xe nghiền vào sống lưng và cẳng chân, thành ra tay trái hắn bị liệt và hắn đi khập khiễng. Hắn trở nên chậm chạp và ngu thêm. Nhưng ông giám đốc vẫn cho hắn tiếp tục làm việc vì ông vốn có lòng nhân đạo.

Thấy cai Tốn nhìn tư Điếc, bọn thợ đều thờ phào vui mừng, họ nhao nhao lên :

— Hoan hô tư Điếc !

— Tư Điếc lại tình nguyện nữa.

Nhưng không có kẻ nào cả gan nắm lấy cánh tay tư Điếc để đưa lên như mọi lần. Hồi này, hắn có

vẻ hung dữ. Sau lần tình nguyện thứ sáu hắn đã đi tìm tám Bò đề đánh anh chàng này một trận như tử vì lúc trước, bởi đôi tai điếc không nghe được những câu nói nhỏ, tư Điếc hỏi tám Bò :

— « Ông cái nói gì đó ? », Đáng lẽ nhắc lại lời cai Tốn đòi hỏi một kẻ tình nguyện thì tám Bò lại thông ngôn sai đi là : « Ông ấy hỏi đưa nào muốn được tăng lương ». tư Điếc vội giơ tay, bị cai Tốn tóm lấy và biến thành kẻ tình nguyện. Từ đó, tư Điếc bắt đầu biết nghi ngờ những kẻ xung quanh.

Cai Tốn hỏi những người thợ đứng gần tư Điếc :

— Liệu nó có làm được không ? Phải leo thang...

Bốn năm cái miệng cùng nhao nhao lên :

— Dạ được, được.

— Chắc được mà. Nó vẫn còn một tay, một chân nguyên vẹn, chưa bị gãy lán nào.

— Mắt nó vẫn còn tinh lắm. Ông cứ yên trí.

Cai Tốn phân vân đứng về rầu và nhìn tư Điếc quả thực trong số mất mũi, chân, tay tư Điếc cái nào không hư, gãy thì vẫn còn có vẻ ngon lành. Nhưng chợt cai Tốn lắc đầu :

— Không được. Thằng này tình nguyện quá nhiều rồi. Ông giám đốc đã quen mặt nó.

Cai Tốn quay đi và hấp tấp tiến thẳng đến trước mặt một anh thợ trẻ gầy gò, đang ngồi bó gối ở góc

phòng. Hắn ta có một bộ mặt lạ hoắc đối với cai Tốn. Cai Tốn hỏi:

— Ê, chú kia, mới vào làm hả?

Anh thợ trẻ ngàng đầu, ngược đôi mắt đỏ ngầu nhìn cai Tốn, hai tay hắn vẫn ôm gối trong một dáng ngồi thiếu náo, mệt mỏi:

— Dạ.

— Ai... ại xin cho chú vào?

— Dạ, em nộp đơn ở bộ lao động và được gọi.

Cai Tốn nói như reo lên:

— Thế hả?

Và anh ta vội vàng nắm chặt lấy vai người thợ trẻ, kéo hắn lên:

— Thế thì còn đợi gì mà không tình nguyện? Đây là dịp tốt cho chú. Ông giám đốc vẫn yêu quý những người thợ can đảm. Trông chú, tôi biết ngay là một kẻ đáng tin cậy.

Bàn tay gầy guộc của người thợ trẻ giờ lên run rẩy nắm lấy bàn tay mập lù của cai Tốn đang dè trữu trên vai hắn. Cai Tốn cảm thấy bàn tay xương xẩu đó nóng hôi hổi. Anh thợ nói:

— Xin ông cai miễn cho. Em đang lên cơn sốt. Em bị ốm đã hai ngày nhưng không dám xin nghỉ, sợ bị đuổi.

Cai Tốn trừng mắt ghé tai hắn ta nói nhỏ:

— Thôi, chịu khó một chút. Tôi cũng ái ngại cho chú lắm nhưng không làm sao được. Mẹ kiếp! Trong một trăm thằng ở cái xưởng

này thì có đến chín chục đứa là người nhà của ông giám đốc, ông phó giám đốc... còn mười thằng là họ hàng nhà tôi. Chú hiểu chứ? Chả lẽ chú lại để tôi phải tình nguyện, hay phải từ chức? Chú phải thông cảm cho tôi mới được. Vả lại, trước sau gì thì chú cũng phải tình nguyện làm chuyện nguy hiểm một lần. Cái xưởng chó chết này chỉ có toàn những máy móc nát, cái máy nào cũng chỉ chạy được vài ngày là đình ốc, các bộ phận lại rời ra, rơi lủng củng. Đã chót vào làm ở đây thì không nên kêu ca gì. Chú hiểu chứ?

— Dạ, nhưng mà?

Cai Tốn đứng thẳng, nghiêm mặt:

— Tôi đã thề với trời phật và hứa với vong hồn cha tôi là một tháng tôi chỉ đuổi mười tên thợ là tối đa. Tháng này tôi đã đuổi chín đứa, thêm thằng thợ phụ sáng nay là mười. Chú đừng nên độc ác đến độ bắt tôi phải lỗi đạo với trời phật và thất hứa với vong hồn cha tôi, nghe chưa?

Anh thợ trẻ lại áp ứng định nói. Nhưng một kẻ bí mật nào đó đứng sau hắn đã nắm tay hắn ta giờ lên. Bọn thợ lập tức vỗ tay hoan hô kẻ tình nguyện rào rào và cai Tốn túm ngay lấy cánh tay hắn lôi đi xềnh xệch. Bọn thợ biết việc kiếm tìm kẻ tình nguyện đã ổn, ai về việc nấy. Chỉ còn vài người thợ đi theo cai Tốn đến phòng số 8 để giúp kẻ tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ.

Cái thang tre mỏng manh, đã mục, có ba chỗ nối, cao ngất ngều, được dựng lên. Đầu thang chạm xà ngang ngay chỗ dây trần bị kẹt. Khoảng giữa thang cong vòng. Bốn thợ ở mấy phòng bên bỏ việc chạy đến cửa phòng số 8 xem và chờ đợi, họ quên cả vẻ dọa nạt của cai Tồn vì họ thường khoái xem tai nạn đến độ trở thành liều lĩnh.

Sau khi chỉ dẫn sơ qua về cách gỡ dây cho anh thợ trẻ hiểu rõ công việc hần sắp làm, cai Tồn trao cho hần một cái búa, hai cái kìm, một số dụng cụ vật rồi đẩy hần lên thang. Vừa leo được năm bậc hai tay anh thợ trẻ đã run rẩy, những đoạn nối trên thang kêu ken két. Anh ta quay xuống nhìn cai Tồn một cách van lơn :

— Xin ông Cai tìm người khác. Vợ em mới sanh, em phải nuôi mẹ già, một vợ và bốn con.

Đôi mắt hần vẫn đỏ ngầu vì cơn sốt, tóc xù lên phờ phạc. Cai Tồn không thêm nói gì cả, chỉ trừng mắt, tay nắm lấy chân thang rung mạnh một cái để tỏ sự giận dữ. Anh thợ trẻ vội vàng tiếp tục leo lên. Cái thang càng lúc càng cong veo, run rẩy như bị lây cơn sốt của anh thợ. Anh thợ biết chắc rằng lúc này anh chỉ ho một tiếng là đời anh sẽ tàn.

Bốn thợ đứng bu ở cửa bắt đầu giương mắt, hồi hộp chờ đợi. Riêng có ông già, giữ nhiệm vụ đi thu tiền của nhân viên trong xưởng, (mỗi khi có một nhân viên gặp tai nạn hay chết, để giúp gia đình nạn

nhân) thì bắt đầu làm bầm làm tính:

— Không khéo phen này lại mất toi thêm mười đồng nữa. Thật vô phúc, tháng này sao mà lắm đũa gặp tai nạn thế.

Ông lấy một cuốn sổ con ra để cộng trừ, ước đoán số tiền mà ông sắp phải thu, trong khi anh thợ trẻ vẫn đứng ngất ngư trên đầu thang.

Giữa lúc ấy, bỗng ông phó giám đốc đi đến. Nhìn thấy cái cảnh anh thợ trẻ đang run rẩy theo cái thang ông hốt hoảng chạy đến vỗ vai cai Tồn :

— Hần leo lên gỡ dây trần đấy hả ?

— Dạ.

— Ai bảo hần lên ?

— Dạ, hần tình nguyện.

Ông phó giám đốc lau mấy giọt mồ hôi vừa xuất hiện trên trán ông rồi nghiêm mặt hỏi :

— Gia đình hần thế nào ?

— Dạ, hần có một mẹ già, một vợ và bốn con.

Ông phó giám đốc tiến đến sát cai Tồn, hạ giọng :

— Đồ ngu ! Tôi hỏi chú rằng gia đình hần thế nào nghĩa là có đũa nào trong gia đình hần biết chữ . . . biết luật . . . biết làm đơn kiện tụng gì không ?

Cai Tồn vội vung tay :

— Á, không. Cái đó thì em xin bảo đảm. Gia đình hần gồm toàn những người dốt đặc.

Lúc ấy ông phó giám đốc mới thở phào một tiếng, nhẹ nhõm, và ông đi sang phòng khác.

Ở trên cao, lúc này anh thợ trẻ đã bám được vào một cái xà ngang và đỡ run. Hắn bắt đầu lấy dụng cụ trong túi ra. Cái kim vướng vào miệng túi, hắn dứt hơi mạnh làm thang lại rung lên lắc rắc rắc. Hắn hoảng hốt buông cái kim để bám vào xà ngang.

Chiếc kim rơi xuống đập trúng đỉnh đầu mộ anh thợ đang đứng giữ chân thang, anh này ngã quay ra chết ngất không kêu được một tiếng, đầu sưng u.

Cai Tốn trợn mắt ngược nhìn và quát âm ỉ :

— Làm ăn ần thận một chút chứ. Đề rơi thế thì còn gì là kim nữa. Hồng hết dụng cụ mất thôi. Coi chừng bị trừ lương đó nghe chưa.

Bốn năm người thợ vội chạy đến cạnh anh thợ bị ngất để nhặt cái kim lên xem xét. Một người bóp thử cái kim rồi reo lên :

— Ồ, may quá, cái kim không việc gì đâu ạ.

Cai Tốn gật đầu hài lòng :

— Thế thì tốt lắm !...

Và mọi người lại ngược nhìn anh thợ trẻ, chờ đợi.

Sau nửa giờ loay h ay, anh thợ trẻ cố gắng gỡ được chỗ dây bị kẹt, bốn thợ ở dưới vỗ tay reo hò. Mồ hôi hắn toát ra nhiều quá nên cơn sốt của hắn cũng đã biến mất. Và bây giờ hắn xuống thang với cái vẻ

chậm chạp, đường hoàng của một vị anh hùng vừa thắng trận.

Hắn chưa tới đất thì thỉnh linh một bậc thang gãy rắc một cái làm hắn ngã bổ nhào xuống. Nhưng hắn đứng dậy được ngay, một tay nắn lại sườn, một tay bưng mồm. Lúc này, anh thợ bị cái kim rơi vào đầu cũng đã tỉnh, ngồi dậy nhìn ngơ ngác.

Cai Tốn nắm lấy cánh tay anh thợ tình nguyện kéo lên phòng ông giám đốc và giới thiệu với một vẻ kiêu hãnh :

— Thưa ông giám đốc, đây là anh thợ đã tình nguyện leo thang và gỡ được cái dây « cu-roa » bị kẹt.

Ông giám đốc tươi cười, thân mật đưa bàn tay ra. Anh thợ trẻ liền dùng bàn tay đang bóp sườn của mình để bắt tay ông chủ, tay kia vẫn bưng miệng. Ông giám đốc nói với cai Tốn :

— Tôi cũng khen chú biết điều khiến thợ.

Ông ta quay sang anh thợ.

— Còn chú mày. Ta sẽ thưởng chú năm chục đề bù công lao khó nhọc của chú. Chú có vẻ lăm li ít nói lắm nhỉ. Như thế càng hay. Ta mến những ít nói. Những đứa nói nhiều thường chẳng làm được việc gì ra hồn cả mà lại hay làm điếc lỗ tai kẻ khác.

Đây năm chục tiền thưởng. Chú đáng khen lắm, cố giữ cái tính ít nói nhé.

Anh thợ trẻ đón lấy tờ giấy bạc, cúi đầu. Cai Tốn quàng tay qua vai hắn. Ra khỏi văn phòng, cai Tốn bảo:

— Được thưởng rồi đừng quên anh em nhé. Chú thấy không, nếu chẳng nhờ có tôi tiến cử cho chú làm kẻ tình nguyện thì đời nào chú lại được khen ngợi và thưởng tiền thế này... Bây giờ thì sắp đến giờ về rồi, tôi đặc biệt cho chú nghỉ, chúng mình ra quán bà Tư uống la-ve chơi. Có năm chục đó là dư rồi.

Và cai Tốn thản nhiên nắm tay người bạn mới kéo đến cái quán ở công xưởng, cai Tốn cười với bà chủ rồi đồng dục gọi:

— Cho hai chai la-ve, hai đĩa thịt gà rán và ít đồ nhậu đi chị Tư.

Cả hai ngồi xuống ghế. Mặt anh thợ vẫn tái ngắt, lúc này anh ta mới nhờ toẹt xuống đất một đồng nước bọt có lẫn máu và vừa giơ tay có ý cản vừa thều thào nói:

— Lúc nãy... em ngã, bị gãy mất cái răng hàm... hai cái răng cửa cũng bị lung lay... đau quá... em không ăn được đâu.

Cai Tốn nhìn miệng anh thợ và thấy một dòng máu nhỏ còn rỉ ra bên mép hắn, môi, răng hắn thì đỏ ối, hai má gầy gò của hắn thỉnh thoảng lại rung lên. Hắn thều thào nói với bà Tư:

...Bà chủ cho tôi xin hộp nước xúc miệng...

Cai Tốn vánh môi anh thợ ra đề nhìn cho rõ hàm răng bị thiếu một cái rồi không nói, không rằng, hốt hoảng chạy lên phòng thuốc của xưởng.

Đó là một phòng thuốc nghèo nàn do một anh y tá trẻ tuổi cai Tốn trông nom. Mỗi tuần ông bác sĩ của hãng có về khám bệnh cho thợ một lần, những ngày khác anh y tá giữ hoàn toàn nhiệm vụ định mệnh và cho thuốc. Bệnh nhân của anh thì trong số mười người có ít nhất chín người được anh cho uống ký ninh vàng. Thuốc ký ninh được sử dụng luôn như thế, phần vì phòng thuốc có nhiều ký ninh. Phần vì anh y tá nghĩ ngại bọn thợ hay khai bệnh đề xin nghỉ ầu. Anh cho uống ký ninh, các bệnh nhân ốm giả cũng lẫn ra bị cơn sốt nóng hành hạ, cho bỏ ghét. Bọn thợ, nếu chỉ bị sốt xoàng, không bao giờ có đủ can đảm lên phòng thuốc. Ngay cả cai Tốn là tay sừng sỏ, có uy tín trong xưởng, lại chối thân với anh y tá, thế nào khi bị ốm vẫn bị anh y tá buồn tình quất cho mấy viên ký ninh. Mặt cai Tốn vàng khè ra, hai tuần mới hết.

Lúc cai Tốn chạy vào phòng thuốc thì anh y tá đã sửa soạn về. Cai Tốn reo lên:

— May quá. Anh vẫn còn ở đây. Anh y tá vừa đóng tủ thuốc vừa hỏi:

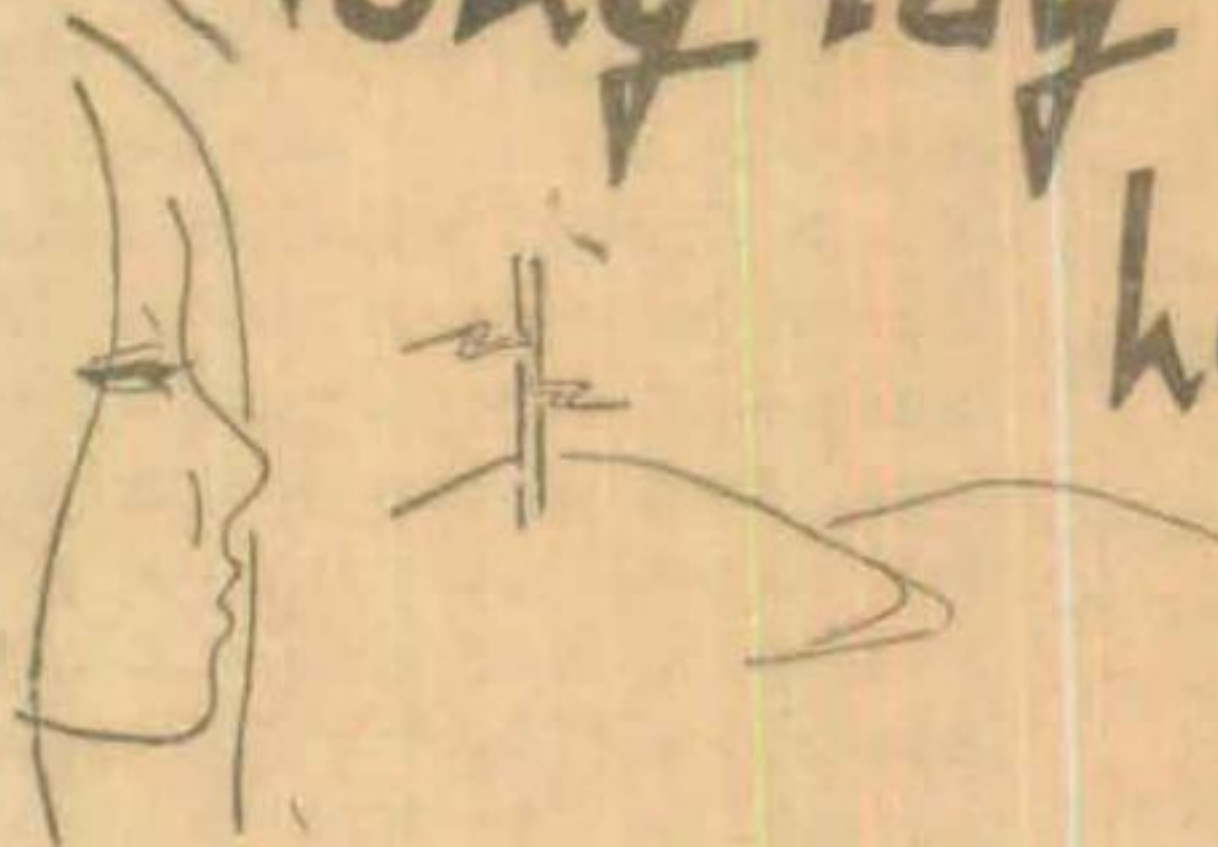
— Có chuyện chi đó?

— Quan trọng lắm theo tôi.

Và vừa nắm tay anh y tá, cai Tốn vừa giải thích:

— Có một thằng thợ vừa đái tôi một chậu. Nhưng nó lại bị ngã gãy răng không ăn uống gì được. Thành ra còn một chai la-ve và đồ nhậu nhiều lắm. Anh xuống ngồi uống chơi với tôi. Tôi cứ sợ anh về rồi thật ưỡn quá.

Vòng tay học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

V

KHI Ngự ra khỏi rạp Hòa-Bình, trời bắt đầu tối. Thành phố lên đèn sớm không xóa bớt sương mù. Những chuỗi dài ánh sáng vòng quanh các nhà hàng lớn, qua những dãy nhà nhấp nhô bên kia đồi, lan tỏa đến những bờ cỏ lấp lánh bên hồ như hàng trăm nghìn mảnh vỡ thủy tinh. Gió lạnh buốt. Hơi sương ẩm ướt và phảng-phất mùi cỏ hoa lùa vào tận tâm-hồn, giác quan Ngự như những mũi kim sắc nhọn lăm người. Anh choáng váng đi trong vùng tranh tối tranh sáng của những hè phố vắng. Đột nhiên Ngự dừng lại. Anh cảm tưởng mình vừa quên vừa mất một cái gì ở đằng sau. Cho bàn tay lạnh ngắt vào túi quần rồi anh lại cúi đầu đi xuống. Hàng cây bên đường tỏa bóng tối xuống lối đi thoai thoải dốc về phía hồ Dalat. Những cặp tình nhân, vợ chồng, khăn

áo ấm áp, tay trong tay, thông thả àv tằng lè đi ngược về phía Ngự. Anh nhìn quanh và không tìm thấy một ai lẻ loi như mình. Ý tưởng cô đơn lại vùng lên quần quai. Bao nhiêu năm anh từ bỏ, chạy trốn, xua đuổi hết để được kéo dài cuộc sống độc thân. Anh từng đến với tình yêu như một cuộc giải khuây ngắn ngủi, và sợ hôn nhân như một nhà tù eo hẹp trói buộc đời mình. Thế mà bây giờ, bỗng nhiên niềm cô độc đè nặng xuống tâm tư, Ngự cảm thấy cuộc đời trở nên trống rỗng hoang vắng lạ thường. Anh không thể chịu được. Nhưng anh cũng không thể làm gì được. « Hay mình về Saigon, cưới Vân và đưa nàng lên đây với mình là xong... Băn khoăn mãi, Ngự chợt nghĩ đến lối giải quyết giản dị đó. Nhưng không, anh sẽ hết cô đơn, nhưng niềm cô độc mệnh mông sẽ còn lại, khoắc

khoải và thể thắm hơn hiện tại. Thà một mình còn hơn chung sống với người mình không yêu thương, trong khi tâm hồn đã mang lỡ một hình ảnh xa vời khác Trâm. Ngự gọi thầm tên người mình yêu và rung rung hồn tũ. Anh chợt buồn tiếc ngẩn ngơ như người chỉ sai một con số chót ở tấm vé nên đành mất lô độc đắc. Thế mà anh đã nhầm tính, đã phác họa ra một chương trình tuyệt diệu cho tương lai trong đó có bóng dáng Trâm. Anh đã tưởng tượng ra cảnh một gia đình thật đầm ấm, thật lý tưởng cho Trâm, cho anh, cho những đứa con kháu khỉnh sau này. Nhưng cái bóng hạnh phúc mới thoáng hiện lên đã vội vàng xa khuất. Như một giấc mơ, một trêu đùa. Anh nghĩ Trâm cũng chỉ xem anh là trò vui giây phút. Hay chỉ là một cuộc thí nghiệm đối với nàng. Hay anh chỉ là một cái dấu cong tầm thường vô nghĩa trong những bài toán tình cảm của Trâm. « Con người như xây ai ngờ tàn nhẫn ». Nhiều khi Ngự thầm oán trách Trâm. Nhưng anh hối hận ngay vì thấy mình vô lý. Anh chỉ tiếc tình mình chân thành không được chấp nhận mà thôi. Mà anh cũng không hiểu được những diễn biến tâm trạng của Trâm nữa. Đầu tiên, nàng thật tử tế. Thật dịu dàng. Thật nhu mì thuần hậu. Và yếu đuối bé thơ như cần đến anh, như cầu xin một che chở, như chờ đợi một vòng tay ôm trọn đời nàng. Cho nên Ngự đến với nàng. Ý niệm gia đình cũng nhóm lên cùng với những bước tình yêu. Muốn đời Ngự không bao giờ quên nỗi buổi chiều anh đến thăm nàng và ngỏ ý xin cưới nàng làm vợ. Giọng anh, giọng nàng trong mâu đối thoại ngẩn ngui và êm đềm đó còn như văng vẳng đâu

đây. Với dáng Trâm thật dịu hiền bé bỏng thu hình trong chiếc ghế rộng, hai tay choàng chéo bờ vai; đôi mắt hươu nai qua làn tóc rủ rèm đêm che hờ nửa mặt.

— Trâm à, đã từ lâu, tôi muốn nói với Trâm...

— Thôi, tôi biết rồi và anh đừng nên nói. Không thể đâu. Anh biết qua lời đàm tiếu của thiên hạ về dĩ vãng của tôi rồi chứ. Anh không thể sung sướng với một người vợ tai tiếng đâu.

— Tôi đã nghĩ đến điều đau đớn đó. Nhưng yêu thương sẽ xóa lấp tất cả chuyện ấy. Mình nên nhận định một cách rộng rãi, và giúp nhau bắt đầu lại cuộc đời.

Những ngón tay nhỏ và mềm của Trâm bám nhẹ vào rèm tóc, buông giọng nàng thoang thoảng như hơi gió mặn nồng từ biển cả thổi về :

— Không được đâu anh. Một ngày anh thôi yêu thương, những tí vết của tôi lại hiện hình ám ảnh. Mình coi nhau như bạn, được rồi.

— Hay là Trâm chê tôi không bằng những tử phú, những phi công, những giáo sư đại học của Trâm.

Môi Trâm mím lại và mắt Trâm rực lên như ánh lửa cuối cùng :

— Đừng nói thế. Đừng nhắc lại. Anh không hiểu tôi đâu đừng phán đoán, tôi đã nói, tôi không cần gì cả. Địa vị. Tiền bạc. Bề ngoài. Không. Tôi chỉ cần một thứ, một thứ tìm mãi không hề có, hoặc có mà không thể giữ mãi được với mình : tình thương.

— Trâm. Nếu chỉ thế, sao Trâm từ chối tôi. Trâm biết, Trâm thấy tôi yêu Trâm chừng nào mà...

Trâm úp một bàn tay lên mặt :

— Yêu, ai cũng nói thế cả. Anh cũng như những người trước. Những kẻ sau anh. Như nhau hết. Anh thành thật. Nhưng tôi không tin. Tôi không còn tin ai, tin cái gì nữa. Vì vậy mà, dù không muốn, tôi vẫn sống một mình như thế này, bao nhiêu năm rồi, từ khi... Trâm muốn chìm vào quá khứ để đau buồn, hối tiếc, nhưng Ngừ say mê hiện tại, say mê cái tương lai sắp sửa ngời lên như nụ cười, ánh mắt Trâm những buổi sáng mai gặp anh trên đường :

— Trâm. Trâm có sợ nghèo không. Trâm nhia anh không nói. Ngừ tiếp :

— Tôi còn gánh nặng gia đình nữa. Mẹ tôi và hai đứa em trai còn đi học, tôi phải lo... Trâm bằng lòng san sẻ cuộc đời đó với tôi không.

Trâm trả lời bằng câu hỏi khi anh ra về.

— Anh có đến đây nữa không ?

Như lời chấp thuận. Thế mà... thế mà, tại sao như vậy được, khi Ngừ tìm đến, lần sau nữa, cửa đóng im lìm, rồi con bé ở của nàng ra bảo : « Cô đi vắng. » Nhưng nhìn lên cửa sổ lầu cao, anh thấy nàng đứng đó nhìn ra rừng thông, thân nhiên hút thuốc, thân nhiên nhìn anh đau đớn đi qua. Về đứng đứng của Trâm như một thách đố, xua đuổi anh. Nhưng Ngừ vẫn tới, Con người thay đổi luôn luôn như Trâm, nay chấp thuận, mai khước từ, thì cũng biết đâu có lúc nàng lại đợi chờ và tiếp đón anh. Cho nên Ngừ

đến hai ba lần nữa. Rồi hàng chục lần. Khi chiều xuống, khi đêm khuya, khi một hai giờ sáng, trời lạnh như tuyết phủ bốn bề, bóng tối tràn lan như dưới đáy vực sâu anh đi lang thang trên con đường rừng qua nhà nàng tựa một oan hồn lữ thủi. Anh si mê. Anh điên dại mất rồi. Con bé ở lủ trẻ con, bọn học trò cũng biết hết. Trông thấy anh qua đó, chúng nó chỉ chỏ, nói cười. Sự khinh bỉ, đùa cợt như bắt tạt vào mặt anh. Ngừ thấy mình kỳ quái như một sinh vật từ hành tinh nào rơi xuống cuộc đời này để chịu cực hình. Anh dừng lại. Cố quên đi. Nhưng mỗi khi trông thấy Trâm hiện ra trên dốc cao ở con đường đến nhà người bà con cạnh nhà anh, mỗi khi cái bóng đáng nhẹ nhàng, nhỏ nhắn và tươi thắm đó vờn qua khung cửa sổ phòng anh như một làn mây hồ hững, anh lại bàng hoàng xúc động. Rồi không kìm giữ nổi. Lại đeo đuổi. Lại van nài. Để bị hắt hủi, chối từ, khinh thị.

Một chiếc xe nhà binh âm âm chạy từ ngã ba bờ hồ tới. Ánh đèn lóe sáng một vùng đêm âm u. Tiếng la của một người lính trẻ vọng xuống :

— Ê, đi vào lề đường nghe bồ.

Ngừ nhìn lên. Chiếc xe đã chạy qua. Làn ánh sáng mắt hút ở cuối đường anh chợt mỉm cười buồn và mờ hồ thấy lại chiếc mũ đồng của người lính. Ngừ chợt nhớ lời thư của một người bạn mới vào quân ngũ gửi về : « không có lý tưởng vì mục đích để tranh đấu, Ngừ à. Nhưng mình đến con đường này như chọn một giải pháp cuối cùng. Đời quân ngũ kỷ luật, thì giờ eo hẹp. Những cuộc tập trận bất

ngờ những chuyến hành quân thật xa. Minh đã quên đi những thắc mắc riêng tư, những dấu hỏi về thân phận người đời, những khoắc khoải cô đơn. Minh hoạt động nhiều để cảm thấy đang sống, dù rằng thật đáng buồn là không biết sống để làm gì, để đi tới đâu như thế này. Ngự vẫn vò đầu với những Heddegger, Nietzsche, Kierkegaard. Hay cậu vào lính như mình cho xong đi ...

Những ánh đèn ở trạm xăng và bến xe lóe sáng ngả tư đường. Ngự đi mau về phía hồ, ngồi xuống một gốc thông viền xi măng làm ghế đá. Hồ vào đêm. Những dây néon bên bờ soi mình xuống mặt nước đen sóng sánh. Ngự nghĩ đến những vành lược đính kim cương trên một mái tóc đêm chấp chờn rung động của người con gái trong thần thoại cổ tích đã mất đi theo tuổi ấu thời. Bên kia hồ, hàng thông đứng im lìm như những khối bóng lạnh lùng và bí mật của lũ đàn bà yêu ma xoa tóc chờ đợi người tình không bao giờ đến. Thỉnh thoảng, một ánh đèn xe quét lên mặt đường vòng bên kia những dải vàng rực rỡ rồi lịm tắt dần như ảo ảnh. Dưới chân Ngự, cô đêm ngủ vùi trong tiếng ru náo nùng, mơ hồ của dế dun. Anh kéo cao cổ áo, tựa vào gốc thông và chợt thêm một điều thuốc. Hay một ly rượu vừa nồng vừa đắng. « Minh không hút, không uống, không chơi từ ngày đi làm việc. Hiền lành như chuẩn bị để lấy vợ ». Hai chữ cuối trong câu nói thăm làm anh nhớ đến Trâm, nhớ đến niềm tuyệt vọng của mình và lằng lằng đau khổ. Tự nhiên anh muốn bỏ đi, bỏ miền đời phổ sương mù lạnh lẽo này trở về Saigon, bê tha, phá phách, sống để

quên sống như thời mới lớn, mới yêu người con gái đầu tiên trong đời. « Lương tháng bảy tám nghìn, tiêu cho hết, để làm quái gì ».

Ngự sắp đứng lên thì một bàn tay sau ấn vai anh xuống.

— Tớ đi đi ciné chứ.

Ngự quay lại. Trong vùng tối lờ mờ của bóng cây, anh nhận ra Biên, người bạn ở cùng nhà trọ.

— Cũng vừa ở Hòa-Bình ra.

— Phim hay ?

— Xem nhưng không có thấy gì cả. Biên hiểu. Như Biên hiểu vì sao dạo này bạn hay ngồi im lặng hàng giờ không làm gì, không nói, không đọc sách hoặc đang đêm, mở cửa ra đi, để mấy giờ sau trở về, áo quần ướt đầm nước mưa và mắt đỏ hoe như vừa mới khóc. Với người khác Biên có thể khuyên giải hoặc an ủi được. Nhưng Ngự, anh không thể cản trở những bước phiêu lưu đau đớn đó. Ngự vừa yếu đuối, dễ cảm xúc, lại vừa cuồng nhiệt đam mê. Lẽ ra, típ người như Ngự phải sinh ra từ mấy thế kỷ trước : lãng mạn, đa tình, bi lụy. Và chân thành yêu thương, chỉ có thể một mà không hai, chỉ ràng buộc mà không thể thay thế một bóng dáng đàn bà khác trong tâm trí. Con người như vậy lại yêu Trâm, Người đàn bà đó, hiền dịu, bé thơ. Nhưng những đớn đau, tủi hờn quá khứ đã biến tâm hồn nàng thành cái bầu thuốc độc của một mụ phù thủy. Người ngự trị được tâm hồn đó, không thể là Ngự. Phải từng trải, rắn rỏi, cao thượng, sâu sắc phức tạp vô cùng mới hiểu và chiếm được

bầu độc được phù thủy đó, cho nên nghe bạn hí hửng nói Trâm nhận lời lấy Ngũ, Biên không tin. Điều đó không thể xảy ra. Mà quả đúng như thế, Ngũ thất vọng, vì đã quá nhiều hy vọng. Bây giờ người thất vọng ngồi đó, tự dọa dầy vào tiếc nhớ, hần học, hờn yêu. Biên thấy bạn trẻ và mơ mộng quá chừng.

— Đi cậu.

— Đi đâu ?

Biên chỉ con đường đầy bóng tối quanh bờ hồ :

— Một vòng, rồi về ngủ.

Nhưng khi Ngũ ngồi lên yên sau của chiếc vespa cho bạn chở đi, tự nhiên Ngũ nói :

— Đến Trâm đi.

— Biết Trâm có nhà không :

Thật ra thì Biên nghĩ : « Biết Trâm có tiếp mình không ? »

— Có Biên đi cùng, thế nào cũng hên hơn chứ.

Biên phóng xe về con đường đến viện Đại Học rồi rẽ vào một lối nhỏ quanh rặng đồi thấp.

— Lối này xa và tối quá.

Ngũ cười sau lưng bạn :

— Cậu sợ, còn mình quen bóng tối con đường này rồi.

Một tiếng còi xe hơi ngắn và khô phía sau, rồi chiếc Peugeot trắng lướt qua. Biên quay lại :

— Cậu biết hần ?

— Lưu giáo sư. Nghe nói thân với Trâm lắm.

Biên cũng nghe nhiều người đồn đãi điều đó, định giấu bạn, không ngờ Ngũ đã biết trước. Tự nhiên anh so sánh Ngũ với Lưu. Ngũ thì hiền lành, chân thật, mềm yếu. Lưu thì trái lại. Lúc nào hần cũng có vẻ ngang tàng gần như phách lối, kiêu ngạo, lại ranh mãnh, rắn rỏi. « Có lẽ Trâm từ chối Ngũ chỉ vì Lưu ». Trước kia, Trâm tử tế với Ngũ vì khi đó chưa quen biết Lưu. Giờ người thứ hai hiện đến lẽ tất nhiên Trâm so sánh và chọn lựa. Lưu đã thắng. Bài toán thật giản dị vô cùng. Nhưng Ngũ hình không biết, hoặc không muốn hiểu rõ điều đó.

— Đạo này Trâm ít về thăm ông bà Trâm nhỉ.

— Có lẽ Trâm nhiều việc.

Nói thế, nhưng Ngũ cũng biết Trâm không về thăm nhà người bà con cạnh nhà anh là vì Trâm muốn tránh không cho anh gặp mặt. Trước kia, chủ nhật nào nàng cũng về. Lũ trẻ con bên ấy tíu tít chạy ra reo mừng đón người chị họ. Tiếng reo của chúng cũng là tiếng reo trong lòng Ngũ. Nàng cúi xuống dịu dàng xoa đầu, vuốt má chúng rồi chia quà cho từng đứa. Mỗi lần nhìn sang bắt gặp anh ngồi sau khung cửa, nàng ăn căn hỏi vọng sang : « Chủ nhật anh Ngũ không đi chơi » Ngũ nói : « Đi một mình, buồn lắm » Trâm đùa : « Gọi cô Vân về đi với ». Là vì có lần Ngũ nói với Trâm về vị hôn thê không bao giờ anh muốn cưới đó. Những ngày vui đầu không còn nữa. Bây giờ thấy anh, nhiều khi nàng ngoảnh mặt làm lơ, không chào hỏi, như anh đã có trọng tội đối với nàng. Ngũ chỉ biết ngồi ở khung cửa đó nhìn sang nhà bên

và nhớ đến hồi mới quen Trâm. Lúc đầu thoáng thấy Trâm, anh tưởng nàng từ xa về chơi ít bữa rồi đi. Nhưng hết mùa hè, nàng còn ở lại. Một buổi sáng, anh thấy nàng đi trước, lũ học trò nhỏ theo sau, trên con đường dốc về trường, Dò la, nhà bên kia cho biết Trâm dạy học. Anh qua lại, làm quen. Nàng tự nhiên, trong câu chuyện và cử chỉ, xem anh như một người thân trong nhà. Được một tháng, nàng bỗng dọn đi. Cái sân vuông có bể nước rộng, những giò lan mắc trên bức tường thấp hàng dây thép phoi khăn mặt, mấy chiếc thau nhôm bóng loáng. Tất cả những thứ đó bỗng trở nên những di tích thần thánh đối với Ngự từ ngày Trâm đi. Mỗi buổi sáng, anh nhìn sang đều thấy Trâm ra rửa mặt. Thân hình nhỏ nhắn và tươi mát của nàng vươn lên, nghiêng nghiêng bên thành bể nước. Nét mặt không phấn son trang điểm của người con gái sau giấc ngủ bình yên gây trong lòng Ngự những cảm tình cao quý và trong sạch. Nhưng khi nàng không còn đó nữa, vuông sân với những thước khối không khí giá buốt ban mai, với những búp phong lan chớm nở đón trước xuân về, với tiếng chảy róc rách từ vòi cao su xuống lòng bể sâu, tất cả biến thành một vũ trụ hoang vắng buồn tẻ thế nào. Ngự cảm thấy trống trải thiếu thốn một thứ gì. Khoảng trống đó rộng dần mãi ra, trải dài như sa mạc hoang vu. Và trên cõi hoang vu đó, những tiếng vọng mơ hồ thăm kín vắng lên như tiếng kèn nhớ quê của một kẻ bị lưu đày : anh nhớ. Vì anh đã yêu. Cho nên lòng anh như mở hội mỗi lần bà thím của Trâm bên kia nhờ anh đến nhắn hỏi hay đem dùm cho Trâm một cái gì.

Anh có lý do chính đáng để đi thăm Trâm. Một tình yêu chân thật và tốt đẹp phải đưa tới hôn nhân. Anh ngỡ ý với Trâm. Nàng gần chấp thuận. Rồi nàng khước từ. Rất tàn nhẫn. Rất kiêu ngạo nữa. Nhưng anh không thể quên, không thể gỡ mình ra khỏi những mắc lưới vừa êm ái vừa đớn đau của cuộc tình đơn phương đó.

Ngự hồi hộp nhìn lên những đóm đèn nhấp nháy trên ngọn đèn trước mặt. Anh đập nhẹ vào lưng Biên :

— Hay thôi, trở lại đi.

— Sao vậy.

— Chắc Trâm ngủ rồi.

— Còn sớm mà cậu.

— Vả lại, hình như nay có mấy đứa học trò ở trong nhà Trâm. Hôm trước nghe bà Tâm bảo thế.

— Mặc bọn nó chứ. Sao có chúng nó thì không đến.

Con đường ven rừng dứt nẻo ở một vùng nhà cửa thưa thớt bên thung lũng. Tòa nhà trắng của Trâm lơ mờ yên lặng trong ánh trăng non bàng bạc đầu mùa. Ánh đèn le loi hắt qua khe cửa, chiếu lên mặt đường một tia sáng lơ mờ vàng vọt. Hai người dừng xe cách xa cửa ngõ và đi bộ xuống bậc thềm đá.

Nghe tiếng xe dừng, Trâm chạy chưa kịp xem ai thì Ngự và Biên đã đứng sừng sững ở khung cửa phòng khách. Nếu không có tiếng Trâm gọi chị Ba trong phòng thì Trâm đã nói dối với họ, « cô đi rồi » như lời Trâm dặn : « nhớ nói cô không có nhà khi nào ông Ngự đến ».

Lúc đó, Trâm đang ở trong phòng Minh. Ánh đèn màu hồng nhạt từ trên bàn học Minh hắt lên tường đáng Trâm ngồi nghiêng trên chiếc ghế nhỏ. Trên giường, Minh nằm thiêm thiếp, cả thân hình lấp dưới những lớp chăn dày, chỉ còn cánh tay trái vươn ra ngoài, buông thõng xuống đất. Đầu lún sâu xuống làn gối êm, mái tóc đen mềm rơi bời bồng bên viền quanh khuôn mặt trắng xanh nhợt nhạt. Đôi mắt Minh nhắm nghiền, nhưng làn mi còn nhẹ nhàng rung động như sắp sửa hé mở, sắp sửa thu nhận cái thế giới bên ngoài thoát về gần, thoát lùi xa trong trạng thái chấp chờn mê tỉnh. Khoảng mền trên ngực Minh phập phồng lên xuống theo hơi thở mệt nhọc. Thỉnh thoảng đầu Minh nhô lên, như cố thoát ra khỏi một sức đè đè nén nặng nề nào, nhưng mệt và yếu, nửa thân hình trên của nó lả xuống.—Trâm lo lắng nhìn cánh tay của người con trai mềm nhũn buông thõng xuống như không còn sự sống nữa.

Chị Ba ngồi thụp xuống đất, lọ dầu trong tay, hết nhìn cô chủ lại ghé mắt trông chừng người ốm. Rồi chị bật lên :

— Hay cô để em cạo gió cho anh ấy.

— Không. Có bị trúng gió đâu. Chị đi pha giùm ly sữa. Đưa lọ dầu đây tôi.

Chị Ba đi ra, Trâm trút dầu vào lòng bàn tay, gõ nhẹ mền chặn trên ngực Minh và cúi xuống. Nàng mở hạt nút ở cổ áo chemise của Minh và luồn bàn tay tẩm dầu vào trong đó, Minh chợt mờ mắt. Hai con người sáng diệu ánh lên một thoáng rồi làn mi cong đen từ

từ khép lại. Minh mấp máy môi muốn nói điều gì, nhưng rồi nó xoay người, quay mặt vào vách, dúi đầu vào mặt gối ốm.

Trâm lần nhẹ bàn tay trên làn da ngực nóng rực của người con trai. Rồi Trâm nhìn thấy mơ hồ và kỳ lạ, từng ngón tay mình chạm chạm rồi khỏi khuôn ngực áo trắng nõn đó. Rồi cũng bàn tay của nàng mà Trâm phút đó tưởng như của một người thứ hai, cài kín hột nút áo Minh và kéo chần đắp lại như cũ. Trâm cúi xuống gọi nhỏ :

— Minh. Em khỏe chưa.

Không tiếng trả lời. Bàn tay của Trâm lại đặt lên vầng trán người con trai. Cả khuôn mặt Minh lạnh ngắt như bao nhiêu mạch máu dưới làn da đều đọng cứng và tê cứng lại. Trâm chăm dầu vào ngón tay và xoa nhẹ hai bên thái dương Minh. Đúng lúc đó Biên với Ngự đi vào.

Ngự đứng lặng người một lúc trước cảnh tượng êm đềm đột ngột đó. Lâu lắm, anh mới lập bắp :

— Sao thế, chị Trâm.

Trâm gật đầu đáp lại cái chào của Biên nhưng không quay lại nhìn Ngự, cười gượng :

— Nó... bị trúng gió lúc đi học về. Trời đổi mùa gió máy thật độc địa.

Rồi nàng liếc nhanh về phía gậm bàn học của Minh, yên tâm : cái vỏ chai rượu với cái cốc để khuất vào bóng tối, đứng phía cửa nhìn vào không trông thấy được. Nàng nói dối không phải e ngại gì, nhưng không muốn cho người ngoài biết rõ những

chuyện xảy ra trong nhà mình. Với lại Ngũ sẽ đặt dấu hỏi nếu biết là Minh vừa uống hết nửa chai rượu vì lúc này chưa dứt cơn say. Nhưng mùi rượu nồng nồng còn phảng phất trong không khí. Trâm lại tìm câu nói dối :

— Gớm, cái ông lão khùng nhà bên cạnh cứ uống rượu tí tí rồi vác xác qua đây nói huyền thiên, làm nhà nông cả hơi rượu.

Thấy Ngũ tò mò ngấm quanh gian phòng, Trâm bực tức đặt mạnh chai dầu xuống bàn ngủ đầu giường và đứng lên :

— Mời các anh lên phòng khách, ở đây chật chội quá...

Ngũ thì tưởng Trâm ân cần mời mọc, thản nhiên đưa Biên lên lầu. Trâm gọi chị Ba lấy nước, bảo Tuân ngồi canh chừng Minh rồi bắt đắc dĩ lên theo hai người khách.

Ngũ ngồi xuống ghế và với tay xé một tờ lịch treo trên vách gần đó. Trâm khó chịu ngoảnh mặt đi. « Hắn làm như là người thân thiết trong nhà mình. Muốn làm « l'air » với Biên chắc. Minh phải tỏ cho Biên biết là Ngũ đối với mình không ra nghĩa lý cóc khô gì hết. »

Cho nên bỏ phép xã giao, Trâm mặc Ngũ ngồi ngơ ngẩn nhìn quanh phòng, tò mò ngấm nghĩa những bức hình chụp nhà ở, rạp hát nhà mồ của Shakespeare ở Straddford on Avon treo trên tường, quay sang hỏi han chuyện trò với Biên. Nàng không thích Biên — hoặc không nghĩ rằng có thích được hạng người như Biên không — nhưng dù sao Biên vẫn đứng đắn, lễ độ và biết phận hơn Ngũ. Lâu lắm Trâm mới

hỏi Ngũ một câu :

— Lâu nay anh vẫn vừa đi làm vừa học thêm Triết à.

Được dịp, Ngũ trút một hơi :

— Tôi thì làm chẳng ra làm, học chẳng ra học nữa. Cứ đi lang bang cho hết tháng ngày. Hôm nọ dạo quanh bờ hồ bị một mẻ vừa rắc rối vừa ly kỳ đó. Một cô học trò từ Sài Gòn về Đà Lạt, tự tử. Tôi đi ngang vừa lúc cô ta nhảy xuống, gần chỗ mấy chiếc bo-bo đậu. Lúc đó thật khuya, lạnh ngắt mà phải nhảy tòm xuống nước kéo cô ta lên. Rồi phải đi gọi cảnh sát. Phải theo cô ta vào nhà thương, phải đến trình ở bót...

Trâm ngắt ngang :

— Cô ta sống nổi không hay chết.

— Sống mới một chút. Và cô ta đi tìm tôi tạ ơn.

Rồi Ngũ kể tỉ mỉ những chi tiết về cuộc cải tử hoàn sinh cho người con gái lạ. Lúc bế cô ta lên xe. Lúc ngồi canh chờ cô ta tỉnh dậy, Lúc cô ta đi tìm gặp anh và hai người khai lý lịch cho nhau. Ngũ tưởng những điều đó làm Trâm chú ý và ganh tức, tưởng Trâm sẽ tiếc và níu anh lại với mình. Ngũ quên bằng đi một sự thật giản dị và gần gũi nhất : Không yêu, người ta không bao giờ thêm ghen. Và trường hợp anh, càng tìm cách chấp nối, ràng buộc, càng làm cho Trâm cảm thấy xa cách muốn đẩy bật anh ra khỏi thế giới của mình.

Chị Ba bưng trà lên, Trâm hỏi :

— Minh nó uống sữa chưa ?

— Thưa cô, anh ấy không dậy

uống. Nói mê nói sáng gì đâu ấy.

Trâm đứng dậy :

— Xin phép các anh, tôi xuống nhà một lát.

Ngũ tính ngồi yên chờ Trâm lên, nhưng Biên đã ra dấu cho Ngũ và cả hai theo Trâm xuống lầu rồi kiêu từ luôn. Khách vừa ra khỏi cửa, Trâm gọi Tuấn :

— Sao cháu để họ vào ?

— Cháu định nói cô đi vắng, nhưng họ nghe tiếng cô rồi mà.

Trâm lẩm bẩm :

— Người đâu mà lì thật.

Nành khóa cửa trước rồi vội vàng vào phòng Minh, ngồi xuống chiếc ghế đầu giường.

— Tuấn lấy vở xuống ngồi đó học bài. Chị Ba lấy cho tôi chén xúp đậu đây. Phien quá, nó chẳng ăn uống gì thế này.

Trong gian phòng yên tĩnh về khuya, chỉ còn tiếng thở mệt nhọc không đều của Minh, và tiếng gió quật nhẹ nhàng trên những cánh cửa kính đóng. Trâm ngồi yên lặng ngắm Minh, băn khoăn về những chuyện xảy ra chiều nay.

Buổi họp văn nghệ ở trường kéo dài đến bảy giờ tối. Khi Trâm về đến con đường nhà, trời đã tối mịt. Không thấy Minh và Tuấn ra đón như thường lệ mỗi lần đi dạy về muộn, Trâm đi nhanh như chạy xuống con đường dốc thoải thoải. Thằng Tuấn đứng chờ nàng trước cửa nhà.

— Cô mau lên. Anh Minh bị...

— Chuyện gì vậy.

— Anh ấy uống rượu đang say trong nhà.

Trâm nhảy xuống những bậc thềm đá và tuôn vào như gió, Nàng ném mấy quyển sách và cái ví tay lên lò sưởi rồi thoăn thoắt vào phòng Minh. Phòng chưa bật đèn, ánh sáng ở thang lầu hiu hắt dội vào, lờ mờ soi một cảnh tượng bừa bãi. Trâm đứng sững lại. Rồi tiến tới vài bước, cạnh bàn Minh đang ngồi. Yên lặng một lúc, rồi tiếng Trâm hát lên xa lạ mơ hồ.

Trâm hồi mãi, Minh chỉ lắc đầu không nói. Nó gục đầu xuống cánh tay duỗi trên mặt bàn. Tay kia còn cầm chắc chai rượu. Bên cạnh nó, sách vở bừa bãi lẫn với những mẫu tàn thuốc, những cây viết những mẫu giấy xé vụn và một cái cốc còn nồng nặc mùi rượu. Lúc đầu, Trâm còn cố giữ vẻ nghiêm trang của kẻ cả để hỏi tội Minh. Nhưng thấy vô hiệu nàng đổi thái độ. Mà Trâm cũng thấy lòng mềm lại, không muốn đóng kịch với Minh, với chính mình nữa. Trâm đặt nhẹ bàn tay lạnh giá lên mái tóc rồi bù của Minh. Nó ngửng lên nhìn nàng. Trong bóng tối lờ mờ, hai con mắt chột ngời lên một tia sáng rồi vội vàng lịm tắt. Đôi môi đầy và gợn như một nụ hôn, ướt át, nồng nàn hé ra, mấp máy.

Mái tóc mềm dịu của Minh như trôi đi dưới những ngón tay Trâm ân cần vuốt ve.

Giọng Trâm khác đi.

— Tại sao em như thế, Minh. Bàn tay bé nhỏ của Trâm ngập ngừng đưa xuống bờ vai Minh. Hơi nóng từ da thịt người con trai như bốc lên tằm áo len dày. Trâm cảm thấy thân hình,

cảm giác, đầu óc nó đang cháy lên, đang sôi bùng, sắp sửa nổ tung lên thiêu hủy chính nó. Trâm nghĩ mãi mà không hiểu vì sao nó đã uống gần nửa chai rượu. Vì sao nó muốn say, vì sao nó tự hành hạ như vậy ngay trong nhà này, nhà của một cô giáo. Có thể Minh buồn vì một chuyện riêng tư không liên hệ đến nàng. Nhưng vô lý. Tại sao mắt Minh nhìn Trâm kỳ lạ thế. Trong vẻ điên dại nồng nàn bất ngờ còn có cái gì như trách hờn, như đau xót. Trâm hiểu, cái nhìn đó. Vì đã bao nhiêu đôi mắt con trai đàn ông nhìn nàng như thế trong đời. Nhưng Minh chưa là đàn ông, cũng không còn là một đứa con trai. Dưới mắt Trâm trong ý nghĩ Trâm, nó chỉ là một thằng bé khác thường, nghịch ngợm mà lãng mạn. Trâm vẫn nhìn và tưởng như thế từ khi nó đến xin ở trọ. Nhưng chiều nay, trước mắt Trâm, nó biến đổi vô cùng nhanh chóng. Chỉ vì một chai rượu. Và một cơn điên nào đó dày vò tâm trí. Nó ngồi rũ rượi, chán chường và cô độc như những gã ăn chơi sau cuộc vui, muốn đập phá cho tan tành cái trống rỗng rã rời trong cuộc đời và thể xác. Nó ngồi đó. Bóng tối u uất vây quanh. Và nó làm kẻ bệnh hoạn bị bỏ rơi không ai sẵn sóc thăm viếng nữa. Cơn đau khổ nào đó hành hạ nó cũng là cơn đau khổ đầu tiên trong đời Trâm, khi nàng bằng tuổi nó bấy giờ. Ý nghĩ đó làm lòng trắc ẩn của người đàn bà trở mình thức giấc. Và lòng trắc ẩn đó bật lên tiếng kêu, tiếng trách qua câu hỏi, kiên nhẫn dịu dàng :

— Tại sao em làm như vậy, Minh.
Minh ngẩng lên, nhìn Trâm lâu hơn

và hình như vai nó dưới bàn tay nàng đột nhiên rung động.

Trâm gọi chị Ba lấy diêm và đốt một cây nến hồng đặt lên bàn trước mặt Minh. Chai rượu đã cạn khô không còn một giọt, nhưng bàn tay Minh còn bám chặt lấy như còn muốn uống nữa. Uống thật nhiều và sợ có ai dành dặt phần còn lại : Cốc rượu còn một nửa. Trâm cầm cái cốc định hất xuống nền nhà nhưng Minh thoát một cái như mèo vồ chuột chụp cái cốc trong tay Trâm và đưa lên môi nốc cạn. Rồi cả cánh tay nó để rơi xuống bàn, Cái cốc bung ra, rơi xuống, tiếng thủy tinh vỡ vang lên dòn dã. Và nó tỉnh lại. Nó đứng lên, buông chai rượu, một tay đặt lên má, một tay quờ quạng lên bức tường trống sau lưng. Hai con mắt nó đổ hoe nhìn Trâm vừa van lơn, vừa hoảng hốt. Da mặt tái xanh. Đôi môi run rẩy. Mái tóc rũ xuống vàng trán bê bết mồ hôi.

Trâm dìu Minh lại giường, ấn nó nằm xuống. Nhưng Minh bật dậy ngay, lấp bắp :

— Cô tưởng em say à. Không đâu.

— Em mệt. Phải nằm xuống.

Nó lắc đầu.

— Cô đi ăn cơm chứ. Mặc em.

— Tôi lấy xúp cho em nhé.

— Không, em đi ăn cơm. Ăn cơm với cô.

— Thì lên lầu ăn.

Minh ngoan ngoan theo Trâm lên thang lầu. Nhưng đến phòng ăn, mệt quá, nó ngồi phịch xuống ghế và

Trâm chưa kịp làm gì, Minh đã ngã vật xuống sàn nhà, nằm dài, mềm nhũn. Trâm lấy gối kê xuống đầu Minh rồi đắp khăn nhúng nước lạnh lên vầng trán nóng hăm hấp. Một lúc Minh tỉnh dậy đứng lên, lừ đừ, lão đảo. Rồi như điên, nó chạy lao xuống thang lầu, vào phòng, nhào vào đồng chân bừa bãi.

Bây giờ, nó nằm đó và Trâm chờ Minh tỉnh dậy. Bỗng nó ú ớ gọi. Trâm cúi xuống. Minh hé mắt nhìn lên:

— Sao sáng thế này cô.

— Đèn lấy mà.

— Không phải, cái gì thật sáng chung quanh người cô, kia.

Trâm ngạc nhiên:

— Có gì đâu, em nhầm rồi.

Minh ngồi dậy, lắc đầu cho những ám ảnh rụng xuống:

— Đó, sáng quá. Nhưng em không thấy gì cả. Em sợ. Cô còn đây không. Phải cô đây không, cô.

Thằng Tuấn, chị Ba đứng sau lưng Trâm lo lắng nhìn nhau.

Trâm thấy mình như bà phước trong một dương trí viện đang dỗ người điên tỉnh lại:

— Ừ, tôi đây. Em muốn gì nào.

— Em muốn nhiều lắm. Mà không thể được. Không được. Sao cô xa thế. Sao cô lớn như thế.

— Minh...

— Cô đừng đi, đừng bỏ đi nghe cô.

— Không. Tôi ở đây. Với em.

— Cô có đuổi em đi không?

— Không. Em ở đây. Với tôi.

— Em khát nước. Cô cho em uống. Chị Ba bưng ly nước trà lại và Trâm

kề vào mời người con trai. Bỗng nhiên Trâm thấy sợ. Hai con mắt Minh, qua ly nước óng ánh vàng, nhìn Trâm đăm đăm.

— Bây giờ em nằm yên. Chị Ba dọn dẹp trên bàn. Tuấn học bài đi.

Minh nằm xuống. Trâm kéo chân đắp kín người Minh. Nó nằm yên lặng nhìn lên và thì thầm:

— Có.

— Gì, em?

— Cái gì sáng thế cô.

— Có gì đâu em.

— Có, cái gì thật sáng xung quanh cô, như hào quang.

Trâm cúi xuống và tưởng như chưa bao giờ nàng cười dịu dàng đến thế:

— Em nói nhầm rồi.

— Thật mà. Sang như hôm em thấy Cô lần đầu tiên trên trường.

— Em thấy ở đâu nào?

— Ở gốc cây thông, lúc chào cờ, Cô đứng một mình, bao giờ cũng một mình, cũng chỗ đó. Áo kim tuyến lóng lánh mặt trời. Ai cũng nhìn cô...

— Nhưng bây giờ không có ai nhìn tôi nữa đâu. Còn em thấy tôi thôi mà.

— Ngày mai cô đến trường, tại nó lại nhìn cô... Cả « thằng Lưu » nữa.

Trâm sững sốt nghe tiếng thằng hèn học ở miệng Minh thốt ra. Nàng lơ mơ hiểu. Và sợ.

Nhưng Minh nói rất thân nhiên:

— Em làm phiền cô quá. Cô có mệt lắm không. Cô lên phòng nghỉ đi.

— Tôi không mệt, chỉ lo. Mong từ nay em không uống trong nhà tôi thế nữa. Và có gì cho tôi biết, nếu có thể tôi giúp được em.

Minh cười hóm hỉnh và bí mật :

— Chuyện này ... cô không giúp em được đâu. Không bao giờ. Mà nếu biết, chắc cô đuổi em đi ngay. Em ...

Minh bỏ dở câu nói và đột ngột xoay người vào trong, vùi mặt xuống gối. Tiếng người con trai ấp úng vọng lên :

— Cô cho em thuốc được không?

Trâm gọi thằng Tuấn lấy gói Salem và đưa cho Minh một miếng :

— Hút thuốc thì được. Nhưng uống rượu ... dễ sợ lắm.

Khuôn mặt Minh qua làn khói thuốc trở nên buồn rầu và thờ ơ :

— Buồn thì uống ...

— Em sai rồi. Uống thì say, tỉnh ra nỗi buồn vẫn còn đó. Còn uống mà không say lại buồn hơn, không chịu được, như rượu đốt cháy nỗi buồn của mình, tôi nhiều khi cũng vậy.

— Cô uống rượu ?

— Bây giờ thì hết. Không bao giờ say nữa. Em cũng đừng uống, nghe Minh.

— Còn tùy ở cô.

— Sao lại tùy tôi.

Minh mỉm cười, và lần đầu tiên từ khi nó đến nhà này, Trâm khám phá ra rằng nó có một cái gì trong tận cùng tâm hồn, đồng điệu với nàng, một cái gì, thoáng thoáng âm thầm, vô xé ray-rút. Như một nỗi khát khao một niềm mong đợi. Một cảm tưởng trống trải thiếu hụt nào đó trong cuộc đời, trong trái tim không còn trẻ nữa nhưng cũng chưa già nua cần cỗi. Cái gì đó là nụ cười buồn buồn khởi nguồn cho dòng nước mắt, là giọt nước mắt rung rung đón tiếp một niềm vui xao xuyến không ngờ.

Trước khi lên lầu, Trâm nói nhỏ, rất nhẹ với Minh.

— Thôi, ngủ đi em.

Ngủ đi em, Trâm nói như nói với chính mình. Thôi ngủ đi Trâm, ngủ đi những xao xuyến rộn ràng, những ước mơ thầm kín, những cảm giác mơ hồ vừa thức giấc thì thầm kêu gọi cho yên những ngày huyền ảo cũ, Những cuộc tình đã dấy chết. Ánh sáng đã lu mờ từ những đêm xưa. Ngủ yên cho quên cơn gió bão lại muốn bắt đầu.

Lên hết thang lầu, Trâm đứng lặng nhìn xuống vùng bóng tối dưới kia. Khuôn mặt Minh thoát buồn thoát vui hiện lên ở đó. « Phien rồi đây. Thật cay muốn lặng, gió chẳng dừng. Hay là mình nói Minh dọn đi. Vô lý, nó có làm gì, có lỗi gì đâu nào... » Một thoáng Trâm vụt nghĩ đến gia đình, đến những người quen biết, đến công việc, đến những dự định tương lai, đến vòng vây tù đày eo hẹp khe khắt của cuộc đời. Rồi Trâm nhìn xuống những nấc thang lầu đen thẫm trong khuya như một chiếc cầu giao nối địa ngục với Thiên đường. « Mình xuống hay lên ? » Bây giờ chiếc cầu vô tri ngủ yên đó. Và Trâm bỗng nghe vang vang tiếng giày thoăn thoắt của Minh qua từng nấc thang và tiếng reo của nó mỗi lần bải học :

— « Thừa cô em đi học về ».

Và nàng cũng nhớ có lần đã xuất đùa với Minh :

— Thừa em cõ đi dạy về.

Trâm nhìn xuống và buâng lauông mỉm cười trong bóng tối.

(còn nữa)

SINH HOẠT

Sinh hoạt Văn nghệ Việt-Nam ở Paris

HOÀI-THU-NGÂM thuật

Cô Minh-Đức từ Paris về, sau cuộc đảo chánh ngày 1 tháng 11 năm rồi không bao lâu. Cô về để thăm lại quê hương sau tám năm xa cách, người thân thuộc, các bạn văn và đề xuất bản vài tác phẩm.

Vốn là một hội viên của Bút-Việt, nên cô không thể chối từ lời yêu cầu của ban Thường-vụ : có chút quà gì để lại, trước khi giã từ đất nước lần thứ ba. Món quà đậm bạc ấy là buổi nói chuyện về « Sinh hoạt Văn-nghệ Việt-Nam ở Paris ».

Và tới hôm sau, lên máy bay, thì sáng hôm trước, chủ nhật 1 tháng 3-1964, cô ra mắt thính giả Sài-thành tại trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ. Và thính giả Sai-



Diễn giả : Cô Minh-Đức

thành đã đến quá đông — đặc biệt là nữ giới — để nghe nhà thơ « Lang thang » ấy nói về văn nghệ của người mình ở quê người và cũng đề... thấy tận mắt người nữ sĩ mà mình chỉ « văn kì tình » mà « bất kiến kì hình ». Và có điều đáng ghi là người ta thấy nhà văn hóa Hồ-Hữu-Tường lần đầu đi dự một cuộc sinh hoạt văn nghệ, sau khi được tự do ba tuần lễ.

Nhà văn Nhật-Tiến, đại diện cho

ban Tổ-chức, lãnh nhiệm vụ giới thiệu diễn giả. Nhóm Bút-Việt có hai hội viên trùng bút hiệu : một mày râu, và một má phấn, thường gây sự hiểu lầm, nên ông nhân dịp này mà xin thỉnh giả phân biệt nhà văn Minh-Đức trơn tru và nhà văn Minh-Đức có chữ *cổ* ở trước ; ông cũng cho biết cảm tưởng của ông đối với cô Minh-Đức, khi ở xa lúc ở gần. Ông chu đáo đến đôi « làm văn tả cảnh » buổi ban đầu gặp gỡ cùng nói rõ năm sanh của nữ thuyết trình viên. Nhưng vì ông nói có duyên nên người nghe ngồi dưới thỉnh đường và đứng trên sân khấu đều mỉm cười, vui vẻ. Và khi ông cúi đầu đề nhượng lời cho diễn giả, thỉnh giả vỗ tay mạnh và lâu.

Trong bộ đồ hàng trắng, với mái tóc dài tự nhiên xõa xuống vai, cô Minh-Đức không có vẻ gì là « hải ngoại ». Và cô nói, giản dị, hồn nhiên :

Cô vốn không nghĩ mình sẽ có cái hân hạnh được mời nói trước đồng bào về đề tài này, nên « chẳng có chuẩn bị mang theo một chút xíu tài liệu nào cả. » Thiếu sót, sơ xuất, nhất định là nhiều, và chưa chắc có đem được cái gì ích lợi gì cho thỉnh nên cô cần xin lỗi trước.

Tuy thế, nếu với buổi nói chuyện hôm nay mà cô có thể là « một cái cầu đề nối liền hai bờ Văn nghệ » của người Việt ở Pháp và ở quê hương, thì quả là trên sự mong muốn của cô.

Vô đề, cô cho biết số người Việt ở Paris rất đông. Con số chắc chắn, chưa ai dám nói là bao nhiêu. Theo tòa đại sứ Việt-Nam, thì bảo có hai ngàn sinh viên và độ bốn ngàn không phải là sinh viên. Nhưng ở đây, một tờ báo lại cho rằng Paris có đến tám ngàn sinh viên Việt. Và những gì cô sắp nói, là chính những gì cô đã tai nghe, mắt thấy mà thôi, và những lần này lại là những điều cô có thể nói được.

Nhận xét đầu tiên của diễn giả là ở Paris, không có tổ chức Văn nghệ thuần túy nào cả. « Thời buổi này, hình như mọi người đều muốn cột chân Văn nghệ vào cái bàn chính trị thì phải ». Cô xin gạt bỏ tất cả gì dính dấp đến chính trị, chỉ nhìn khía cạnh Văn nghệ mà thôi, mặc dầu như thế thì câu chuyện sẽ kém phần đậm đà.

Rồi cô điem qua các cơ quan ngôn luận của người Việt ở kinh đô ánh sáng.

Trước hết là tờ *Delta*, viết bằng tiếng Pháp, xuất bản hằng tháng, do anh em sinh viên Công giáo chủ trương. Anh em này tuy là công-giáo nhưng ở vào phái « tư tưởng tự do » (*Libre penseur*). Báo trước tên là « *Làm dân* » viết bằng tiếng Việt. Sở dĩ có sự thay đổi là vì muốn phổ biến trong dân chúng Pháp. Tờ báo này hiện gặp vài trở ngại, vì tìm được người Việt chịu viết cho không, mà lại viết bằng tiếng Pháp, là việc khó.

Tờ thứ hai là tờ « *Con đường xây*

dựng mới », chú trọng cả bảy ngành nghệ thuật. « Chủ bút kiêm chủ nhiệm, kiêm quản lý, kiêm bán báo, kiêm cả người quay rô-nê-ô » là một thiếu nữ, cô Hồ-Xích-Vệ. Cô này đã thành lập được một nhóm Văn nghệ gồm một số anh chị em sinh viên trẻ tuổi. Báo ra hai tháng một kì. Tờ báo sống khá chật vật. Đôi khi chịu cảnh mất thời gian tính và diễn giả đưa ra một ví dụ : sinh viên bên ấy ủng hộ cuộc tranh đấu của Phật giáo ở bên nhà, như tuyệt thực, đề biếu tình, ném cà chua, ném ghế v.v., mà báo in chưa xong, thì cuộc đảo chánh lật đổ chế độ cũ đã thành công !

Có một nhóm vừa thành lập, nhóm sinh viên Phật tử cầm đầu

là anh Vũ-Văn-Ái một sinh viên Y-khoa, theo diễn giả, nhóm này có lẽ sẽ làm được nhiều việc nhất.

Còn « báo chính-trị » thì khá nhiều, và chỉ đề biếu.

Báo thì đều quay rô-nê-ô cho đỡ tốn. Báo của ta xuất bản ở Pháp — nói chung — bán giới lắm là được ngàn số, còn thì hoặc một ngàn, hay hai ba trăm số. Phần đông các tờ báo gửi biếu, rồi đọc giả nào « có thương tình » thì sẽ ủng hộ sau.

Thu lại đủ vốn, là điều may mắn lắm, chẳng có chủ báo nào « dám ước mong hơn ».

Nói chung, thì ở Paris, chưa có một tổ chức Văn-nghệ nào xứng



Tấm hình kỷ niệm sau buổi nói chuyện tại Viện Quốc Gia Âm Nhạc : Từ trái sang phải: Huỳnh-Thiên-Kim, Vi-Huyền-Đặc, Nguyễn-Thị-Vinh, Minh Đức, Hồ-Hữu-Tường, Vũ-Hoàng-Chương, L.M. Thanh-Lãng, Nhật Tiến

với tên, chưa có nhóm Văn-ngệ nào đứng vững.

Tìm lí do, diễn giả cho ta biết có ba :

1.— Người Việt ở Paris sống rất khó khăn, vất vả suốt tuần, nên ngày nghỉ là về miền quê để tìm khí trời, « còn thì giờ đâu mà đi họp Văn-ngệ ».

2.— Chia ra nhiều nhóm, nhiều đảng phái quá, thành ra nghi kỵ nhau. Ai có thiện chí làm gì, thì bị người các nhóm khác dò xét hoặc tìm cách phá.

3.— Ích kỉ quá, hình như vong quốc. Số này không nhiều, nhưng họ là lớp người may mắn, học thành tài rồi, lại có công ăn việc làm chắc chắn. Họ triệt để theo cá nhân chủ nghĩa hoàn toàn đứng vững đối với bất cứ tổ chức, bất cứ phong trào gì do người đồng hương đề xướng, dù rằng họ biết đó là những người đầy thiện chí. « Họ đọc sách Pháp, chỉ giao thiệp với người Pháp, vui cái vui của người Pháp và lo cái lo của người Pháp ». Với hạng người này, họ « còn nói được tiếng Việt, còn cầm được đôi đũa » là một sự quý hóa lắm rồi, không nên đòi hỏi gì thêm nữa ».

Ngoài ra, còn có một số người yêu Văn nghệ, nhưng họ lại viết bằng tiếng Pháp. Vì họ nghĩ viết cho người Pháp, thì có tiền. . . franc ngay, và viết bằng tiếng Pháp thì may ra còn được dư luận quốc tế chú ý.

Nhưng cũng có người âm thầm hi sinh sức khỏe, thì giờ, lợi lộc để hi sinh cho nghệ thuật. Trong đó, nên kể anh bạn Trần-Văn-Khê đã nhiều lần mang chuồng đi đánh khắp nước người. Tiếc một điều là anh bạn Khê, cũng như nhiều nghệ sĩ chân chính khác, không được giúp đỡ về mặt tinh thần và vật chất mà trái lại...

Diễn giả nói đến hai nhà bán sách Việt ở Paris : Minh Tâm và Lê Lợi. Nhưng sách Việt bày bán, không nhiều, còn báo thì diễn giả chỉ thấy có mỗi một tạp chí Phổ Thông. Chánh phủ miền Nam (dưới chế độ cũ) không hề nghĩ đến việc phổ biến sách, báo Việt ở Pháp trong khi Chánh phủ miền Bắc lấy Văn nghệ làm một lợi khí tuyên truyền và cố sức phổ biến báo chí và Văn nghệ phẩm của họ : họ có tổ chức đấy, nhưng sách họ thiên về khảo cứu và tuyên truyền nhiều, ít có tánh cách Văn nghệ.

Chắc rằng anh em Văn nghệ bên này cũng muốn tác phẩm mình « vượt trùng dương » và được có mặt tại kinh thành Ánh sáng, để góp mặt ở một trung tâm diễm văn nghệ của thế giới, và để đồng bào xa nước được thưởng thức dễ dàng. Vậy những nhóm Văn nghệ ở đây, như nhóm Bút-Việt, nhóm Sáng-Tạo, nhóm Bạch-Nga, nhóm Bách-Khoa... có thể tìm cho một giải pháp nào chăng ?

Vì thế, mà diễn giả mang về quê hương tiếng than của anh em văn

nghệ Việt ở Pháp, kêu gọi có sự liên lạc, kêu gọi được sự giúp đỡ...

Diễn giả cho biết về cuộc sống của những người làm văn nghệ ở Pháp. Những người này không thể sống hoàn toàn về Văn nghệ; họ phải làm thêm việc khác: người thì làm thư kí, người thì đánh máy thuê, người đi giữ áo, người đi bưng mâm... Cô phàn nàn các văn nghệ sĩ ta ở đất Pháp sống rời rạc quá, chỉ nghĩ đến cá nhân mình, thiếu hẳn một người đứng lên đề «đứng mũi chịu sào», lại thiếu tiền, thành ra chưa có một tổ chức văn nghệ nào ra hồn. Và mỗi lần nhớ tới hình ảnh cô bạn Xích-Vệ, khi báo sắp ra, đi làm về là ăn vội ăn vàng, rồi xách cái « bao-ngủ » (sac de couchage), nhét vào nào gương nào lược, nào quần áo ngủ, xách xác ấy đi thật xa, chui xuống một cái hầm rượu mà người ta cho mượn để quay rô-nê-ô cho tờ « Con đường xây dựng mới », một mình quay báo cho tới hai giờ sáng, rồi chui vào bao-ngủ, đánh một giấc đề sáng dậy sớm, đi đến sở làm..., diễn giả không khỏi ngậm ngùi...

..

Linh mục Thanh-Lãng, chủ tịch Bút-Việt, lên nói vài lời cảm ơn thành tình của thỉnh giả đối với hoạt động của hội và đối với cuộc nói chuyện của cô Minh-Đức. Như diễn giả có nhắc đến và trông mong các nhóm văn nghệ ở nước nhà — trong đó có nhóm Bút-Việt—đề liên lạc và giúp đỡ các nhóm văn nghệ

Việt ở Pháp, ông hứa sẽ cố gắng đề đôi bên thường xuyên liên lạc và nâng đỡ lẫn nhau. Quả là đứng «đôi» này trông «núi» nọ.

Sau đó, cô Minh-Đức có đứng chụp một bức ảnh kỉ niệm với nữ sĩ Nguyễn-Thị-Vinh và các nhà văn Huỳnh-Thiên-Kim, Hồ-Hữu-Tường, Vũ-Hoàng-Chương, Vi-Huyền-Đắc, Thanh-Lãng, Nhật-Tiến.

Ra về, đa số thỉnh giả cho đây là một buổi sinh hoạt văn nghệ đặt dưới dấu hiệu của sự Duyên dáng. Người trình và người khép buổi nói chuyện đều có duyên cả, mỗi người một vẻ.

HOÀI-THU-NGÂM kể



Sự công bình xã hội giữa thành thị và nông thôn

NGUYỄN-NGU-Í thuật

Chiều ngày 1 tháng 3 năm 1964, tại trường trung học Nông-lâm-súc Cần-Thơ, ban Giám-đốc có tổ chức một cuộc nói chuyện về đề tài « Sự công bình giữa thành thị và nông thôn ». Thuyết trình viên là ông Dương - Minh - Triết, trưởng khu Thống-kê về Kinh tế nông nghiệp miền Tây.

Thỉnh giả độ ba trăm người, gồm có học viên của trường và nhóm

viên các cơ quan quân-dân chính trong tỉnh.

..

Diễn giả vừa mở đầu câu chuyện đã nói ngay đến một nỗi thiết thời của giới làm nông : nhắc đến « công bình xã hội », là người trí thức — ở nước ta và ở nước người — nghĩ ngay đến thợ thuyền tranh chấp với chủ, nạn người thất nghiệp ở những đô thành, hoặc nạn khan nhà ở các phố phường đông đúc. Có mấy ai mà nghĩ đến nông thôn.

Ông nói :

« Người nông dân, nạn nhân của chênh lệch, lẽ ra là phải kêu gào hay tranh đấu để thay đổi tình trạng ấy, nhưng một phần vì đã quen nếp sống thụ động, chỉ mong chờ ở cơn mưa tia nắng của tạo vật hơn ở sức mình, một phần vì ánh giản dị, ít ước mơ, và nếu có ước mơ chẳng nữa, cũng chẳng biết làm sao để thay đổi số phận mình vì tầm mắt không vượt khỏi đầu làng cuối ngõ, và tâm trí vốn bảo thủ không quan niệm được một lối sống khác lối ông cha để lại ; họ nhìn sự chênh lệch giữa đời sống nông thôn và đời sống thành thị như một sự dĩ nhiên, bất khả di dịch ».

Nhưng mà nỗi thiết thời sờ sờ của 80 phần trăm tổng số dân chúng nước nhà, không cho phép chúng ta thờ ơ được, nhất là khi chúng ta hầu hết là con cháu nhà nông, kinh tế nước nhà dựa vào nông nghiệp.

Rồi ông thừa trước sẽ không bàn đến công bằng xã hội ở thôn quê, mà chỉ nhìn tổng quát sự chênh lệch qua một vài hình thức giữa thành thị và nông thôn.

Và ông lần lượt đề cập đến :

— Vị trí của nền kinh tế nông thôn trong nền kinh tế quốc gia.

— Sự chênh lệch trong lãnh vực xã hội kinh tế.

I Vị-trí của nền kinh tế nông thôn.

Tổng số lợi tức quốc gia ước lượng khoảng 84 tỉ (bạc Việt-Nam, theo con số năm 1961). Tổng số lợi tức ở nông thôn có thể ước lượng chừng 27 tỉ.

Con số này là ở tại nơi sản xuất, chớ các thứ nông sản còn được tích trữ, chuyên chở, biến chế... và khi đến tay giới tiêu thụ, thì con số ở trên lại tăng gấp bội, nhưng người nông dân không hưởng được số sai biệt này. Thí dụ : 1 kg cà phê tại nơi sản xuất giá 60 đồng tối đa, mà người tiêu thụ phải trả 150 đồng tối thiểu.

Tóm lại, 11 triệu dân (1) ở thôn quê (tức là 80 phần trăm, dân số) phải sinh sống bằng 32 phần trăm lợi tức quốc gia.

Sự chênh lệch đập vào mắt.

II. — Sự chênh lệch trong lãnh vực văn hội.

Diễn giả nói đến vấn đề giáo dục trước, vì « giáo dục là căn bản phát

(1) Ta chỉ nói về miền Nam thời.

triển của mọi giá trị ». Nhìn vào con số ta thấy rõ : Số học sinh ở thôn quê trong toàn quốc, tỉ lệ như sau ;

Cấp Tiểu học : 69% (62% trường công ; 7% trường tư).

Cấp Trung học : 14% (3% trường công ; 11% trường tư).

Có số sai biệt rõ rệt, là vì các trường trung học đều ở tỉnh một ít ở quận ; trường hợp làng Hòa-Hảo, quận Tân-Châu ở Châu-Đốc hay làng Vĩnh-Kim ở Mĩ-Tho có một trường Trung học tới lớp đệ Tứ là trường hợp hiếm có.

Phải đi xa nhà, phải tốn kém thêm, là hai điều khiến học sinh nhà ở thôn quê lên Trung học ít.

Trên lãnh vực vệ sinh và y tế, sự thiệt thòi càng nổi bật. Ngoại trừ đô thành Sài-Gòn, trung bình có một bác sĩ cho 9.489 người dân thành, thì dân quê không có một bác sĩ nào, cũng như không có một dược sĩ, một nha sĩ nào, trong khi ở tỉnh lỵ, trung bình, 195.480 người thì có một dược sĩ và 108,600 người thì có một nha sĩ.

Về pháp luật, người dân quê thường hiểu biết kém về mặt này mà không có một cơ quan nào để hỏi, và phải chịu cảnh « chánh quyền xa, bản nha thì gần ».

Xét về mặt an lạc xã hội, thì người dân nghèo thôn quê ít lo hơn người dân nghèo ở đô thành trong việc ăn, ở. Vì mặc, nông thôn nay cũng đỡ ; người ta đã thấy các em bé

Sách Báo Mới

Bách - Khoa đã nhận được :

— **Hỏa ngục Xá - Lợi** : tập thơ của Lưu - Kỳ - Linh, do Thượng-Tọa Thích-Thiện-Minh đề tựa và tác giả gửi tặng. Sách xuất bản để chào mừng ngày Phật-giáo Việt-Nam Thống - Nhất, giá 20đ.

— **Gìn vàng giữ ngọc** : tập truyện ngắn của Doãn-Quốc-Sỹ, Sáng Tạo xuất bản lần thứ hai, và tác giả gửi tặng. Sách dày 168 trang, gồm 7 truyện ngắn, Ngọc - Dũng trình bày và minh-họa, Bản quý không đề giá bán.

— **Hoang** : tập thơ của Lê-Minh-Phượng-Thao và Bồng-Giang do tác giả gửi tặng. Sách in ro-néo, khổ 20×26, trình bày trang nhã, giá 48đ.

— **Vạn vật đệ nhất B, C, D** : của giáo sư Quang-Hoa, do trường Phan-Sào-Nam xuất bản, và tác giả gửi tặng. Sách dày 96 trang gồm 20 bài giảng về bộ phận cơ thể, cùng nhiều câu hỏi và hình ảnh dẫn giải. Giá bán 24đ.

Trân trọng cảm ơn các tác giả, soạn giả, và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng độc giả Bách-Khoa.

chân trâu bây giờ cũng bỏ áo lá để khoác áo mưa ni-lông màu này màu nọ.

Đặc biệt là tình trạng bất an ninh ở thôn quê làm người dân nơi đây sống trong bấp bênh, lo sợ, và nhiều khi, phải mất thì giờ và cũng khó trong việc làm đồn, đắp lộ, cả những khi bận việc đồng áng.

III.— Sự chênh lệch trong lãnh vực kinh tế.

Lợi tức trong năm của người nông dân so với lợi tức trung bình của mỗi đầu dân trong nước như sau :

Một năm trung bình, người nông dân được 2.360đ. lợi tức ; còn mỗi đầu dân, là : 6.000đ.

Ta thấy sự phân phối tài sản quốc gia không đồng đều, và bắt ta tìm hiểu tại sao lợi tức của người làm nông quá thấp kém như vậy.

Một là vì khu vực canh nông quá đông (80%), so với khu vực của thương mại và kỹ nghệ.

Thí dụ, theo con số thống kê, thì trung bình mỗi nóc gia canh tác được 1 mẫu 2 ; mỗi gia đình thường gồm 5 người, mà 3 người tham gia canh tác. Nhưng trên thực tế, mẫu 2 đất ruộng ấy cần nhiều lắm là 2 nhân công liên tục trong năm, như vậy có một người thất nghiệp... không chính thức mà ta không biết. Sự tận dụng nhân công chưa hề được thực hiện trong lãnh vực canh nông.

Xin thêm một bằng chứng cụ thể nữa : giá heo được ấn định từ 2.400đ. rồi lên 2.700đ. mỗi 100 ki. Trong khi đó, người nông dân nuôi heo cho đến khi bán được 100 kilô cũng phải mất 10 tháng hay một năm. Tính ra tiền mua heo con, mua thức ăn, công nuôi, có đến khoảng từ 2.900đ. đến 3.000đ. mỗi trăm ki. Rõ ràng là có sự lường công, hay nói cách khác, người ta gián tiếp lấy công người dân quê nuôi người thành thị.

Ở nước người, trong việc bán mua, người sản xuất hoặc kẻ trung gian, được bảo đảm một mức lời tối thiểu. Ở nước ta, trong lãnh vực canh nông người ta chưa thực hiện được sự bảo đảm này.

Hiện tình chưa cho phép ta giải quyết dứt khoát sự chênh lệch giữa thành thị và thôn quê, nhưng ta phải cố sao cho sự chênh lệch này nằm trong mức tối thiểu ; không thì mấy chữ « công bình xã hội » chẳng còn ý nghĩa gì.

Việc sau bằng những sự chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, ở nước ta, theo diễn giả có những điểm lạ sau này :

Một là người nông dân Việt rất chịu khó.

Hai là tiềm năng nhân lực còn thừa thãi quá nhiều.

Ba là tiềm năng nông nghiệp chưa được tận lực khai thác.

Ba yếu tố này mà được tận dụng



*Cần-Thơ với ông Trưởng
khu thống kê về Kinh tế
nông nghiệp miền Tây*

thì lợi tức của nông dân sẽ gia tăng.
Muốn thế, ta cần :

- 1.— Tổ chức và hòa hợp việc sử dụng tiềm năng nhân lực.
- 2.— Tổ chức cơ cấu xã hội (ngành đoàn hiệp hội, hợp tác xã).
- 3.— Tìm những phương tiện tài chánh để đầu tư sản xuất.

Về điểm một, một phần nhân lực có thể được sử dụng trong việc khuyến khích trồng canh tác bằng cách đào kinh, dẫn thủy nhập điền. Hệ thống thủy nông bảo đảm sự đủ canh. Vì phần nhiều ruộng thiếu nước nên chỉ làm một mùa trong năm. Còn như sau mùa lúa, nếu có nước, người dân quê còn trồng được khoai lang, đậu phộng... hoặc

tiếp tục làm mùa thứ nhì, tùy theo điều kiện đất đai mỗi nơi. Ta lại nhận những lúc rảnh rang của họ, mà khuyến khích những tiểu công nghệ gia đình : làm nón, dệt chiếu, làm đồ mây.

Hiện thời, có sẵn những tổ chức nông cốt : hiệp hội nông dân, hợp tác xã ; cần phải bành trướng, nhất là các hợp tác xã tiêu thụ, để tránh sự lợi dụng của lớp trung gian. Cũng cần phổ biến kỹ thuật mới và hướng dẫn nông dân. Các cơ quan khuyến nông cần được tích cực bành trướng.

Quốc gia nông tín cuộc, tới ngày nay, chỉ cho những kẻ khá giả (có tài sản bảo đảm). Cho nên số người được giúp đỡ rất bị hạn chế. Tại sao ta không tạo thêm một sự bảo đảm khác, bảo đảm bằng nông sản ? Được thế, sẽ giúp được đa số nông dân và chắc chắn sẽ giúp họ tăng thêm phần lợi tức.

Diễn giả mong rằng những nhận xét và đề nghị thô sơ của mình sẽ được các bạn trong đại gia đình canh nông bỏ khuyết ; ông mong rằng nếu mọi người chuyên viên của ngành canh nông đều quyết tâm hướng về nông thôn và xung phong tìm mọi biện pháp để thực hiện công bằng xã hội ở nơi này, thì tương lai đất nước sẽ tiến một bước dài.

NGUYỄN-NGUYỄN-1 thuật

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Bách Khon đã nhận được :

Lỗi vào cuộc đời (Dạ Thảo) Thư về Huế-Ý Thức... (Yến Nguyễn Thanh) Khi mùa xuân có mặt... (N.S. Hoài Thảo) Buổi chiều và con đường (Tần Hoài Dạ Vũ) Vang Vọng (Dương Minh Loan) Tâm sự người đi biển... (Dạ Thảo) Khi tôi buồn... (Du Tử Lê) Vết chân phương (Uyển Linh) Lời đồn... (Hoàng Lộc) Bài ca miền thượng du... (Triệu Nguyễn) Chia xa (Huỳnh Vương) Thư cho Phượng (Nguyễn thị Thanh Đạm) Xúc nóng... (Triệu Cung Tinh) Gặp Gỡ (Vũ-Vân-Toàn) Chân dung con người... (Hồ Trần Quang) Tương tư... (Tạ Đình Thương) Đào Duy Từ mục tử (Nhật Nguyệt) Nếu đừng quên... (Thái Ngọc San) Nắng mùa xuân... (Yến Thế) Xa cách... (Vũ Nam) Chuyện không thành (Hàng Xuân Thiên) Những dấu chân trên đoạn đời (Sương Biên Thùy) Đồng điệu — Bài ca số 10 (Sa-Châu) Tình

siêu... (Nhật Khanh) Bơ vơ - Bẽ bàng (Hoài Vọng) Anh sẽ về (Nguyễn Vũ) Người ở lại (Trinh Việt) Người bạn trọn vẹn... (Chiêu Vương) Người đi mô (Sô Băng) Đêm về qua thăm (Nàng Lai).

Ô. Hoàng Mai Chàng tôi đã nhận thư và thơ và có thư riêng tới ông.

Anh Nguyễn Nho Nhượng Đừng đọc thơ anh. Sẽ trả lời anh sau. Xin cho biết địa chỉ (vì bao bì đã bỏ đi mất).

Cùng các bạn gửi bài : Xin các bạn vui lòng ghi địa chỉ ở trong thư, để tiện việc khi cần trả lời riêng. X.H.

Các bạn Nhật-Nguyệt. Thái Ngọc-San, Tạ Đình-Thương Từ-Li.

Đã chuyển thơ cho người phụ trách.

N.N.I.

ĐÍNH CHÁNH

Bách-Khoa số 172 :

Typo «Trăm tư của một người tội từ hình» của Hồ-Hữu-Tường : trang 68, dòng 19 ; « tia sáng bị cháy gần », xin sửa : « ... cháy gần » ; dòng 28 : « của nửa thế kỷ sau, của thế kỷ hai mươi » xin sửa : « của nửa sau của thế kỷ hai mươi ... » ; trang 69, dòng 22, 23 : « Phật Di-Lặc Maitreya... chữa lại cái pháp cũ », xin sửa « Phật Di-Lặc (Maitreya)... chữa lại cái pháp cũ ».

«Đại học Huế tranh đấu chống chế độ cũ» của Nguyễn-Ngu-I : trang 27, cột 1 dòng 10 « Trường và tôi... », xin sửa : « Trường và tôi... » ; trang 28, cột 2, dòng 31, xin bỏ cái gạch ở đầu câu; trang 29, cột 2, dòng 2, « cứu vớt cho họ một giàn củi », xin sửa « ... họ ; một... » ; trang 30, cột 1, dòng 20, 21 ; « kém ôn hòa để các anh... », xin sửa : « kém ôn hòa, để các anh... » trang 38, cột 2, dòng 35, 36 : « Anh Quyển bắt được », xin sửa : « Anh Quyển biết được... » ; trang 44, cột 2, dòng 36, 37 ; « Họ có một phản ứng », xin sửa : « Họ không có... »

Và cải chánh trong số rồi : « Bùi Tường Huân » xin sửa lại Bùi Tường Huân.

Như một tiếng thất thanh vọng tới từ dưới vực sâu nhằm tổ cáo, phơi bày những khát vọng, những đau khổ của con người vì họ bị gò ép trong sự giả dối của những tập quán, đời sống tôn giáo. Linh-mục T., người gánh chịu những oan trái cuộc đời; Agnès, kẻ lừa dối trước lương tâm Công-giáo; Bô Khương, vật bị hy sinh đảm nhận tội lỗi không phải của mình; hình ảnh một xứ Đạo trong thời Kháng chiến; mùi hoa móng rồng, hoa sói, hoa soan.. Tất cả quay cuồng trong một cơn lốc, trong sự thê thảm đồ vớ hoàn toàn.

HỘI CHUÔNG TẮT LỬA

Truyện **THẾ-NGUYỄN**
NAM-SƠN XUẤT-BẢN

Đã phát hành

HAI TÁC PHẨM MỚI
CỦA NHÀ XUẤT BẢN

SÁNG-TẠO

- **GÌN VÀNG GIỮ NGỌC**
Tập truyện ngắn của
DOÃN-QUỐC-SỸ xuất bản
lần thứ hai, 180 trang giá 44\$
- **BƠ VƠ** Truyện dài của
cô **MINH ĐỨC HOÀI**
TRINH; 240 trang giá 52\$

Bản quý của hai tác phẩm
trên mỗi quyền 100\$

Thư từ giao dịch xin đề theo địa chỉ:
DOÃN-QUỐC-SỸ

338/60B Thành Thái — Chợ lớn

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LAM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU



HERMES

LOẠI XÁCH TAY ○ **LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY** →

— tại nhà in **I.N.D.E.O.** —

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone: 20.821 — SAIGON



755 Bài Toán đố

LỚP NHẤT VÀ LUYỆN THI ĐỀ THẬT

Của Ô. TRẦN VĂN THUẬN

Hiệu trưởng trường Bình Thới Phú-Thọ.

Các bài toán đều chia thành loại có bài giải mẫu và bài giải những tính khó.

Nhận thức

TIẾNG NÓI THANH-NIÊN SINH-VIÊN HIỆN-ĐẠI

NGUYỆT-SAN

SỐ RA MẮT : Tháng 2-1964

NHẬT BÁO THÌ QUÁ NHIỀU, MỖI NGÀY BIẾT CHỌN ĐỌC TỜ NÀO

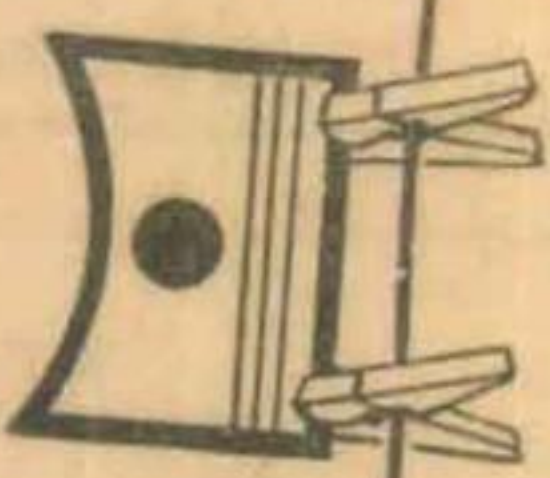
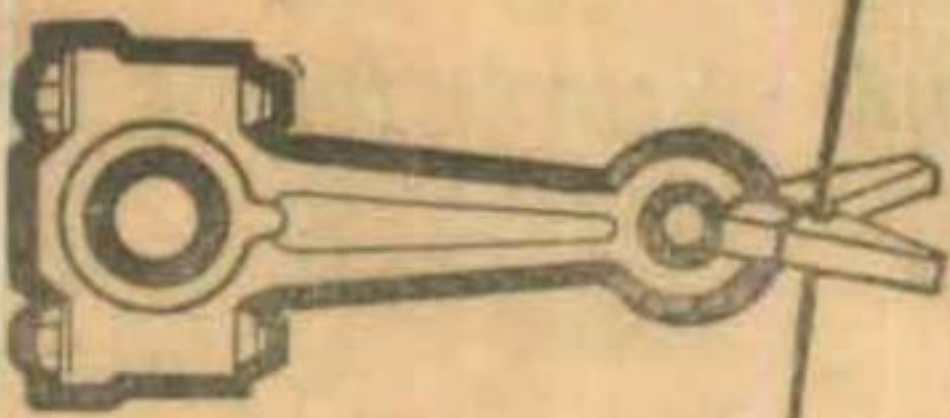
CAU HỎI TRÊN ĐẶT RA MỘT SỐ ĐIỀU CHUẨN
ĐỀ CHỌN BÁO ĐỌC ĐƯỢC — ĐỌC ĐƯỢC NGHĨA LÀ :

- Trước hết, không có hại cho vợ, con trong gia đình về đạo-đức.
- Báo phải có văn-đề, có bàn luận thời cuộc chứ báo không hoàn-toàn là một thứ giải trí vô-bổ.
- Báo phải có nhiều tin, nhưng phải là tin có thể « tin được ».
- Báo phải tranh đấu cho Dân, dám ăn, dám nói, dám tin ở sức mạnh của ngòi viết.

Nhật báo NGƯỜI VIỆT TỰ DO

THỰC CÓ ĐỦ MỌI ĐIỀU NÓI TRÊN
ĐÓ LÀ TỜ BÁO MÀ CHỒNG CŨNG ƯA,
VỢ CŨNG THÍCH CON CŨNG HAM

Bạn thử đọc một số xem !



hơn 50 năm tại Việt - Nam

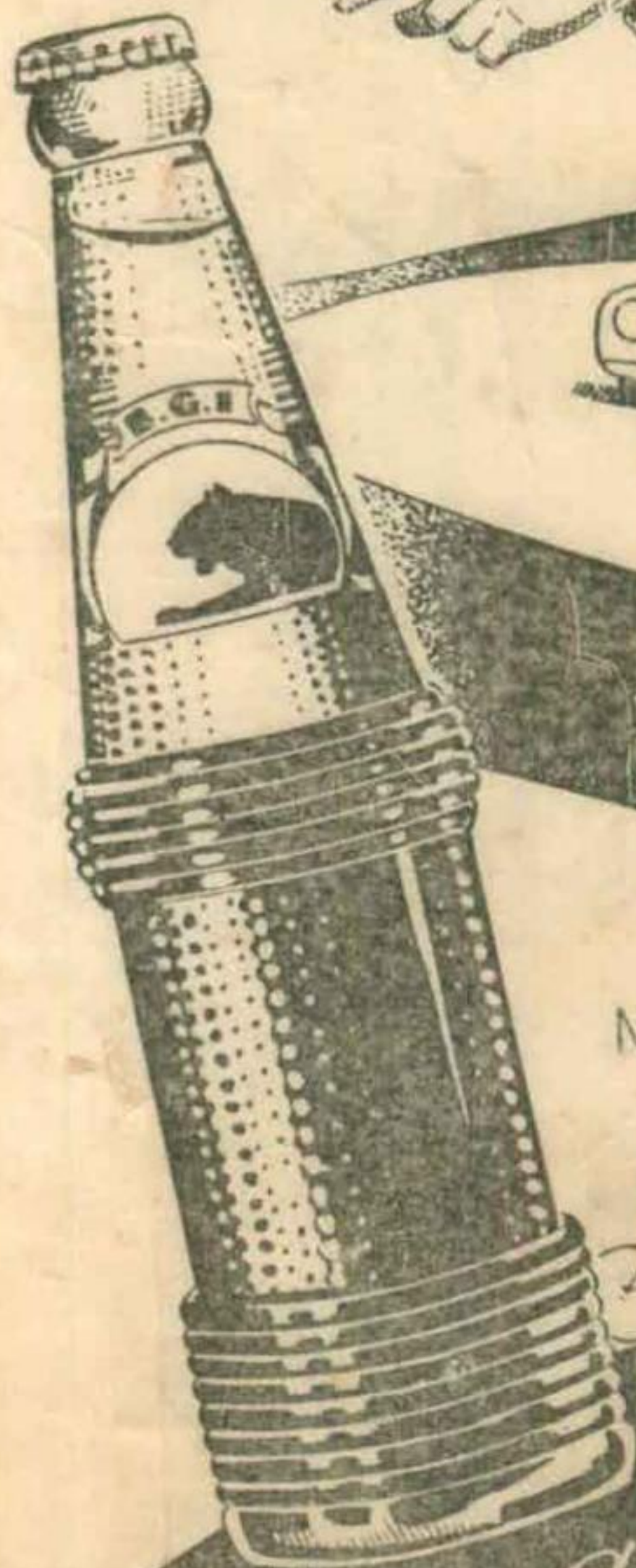


TRONG GIA-ĐÌNH EM-AM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "**CON-CỌP**"



Chai **"HỒA TIÊN"!**

COTIAB



Cigarettes

VIRGINIE